

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

NGUYỄN THỊ KHOA

**VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRONG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH
TẠI HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

HÀ NỘI – 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ KHOA

**VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI
TRONG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH
TẠI HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Chuyên ngành: Công tác xã hội

Mã số: CT 02013

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. BÙI THỊ MAI ĐÔNG

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn Thạc sĩ Công tác xã hội đề tài “*Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên*” là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này./.

Tác giả luận văn

Nguyễn Thị Khoa

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên cho phép tôi được bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới tập thể thầy cô giáo trường Đại học Lao động- Xã Hội đã tận tình và truyền đạt cho tôi những kiến thức, kinh nghiệm, tâm huyết với nghề nghiệp.

Xin trân trọng cảm ơn TS. Bùi Thị Mai Đông người đã hướng dẫn và chỉ bảo cho tôi rất tận tình trong suốt quá trình thực hiện đề tài. Nhờ có sự chỉ bảo giúp đỡ của cô, tôi đã có được nhiều kinh nghiệm quý báu trong việc triển khai và thực hiện đề tài nghiên cứu.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo Đảng ủy – HĐND – UBND – UBMTTQ thị trấn Hương Sơn và xã Nga My đã giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho tôi thực hiện nghiên cứu.

Dù đã rất cố gắng và tâm huyết với đề tài nhưng do kiến thức của bản thân về lĩnh vực nghiên cứu chưa thực sự chuyên sâu, thời gian nghiên cứu còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, tôi rất mong nhận được các đánh giá, góp ý của các thầy cô giáo để luận văn của tôi được hoàn chỉnh và có chất lượng hơn.

Phú Bình, ngày 30 tháng 7 năm 2018

Học viên

Nguyễn Thị Khoa

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	IV
DANH MỤC BẢNG, BIỂU.....	V
MỞ ĐẦU.....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài	4
3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu.....	13
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu.....	14
5. Phương pháp nghiên cứu	15
6. Những đóng góp mới của Luận văn	17
7. Kết cấu của luận văn	18
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH	19
1.1. Một số khái niệm	19
1.1.1. Bạo lực gia đình	19
1.1.2. Công tác xã hội trong phòng chống BLGD.....	28
1.1.3. Nhân viên công tác xã hội.....	29
1.1.4. Vai trò của nhân viên công tác xã hội	30
1.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống BLGD. ...	33
1.2.1. Vai trò người cung cấp thông tin, truyền thông.....	34
1.2.2. Với vai trò là người kết nối.....	34
1.2.3. Vai trò người chăm sóc.....	34
1.2.4. Vai trò người hỗ trợ tâm lý	34
1.2.5. Vai trò người trợ giúp pháp lý	34
1.2.6. Vai trò người vận động nguồn lực	35
1.3. Một số lý thuyết ứng dụng trong CTXH trong phòng, chống BLGD	35
1.3.1. Lý thuyết nhu cầu của Maslow	35

1.3.2. Lý thuyết hệ thống sinh thái	37
1.3.3. Lý thuyết về vai trò.....	37
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1.....	39
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG VIỆC THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH TẠI HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN.....	40
2.1. Khái quát chung về địa bàn và khách thể nghiên cứu.....	40
2.1.1. Khái quát chung về địa bàn nghiên cứu	40
2.1.2. Khái quát chung về khách thể nghiên cứu.....	52
2.2. Thực trạng việc thực hiện một số vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình.....	55
2.2.1. Vai trò người cung cấp thông tin, truyền thông	56
2.2.2. Vai trò người kết nối.....	60
2.2.3. Vai trò người chăm sóc.....	62
2.2.4. Vai trò người trợ giúp pháp lý	67
2.2.5. Vai trò người vận động nguồn lực	70
2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình.	74
2.3.1. Trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức của đội ngũ làm công tác xã hội.....	74
2.3.2. Nhận thức của người dân trong cộng đồng về BLGD và CTXH trong phòng, chống BLGD.....	76
2.3.3. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về CTXH trong phòng chống BLGD	77
2.3.4. Điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước và những chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước đối với phát triển nghề công tác xã hội	79

2.3.5. Sự tham gia của Gia đình có bạo lực	80
2.3.6. Nhận thức của cán bộ chính quyền địa phương và các ban ngành, đoàn thể về vai trò của công tác xã hội trong phòng chống BLGD.	80
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2	83
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ	85
3.1. Một số giải pháp góp phần thực hiện tốt vai trò của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD trên địa bàn huyện Phú Bình	85
3.1.1. Nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về BLGD và vai trò CTXH trong phòng chống BLGD.	85
3.1.2. Xây dựng đội ngũ nhân viên CTXH chuyên nghiệp và phát triển đội ngũ cộng tác viên CTXH tại địa phương	87
3.1.3. Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng CTXH trong lĩnh vực phòng, chống BLGD cho đội ngũ NVXH chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp	88
3.1.4. Xây dựng mạng lưới, phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng, chống bạo lực gia đình	89
3.1.5. Hoàn thiện cơ sở pháp lý để xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của nhân viên công tác xã hội nói chung, trong phòng chống BLGD nói riêng.....	90
3.2. Kiến nghị	90
3.2.1. Đối với nhà nước.	90
3.2.2. Đối với UBND huyện và các cơ quan chức năng	91
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3	93
PHẦN KẾT LUẬN	94
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

CTXH: Công tác xã hội

BLGD: Bạo lực gia đình

TGPL: Trợ giúp pháp lý

PCBLGD: Phòng, chống bạo lực gia đình

DANH MỤC BẢNG, BIỂU

Biểu 2.1. Tình hình BLGD tại địa phương.....	42
Biểu 2.2. Tần suất bị bạo lực gia đình	45
Biểu 2.3. Nguyên nhân của bạo lực gia đình.....	46
Biểu 2.4 : Kênh các văn bản pháp luật về phòng chống BLGD.	59
Biểu 2.5. Nhân viên CTXH	77
Bảng 2.1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu.....	52
Bảng 2.2. Mức độ hiểu biết các văn bản pháp luật về bạo lực gia đình.....	69

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Hiện trạng bạo lực gia đình (BLGD) trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng đã và đang là vấn đề quan tâm của toàn xã hội. Theo thống kê của tổ chức Y tế thế giới, cứ ba phụ nữ thì có một phụ nữ đang phải chịu sự đánh đập, cưỡng bức hoặc bị ngược đãi ít nhất một lần trong đời bởi chính người chồng của họ. Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam do Tổng cục thống kê và Liên hợp quốc tại Việt Nam công bố vào năm 2010 cho thấy mức độ nghiêm trọng của vấn đề. Có tới 58% phụ nữ từng kết hôn cho biết đã trải qua ít nhất một hình thức bạo lực về thể xác, tình dục hay tinh thần. Bạo lực gia đình là một vấn nạn xã hội để lại hậu quả nghiêm trọng về thể chất, tâm lý; gây tổn thất về kinh tế không chỉ cho bản thân người bị bạo lực mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến gia đình và toàn xã hội.

Nhận thức được hậu quả nghiêm trọng của BLGD, trong những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã giành nhiều sự quan tâm tới việc phòng chống bạo lực gia đình và đã ban hành nhiều đạo luật trực tiếp và gián tiếp như: Hiến pháp; Bộ luật dân sự; Luật bình đẳng giới; Luật hôn nhân và gia đình; Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em... đặc biệt Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2007 đã tạo hành lang pháp lý cũng như môi trường thuận lợi để phòng chống bạo lực gia đình. Tiếp sau việc thông qua đạo luật này, nhiều nghị định, thông tư chiến lược và kế hoạch hành động đã được xây dựng để hướng dẫn thực hiện luật. Nhưng đánh giá một cách khách quan thì các văn bản pháp luật này chưa thực sự đi vào cuộc sống, sự quan tâm và hiểu biết về bạo lực gia đình chưa đi vào chiều sâu, tình trạng bạo lực gia đình chưa có nhiều thay đổi và chuyển biến tích cực.

Theo kết quả điều tra bạo lực gia đình ở Việt Nam năm 2012 của Bộ Văn hóa thể thao và du lịch cho thấy bạo lực gia đình xảy ra ở khắp các quốc gia trên thế giới với những mức độ và đối tượng khác nhau, nạn nhân chủ yếu là nữ giới. Các kết quả nghiên cứu đều thống nhất chỉ ra nguyên nhân gốc rễ của bạo lực gia đình là sự bất bình đẳng về quyền lực, về tiếng nói, và sự kiểm soát nguồn lực giữa nam giới và nữ giới. Và các yếu tố khác như: kinh tế khó khăn, lạm dụng rượu bia, ma túy, thiếu các kỹ năng ứng xử, giải quyết trong gia đình... cũng là những yếu tố làm gia tăng bạo lực gia đình.

Bạo lực gia đình đã gây ra những đau khổ và thiệt hại cả về vật chất và tinh thần.

Phú Bình là một huyện trung du của tỉnh Thái Nguyên, nằm ở phía nam của tỉnh, trung tâm huyện cách thành phố Thái Nguyên 26 km, cách thị xã Bắc Ninh 50km. Tổng diện tích đất tự nhiên của huyện là 243.4 km². Toàn huyện có 20 đơn vị hành chính gồm 19 xã và 01 thị trấn. Dân số năm 2017 là 142.314 người. *(trong đó đồng bào dân tộc thiểu số trên 12.500 người, chiếm trên 8%)*. Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo trên 20%.

Trong những năm qua mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, thách thức, song với việc triển khai đồng bộ, sáng tạo sự chỉ đạo của tỉnh Thái Nguyên; sự lãnh đạo, điều hành linh hoạt, kịp thời của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện; sự nỗ lực cố gắng của các cấp, các ngành và sự đồng thuận, quyết tâm cao của nhân dân trong huyện, tình hình kinh tế - xã hội huyện Phú Bình tiếp tục được giữ ổn định và có sự tăng trưởng; đời sống vật chất cũng như tinh thần của nhân dân ngày một cải thiện.

Cũng giống như nhiều địa phương khác trong tỉnh vấn đề bạo lực gia đình ở huyện Phú Bình là vấn đề đang nhức nhối, nhiều vụ việc bạo lực gia đình không được trình báo, không được phát hiện, nạn nhân vẫn âm thầm chịu đựng bị bạo lực gia đình và chưa nhận được sự hỗ trợ. Theo báo cáo của

phòng Văn hóa - Thông tin huyện tình trạng bạo lực gia đình trên địa bàn huyện xảy ra ít, tuy nhiên còn có nhiều vụ việc người dân không trình báo nên các cơ quan chức năng ko biết. Người gây bạo lực chưa được xử lý nghiêm minh, các hình thức xử phạt chỉ mang tính răn đe chứ chưa mang lại hiệu quả thực sự.

Phòng, chống BLGD không phải là “Chuyện riêng của gia đình” mà là trách nhiệm của mỗi người dân và toàn xã hội; Do vậy, các hoạt động ngăn ngừa, giảm thiểu và xử lý các hành vi BLGD nhất thiết phải có sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và người dân. Tuy nhiên, do Công tác xã hội ở Việt Nam là một nghề mới, còn tồn tại nhiều khó khăn bất cập. Trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình vai trò của công tác xã hội còn mờ nhạt. *Theo đề án 32* “ Phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức, nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội trong cả nước, phấn đấu đến năm 2015 tăng khoảng 10%. Trong đó, mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất từ 01 đến 02 cán bộ, viên chức, nhân viên công tác xã hội thuộc chức danh không chuyên trách hoặc cộng tác viên công tác xã hội với mức phụ cấp hàng tháng bằng mức lương tối thiểu chung do Chính phủ quy định....” nhưng trên thực tế hiện nay trên địa bàn huyện chưa có những nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp. Họ là những cán bộ bán chuyên trách, kiêm nhiệm nên khi xảy ra tình trạng bạo lực gia đình các nạn nhân chưa được giúp đỡ toàn diện, chưa phát huy được nội lực của mình.

Nhận thức rõ vấn đề trên tác giả đã chọn đề tài: ***“Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên”*** để nghiên cứu và từ đó tìm ra giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động, phát huy vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trong phạm vi nghiên cứu luận văn này, tác giả lựa chọn và phân tích một số công trình nghiên cứu, bài viết, tạp chí tiêu biểu trong nước và quốc tế liên quan đến bạo lực đối với phụ nữ. Cụ thể như sau:

2.1. Những nghiên cứu trên thế giới:

Tạp chí quốc tế về phúc lợi xã hội (International Journal of Social Welfare) số 18/2009 đã đăng tải bài viết của tác giả Weinehall, K. và Jonsson, M về “*Sự bảo vệ phụ nữ khỏi bạo hành của nam giới – Women under protection – in hiding from violent men*” (2009: 419-430). Các tác giả cho biết, năm 2007, dân số Thụy Điển vào khoảng 11.047 người, trong đó có khoảng 9 triệu người đang phải sống trong những điều kiện có nguy cơ cao cần sự bảo vệ cho sự an toàn của họ. 60% là phụ nữ, hầu hết họ đang phải trốn chạy khỏi những người đàn ông đã đánh đập họ, thậm trí vẫn tiếp tục đe dọa và tìm kiếm họ. Với nhóm phụ nữ này, các dịch vụ xã hội đem đến cho họ nhiều sự trợ giúp hữu ích như cung cấp thức ăn, chỗ ở, chăm sóc y tế, hỗ trợ tài chính và các hình thức bảo vệ xã hội. Điều đáng quan ngại là các dịch vụ xã hội cũng gặp nhiều khó khăn trong việc trợ giúp các nạn nhân do sự hạn chế về nguồn lực tài chính. Bởi vậy, sự trợ giúp của họ mới chỉ mang tính tạm thời và ngắn hạn.

Tạp chí Tư vấn và Phát triển (Journal of Counselling and Development) số 88 đã đăng bài viết của McLeod, A.L và các cộng sự về “*Kinh nghiệm tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ của những phụ nữ là nạn nhân của bạo lực – Female Intimate partner violence survivors experience with necessary resources*” (2010: 303-310) cho thấy gia đình và những người thân thường giúp đỡ nạn nhân có được chỗ ở an toàn sau khi bạo lực gia đình xảy ra. Tuy nhiên, tâm lý sợ hãi, xấu hổ của bản thân các nạn nhân hoặc suy nghĩ không dám rời bỏ người chồng của mình bởi điều đó có thể khiến họ phải từ bỏ ngôi

nhà, con cái và các mối quan hệ thân thuộc cũng là rào cản đối với phụ nữ trong việc tìm kiếm sự trợ giúp từ phía mạng lưới các mối quan hệ xã hội của mình. Đánh giá về các nguồn lực hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực, tác giả cho biết, các nguồn lực không phải lúc nào cũng sẵn có ở cộng đồng, nhất là ở vùng nông thôn. Ở nhiều nơi, các nạn nhân còn thiếu phương tiện đi lại để đến được với các dịch vụ trợ giúp. Đối với các nhà công tác xã hội và cán bộ tư vấn, McLeod và các cộng sự cho rằng các nhà tư vấn cần hiểu và đánh giá một cách đầy đủ về các nguồn lực cá nhân của nạn nhân và khả năng tiếp cận các nguồn lực của họ, từ đó cung cấp cho họ sự bảo vệ và trợ giúp một cách phù hợp nhất.

Tài liệu thảo luận của Liên hợp quốc “Từ bạo lực gia đình đến bạo lực giới tại Việt Nam: mối liên hệ giữa các hình thức bạo lực” xuất bản năm 2014 cho biết: Bạo lực giới là một hiện tượng phổ biến và phức tạp, thể hiện dưới nhiều hình thức, từ bạo lực gia đình đến quấy rối tình dục. Bạo lực giới duy trì sự bất bình đẳng giữa nam giới và phụ nữ và là động lực duy trì, tăng cường các vai trò giới truyền thống. Trong mọi hình thức của bạo lực giới, phần lớn nạn nhân là phụ nữ và trẻ em gái nhưng họ lại ít được tiếp cận và nhận được dịch vụ hỗ trợ pháp lý. Và sự thiếu hụt quyền lực của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội dẫn đến tình trạng các nhà chức trách/cơ quan chức năng làm ngơ và không hành động khi phụ nữ bị bạo lực tìm kiếm sự hỗ trợ, can thiệp.

Chuyên gia quản lý truyền thông của Hiệp hội công tác xã hội toàn cầu Nicole Brown đã có bài viết *“Nhân viên dịch vụ xã hội có thể giúp chấm dứt bạo lực đối với phụ nữ- Social Service Workers can help end violence against women”* đăng trên tạp chí năm 2015 cho biết, Hiệp hội công tác xã hội toàn cầu sẽ huấn luyện các nhân viên dịch vụ xã hội để phân tích và hiểu các lý do phức tạp và khác nhau mà bạo lực xảy ra đối với phụ nữ và có thể hỗ trợ cộng

đồng thay đổi hành vi xã hội và ngăn ngừa bạo lực. Nhân viên dịch vụ xã hội cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn, giới thiệu để chăm sóc và điều trị sức khoẻ thể chất, tâm thần và tâm lý xã hội cho phụ nữ bị bạo lực. Nhân viên dịch vụ xã hội cũng có thể là người vận động chính sách cho các nạn nhân, và đôi khi có vai trò dẫn đầu trong việc hỗ trợ pháp lý cho nạn nhân bằng cách làm việc chặt chẽ với cơ quan thực thi pháp luật.

2.2. Những nghiên cứu ở Việt Nam

Cũng như các nước trên thế giới, hiện nay, Việt Nam đang phải đối mặt với nhiều thách thức, trong đó có bạo lực gia đình. Bạo lực gia đình có nguồn gốc từ lâu đời trong xã hội phong kiến Việt Nam và diễn ra ở tất cả các tầng lớp xã hội, cả nông thôn và thành thị. Trong văn hóa Việt Nam, nguyên nhân của bạo lực gia đình chủ yếu là do bất bình đẳng giới, trong đó, phụ nữ luôn được đòi hỏi phải tuân thủ những chuẩn mực, giá trị nhất định để đáp ứng với đòi hỏi, mong đợi của gia đình cũng như của cộng đồng xã hội. Bạo lực gia đình có sự khác nhau về mức độ, tính chất và cách thức biểu hiện. Các số liệu thống kê của Việt Nam trong thời gian qua cho thấy tình trạng bạo lực gia đình có xu hướng gia tăng cả về mức độ và tính chất nghiêm trọng, được biểu hiện tinh vi hơn, phức tạp hơn. Theo một nghiên cứu gần đây, có khoảng 20-25% gia đình Việt Nam có bạo lực trên cơ sở giới; 66% vụ ly hôn ở Việt Nam có liên quan đến bạo lực¹.

Nhận thức được hậu quả nghiêm trọng của bạo lực gia đình, trong những năm gần đây, Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội đã có những hành động tích cực phòng chống tệ nạn này. Điều này được thể hiện rõ trong các chủ trương, chính sách như: năm 1980, Chính phủ Việt Nam đã ký kết gia nhập công ước về loại bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ

nữ (CEDAW); Luật phòng chống bạo lực gia đình đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 2 ngày 21/11/2007 và có hiệu lực từ ngày 01/7/2008.

Với sự quan tâm sát sao và băn khoăn trước câu hỏi làm gì và làm như thế nào để chống lại bạo lực gia đình, cuốn sách: “*Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ*” do tác giả Hoàng Bá Thịnh làm chủ biên được xây dựng từ một tập hợp các bài nghiên cứu, tham luận đã được trình bày trong Hội thảo: “*Bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ*”. Cuốn sách phần lớn đề cập đến vấn đề bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình với các quan điểm, góc độ khác nhau như: thực trạng bạo lực phụ nữ trong gia đình; hình thức, nguyên nhân và hậu quả của bạo lực gia đình; sự hạn chế của nhận thức và hành vi của cá nhân, cộng đồng trong việc chống lại bạo lực đối với phụ nữ trong gia đình và sự cần thiết phải hình thành áp lực cộng đồng đối với vấn đề này; thái độ, hành vi của cộng đồng đối với bạo lực giới; xã hội hóa tại cộng đồng, vấn đề chống bạo lực đối với phụ nữ... Ngoài ra, cuốn sách còn đề cập đến sự tác động của bạo lực gia đình đối với trẻ em; hậu quả của nó liên quan đến tự sát. Với thực trạng bạo lực gia đình, cuốn sách nêu ra các quan điểm, các giải pháp quan trọng trong phòng chống bạo lực gia đình. Trong các giải pháp được đưa ra, cuốn sách đặc biệt nhấn mạnh đến vai trò, tầm quan trọng của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ, trong đó đặc biệt đề cập đến: việc nhận thức về quyền của phụ nữ; tuyên truyền phổ biến pháp luật cho phụ nữ trên các kênh thông tin truyền thông; công tác tư vấn... Nhìn chung, đây là một cuốn sách với đa dạng các góc nhìn giúp người đọc có cái nhìn khá toàn diện về bạo lực gia đình ở Việt Nam.

Những khía cạnh của bạo lực gia đình cũng được thể hiện rõ nét trên các kết quả nghiên cứu khác như: “*Bạo lực trong gia đình*” của Bùi Thu Hằng,

đăng trên Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 2/2001; “*Nghiên cứu bạo lực gia đình trên cơ sở giới ở Việt Nam*” do tác giả Nguyễn Hữu Minh và các cộng sự, năm 2005; “*Bạo lực của chồng đối với vợ ở Việt Nam trong những năm gần đây*” của nhóm tác giả thuộc Viện Gia đình và Giới, đăng trên Tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 3/2006; “*Bạo lực giới: cái giá phải trả quá cao*” (UNFPA, 2005); “*Bạo lực gia đình - nghiên cứu và đề xuất*” của tác giả Đinh Văn Quảng, đăng trên Tạp chí Gia đình và Trẻ em, số 6/2007. Các công trình nghiên cứu này tóm lược, so sánh kết quả nghiên cứu trước đó và đưa ra bức tranh chung, đa màu sắc về bạo lực gia đình, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến vấn đề nhận thức. Kết luận chung của các nghiên cứu này cho thấy nhận thức của nhân dân, nhất là phụ nữ về bạo lực, bình đẳng giới còn nhiều hạn chế. Những nguyên nhân được tổng hợp từ các nghiên cứu này giống với các nguyên nhân của nghiên cứu thực địa. Cụ thể, sự hạn chế về trình độ học vấn, khó khăn về kinh tế, nghề nghiệp, sự gia tăng của tệ nạn xã hội... làm cho việc giảm thiểu tình trạng bạo lực thêm khó khăn và phức tạp. Các nghiên cứu cũng đồng nhất rằng, việc phòng chống bạo lực gia đình đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ với nhiều biện pháp, kể cả những biện pháp mang tính giáo dục, phòng ngừa lẫn các biện pháp xử lý bằng luật pháp. Một mặt, nó thể hiện thái độ không khoan nhượng của Nhà nước đối với hành vi vi phạm, mặt khác có tác dụng răn đe, giáo dục đối với chính người vi phạm và có ý nghĩa phòng ngừa đối với những người khác.

Góp phần phản ánh thêm thực tế bạo lực gia đình tại Việt Nam, nghiên cứu: “*Khảo sát thực trạng bạo lực trong gia đình tại Miền Đông nam bộ*” của Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, tháng 12/2004 đưa ra những con số xác đáng về tình hình bạo lực trong gia đình tại địa bàn khảo sát; thực trạng hiểu biết về bình đẳng giới, nhận thức của dân về bạo lực gia đình; mâu thuẫn gia đình với vấn đề bạo lực. Nghiên cứu cho rằng, nguyên nhân cơ bản của bạo

lực gia đình bắt nguồn từ nhận thức chưa đầy đủ về bình đẳng giới, tư tưởng trọng nam, khinh nữ. Nguyên nhân thứ hai là do sự khó khăn của đời sống kinh tế, không có việc làm, hạn chế về trình độ học vấn. Một nguyên nhân phổ biến ở các vùng nông thôn là tình trạng lạm dụng rượu, bia hoặc mắc vào các tệ nạn xã hội như cờ bạc, ma túy. Nguyên nhân cuối cùng mà nghiên cứu đề cập đến đó là do ghen tuông và ngoại tình. Nghiên cứu cũng đồng thời khẳng định rằng, bạo lực ảnh hưởng sâu sắc đến mối quan hệ vợ chồng bền vững, đến nhân cách của trẻ em và đến cơ hội phát triển của phụ nữ. Phần cuối của nghiên cứu là những dự báo về tình hình bạo lực gia đình và những kiến nghị - giải pháp.

Tác giả Vũ Mạnh Lợi, cuốn sách “*Bạo lực gia đình: sự thay đổi ở Việt Nam*”, năm 2006 cung cấp một số kết luận và khuyến nghị góp phần phòng chống bạo lực gia đình ở Việt Nam, đặc biệt trong những chương trình dân số - sức khỏe sinh sản. Tài liệu giới thiệu phương pháp tiếp cận theo vòng đời đối với bạo lực trên cơ sở giới, trong đó tập trung vào hình thức bạo lực gia đình phổ biến nhất, đó là bạo hành do chồng gây ra đối với vợ hay giữa những người bạn tình. Cuối cùng là những khuyến nghị nhằm giảm thiểu tình trạng bạo lực gia đình.

Nhóm tác giả Phạm Kiều Oanh và Nguyễn Thị Khoa với bài viết: “*Bạo lực trong gia đình từ góc nhìn của người nghèo*”, đăng trên tạp chí Khoa học về Phụ nữ, số 2/2003 được trích ra từ một nghiên cứu về tình trạng bạo lực trong gia đình của Tổ chức ActionAid Việt Nam, được thực hiện tại tỉnh Lai Châu và Ninh Thuận. Mục đích chính của nghiên cứu này là tìm hiểu nhận thức của nhân dân và chính quyền địa phương về bạo lực trong gia đình và các phương án can thiệp khả thi để giảm thiểu tình trạng này tại cộng đồng. Cách hiểu về bạo lực của người dân cũng như cán bộ chính quyền địa phương trong nghiên cứu này cũng nghiêng về vũ lực, đánh đập. Về nguyên nhân dẫn

đến tình trạng bạo lực, nghiên cứu nhấn mạnh đến nguyên nhân kinh tế với nhận định khó khăn về kinh tế dễ gây ra xích mích giữa hai vợ chồng. Mặc dù không phân tích rõ sự khác nhau giữa nhận thức của người dân và các cán bộ cấp tỉnh, huyện, xã nhưng người đọc vẫn thấy được cán bộ có cách nhìn nhận vấn đề về bạo lực gia đình đầy đủ và chính xác hơn so với những người dân.

Năm 2011, UNODC tại Việt Nam đã công bố *Báo cáo nghiên cứu về chất lượng dịch vụ tư pháp hình sự hiện nay dành cho nạn nhân bạo lực gia đình ở Việt Nam* (tài liệu thảo luận của dự án “Tăng cường năng lực cho cơ quan hành pháp và tư pháp phòng chống bạo lực gia đình tại Việt Nam”). Nghiên cứu đã chỉ ra rằng, 95% các vụ bạo hành phụ nữ là do người chồng gây ra. Tuy nhiên, chỉ có 43% vụ việc nhận được sự chú ý của cảnh sát. Hầu hết các vụ việc được trình báo bởi nạn nhân (67%) hoặc ở một mức độ thấp hơn là bởi các thành viên trong gia đình hoặc hàng xóm. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, 77% các vụ việc không được cơ quan trợ giúp pháp lý chú ý. Thách thức mà cơ quan cung cấp dịch vụ TGPL phải đối mặt là thiếu chuyên gia và các khóa đào tạo về bạo lực gia đình, ngoài ra, nhiều người dân không biết về dịch vụ này hoặc khi nạn nhân bạo lực gia đình tiếp cận tới nhưng họ lại không được hưởng dịch vụ này bởi không thuộc diện hộ nghèo. Hầu hết các nạn nhân không nhận được sự chăm sóc y tế (68%). Một trở ngại nghiêm trọng cản trở việc xử lý hiệu quả các vụ bạo lực gia đình đó là thiếu sự hợp tác giữa các cấp chính quyền khác nhau, đặc biệt là giữa cơ sở y tế, công an, các tổ chức đoàn thể và đơn vị cung cấp dịch vụ TGPL.

Năm 2013, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã phối hợp với UNFPA tại Việt Nam thực hiện *Báo cáo nghiên cứu rà soát bạo lực trên cơ sở giới ở Việt Nam*, trong đó đề cập tới thực trạng các mô hình, hoạt động can thiệp về bạo lực trên cơ sở giới được triển khai từ năm 2007 đến 2013 như: các CLB/ nhóm tự lực về phòng, chống bạo lực gia đình; Tổ hòa giải; đường

dây nóng (hotline); sàng lọc tại các cơ sở y tế; Đội can thiệp/nhóm phòng, chống bạo lực gia đình; hỗ trợ pháp lý; nhà tạm lánh; địa chỉ tin cậy tại cộng đồng; đào tạo nghề, hỗ trợ vốn cho nạn nhân bạo lực gia đình. Về mô hình nhà tạm lánh, Báo cáo thống kê cả nước có 10 nhà tạm lánh, nơi giúp phụ nữ và trẻ em gái là nạn nhân của bạo lực và bị buôn bán trở về có thể tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, tư vấn, giáo dục, dạy nghề và một số kỹ năng sống cần thiết. Mô hình ĐCTC tại cộng đồng đã được triển khai rộng khắp tại các địa phương và thường được đặt tại nhà cán bộ chủ chốt của Hội Phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh. Trong bối cảnh thiếu nguồn kinh phí để vận hành các nhà tạm lánh thì địa chỉ tin cậy được xem là một giải pháp lựa chọn tiềm năng. Tuy nhiên, mô hình này còn nhiều thách thức do chưa có một tiêu chuẩn thống nhất về cơ sở vật chất cũng như dịch vụ để đảm bảo sự an toàn cho những người phụ nữ và gia đình chủ nhà của địa chỉ tin cậy.

Năm 2013, khoa Công tác xã hội, Học viện Phụ nữ Việt Nam có *Báo cáo kết quả nghiên cứu hiệu quả hoạt động các mô hình can thiệp, hỗ trợ phụ nữ bị bạo lực gia đình tại cơ sở của Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam nghiên cứu trường hợp tại 04 xã/ phường thuộc huyện Tiên Du và thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh* do Tiến sĩ Bùi Thị Mai Đông làm chủ nhiệm đề tài đã cho thấy, từ khi Luật Phòng chống bạo lực gia đình có hiệu lực, công tác phòng chống BLGD không còn là vấn đề của cá nhân hay gia đình có hành vi bạo lực mà cả hệ thống chính trị ở cơ sở đã bắt tay vào cuộc. Và nghiên cứu cũng đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các mô hình can thiệp, trợ giúp nạn nhân bị BLGD, đó là: Điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; là trình độ dân trí và các đặc điểm văn hóa - xã hội của địa phương; là vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương; sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban ngành, đoàn thể trong việc thực hiện PCBLGD; đặc biệt, quan điểm của người gây bạo lực và phản

ứng của nạn nhân BLGD ảnh hưởng nhiều nhất đến hiệu quả hoạt động của các mô hình.

Năm 2015, Viện Nghiên cứu phát triển xã hội công bố Báo cáo “Các yếu tố xã hội quyết định bất bình đẳng giới ở Việt Nam”. Đây là công trình nghiên cứu từ 2012-2015. Tìm hiểu về cách thức giải quyết BLGD, kết quả thu được từ cuộc khảo sát cho thấy, hầu hết các vụ bạo hành đều được bỏ qua (98.57%), chỉ có một tỷ lệ nhỏ được hòa giải (1.05%), và một tỷ lệ rất nhỏ chưa được giải quyết tại thời điểm khảo sát (0.38%). Hay nói cách khác, bạo lực gia đình là chuyện riêng của các cặp vợ chồng và chỉ được giải quyết đằng sau cánh cửa đóng kín. Phát hiện này cũng nhất quán với các nghiên cứu trước đó. Trong nghiên cứu định tính, một số người cho biết, phụ nữ không được khuyến khích tố cáo bạo lực. Trong trường hợp phụ nữ tố cáo bị chồng bạo hành thì họ không chỉ là nạn nhân của bạo lực gia đình mà còn là nạn nhân của định kiến xã hội. Điều này có thể giải thích vì sao sự can thiệp của cơ quan pháp luật thường rất hạn chế, kể cả với những trường hợp bạo hành nghiêm trọng, kéo dài.

Để có thông tin phục vụ cho nghiên cứu, tác giả đã thu thập thông tin từ một số báo cáo hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan như Bộ LĐTBXH, Bộ VHTTDL. Hiện nay, trên phạm vi toàn quốc, Bộ VHTTDL triển khai mô hình phòng chống bạo lực gia đình, lấy việc thành lập CLB Xây dựng gia đình phát triển bền vững và Nhóm PCBLGD để triển khai các nội dung về xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và phát hiện, ngăn chặn các vụ BLGD; Bộ LĐTBXH triển khai mô hình ngăn ngừa và giảm thiểu tác hại của bạo lực trên cơ sở giới tại 63 xã của 63 tỉnh, thành phố, trong đó tập trung vào các hoạt động của CLB, Tổ phòng, chống bạo lực giới, địa chỉ tin cậy, nhà tạm lánh tại cộng đồng... Một số mô hình can thiệp do các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ triển khai trong thời gian qua như: Gói

can thiệp tối thiểu phòng, chống bạo lực gia đình do UNFPA hỗ trợ Bộ VHTTDL, Hội Nông dân Việt Nam, Hội LHPVN triển khai thí điểm tại Bến Tre và Hải Dương; mô hình “Lồng ghép phòng, chống bạo hành giới dựa vào cơ sở y tế và cộng đồng” tại thị xã Cửa Lò, Nghệ An giai đoạn 2006-2012 ... Tuy nhiên, các can thiệp này mới chỉ ở cấp độ nhỏ và mang tính chất thử nghiệm.

Trên đây là một số đề tài, khảo sát trong số rất nhiều nghiên cứu có liên quan đến đề tài nghiên cứu của tôi. Các nghiên cứu trên vô cùng hữu ích cho tôi trong quá trình thực hiện nghiên cứu đề tài của mình.

3. Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở những nghiên cứu lý luận về công tác xã hội, vai trò của nhân viên công tác xã hội và khảo sát thực trạng vấn đề bạo lực gia đình tại địa bàn nghiên cứu nhằm mục đích:

Khái quát một số vấn đề lý luận về BLGD và Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình từ đó làm rõ các hoạt động CTXH và vai trò của nhân viên xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình.

Tìm hiểu thực trạng vấn đề bạo lực gia đình trên địa bàn huyện (số vụ việc bạo lực gia đình xảy ra trong hàng năm, mối quan hệ giữa nạn nhân và người gây bạo lực; các hình thức bạo lực phổ biến, nguyên nhân và hậu quả...) và các hoạt động phòng chống bạo lực gia đình trên địa bàn huyện; đặc biệt đi sâu tìm hiểu các hoạt động CTXH và vai trò của NVXH trong các hoạt động đó; Phát hiện những khó khăn, hạn chế và nguyên nhân của những tồn tại của CTXH trong phòng chống bạo lực gia đình ở địa phương.

Trên cơ sở nghiên cứu lý thuyết và tìm hiểu thực trạng, đề xuất giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả các hoạt động CTXH trong phòng, chống BLGD tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Đề tài tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về bạo lực gia đình, các hoạt động phòng chống bạo lực gia đình và vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình.

- Khảo sát thực trạng việc thực hiện vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình.

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài: Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về không gian: Đề tài nghiên cứu trên địa bàn huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Phạm vi về thời gian: Các số liệu, dữ liệu mà đề tài sử dụng để nghiên cứu được thu thập từ các báo cáo, tài liệu của huyện từ năm 2012 đến năm 2018. Đề tài được thực hiện từ tháng 01 năm 2018 đến tháng 06 năm 2018 .

- Phạm vi về nội dung: Trong phòng chống bạo lực gia đình, nhân viên công tác xã hội có nhiều vai trò khác nhau, tùy từng trường hợp cụ thể mà họ thể hiện vai trò của mình như thế nào. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả tập trung vào một số vai trò cơ bản của nhân viên công tác xã hội, đó là: Vai trò là người cung cấp các kiến thức, kỹ năng; Vai trò là

người kết nối; Vai trò vận động nguồn lực; Vai trò là người tham vấn; Vai trò là người biện hộ...trong phòng chống bạo lực gia đình.

4.3. Khách thể nghiên cứu

- Người dân ở địa phương (Bao gồm cả những người đã từng bị BLGD và chưa bị BLGD).

- Những người làm công tác xã hội kiêm nhiệm và cộng tác viên làm công tác xã hội: Bao gồm cán bộ đoàn thể (cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ, cán bộ Mặt trận tổ quốc Việt Nam, cán bộ đoàn thanh niên), Công an xã...

- Cán bộ quản lý, lãnh đạo, chính quyền địa phương, các ban, ngành, đoàn thể.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu sau:

- *Nghiên cứu tài liệu*

Để có căn cứ khảo sát thực trạng, đề tài đã nghiên cứu tài liệu, giáo trình, sách chuyên khảo về CTXH, BLGD và phòng chống BLGD; tìm đọc các sách báo, tài liệu, báo cáo kết quả nghiên cứu về bạo lực gia đình...để tổng quan những nghiên cứu có liên quan và xây dựng cơ sở lý cơ sở lý luận để khảo sát thực trạng....

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi*

Phương pháp này là công cụ nghiên cứu chính trong việc thu thập thông tin liên quan đến vấn đề nghiên cứu của đề tài. Được sử dụng để hỏi người dân về vấn đề BLGD; tình hình bạo lực gia đình ở địa phương và trách nhiệm của các bên liên quan trong hoạt động phòng chống bạo lực gia đình; Các hoạt động phòng chống BLGD trên địa bàn huyện Phú Bình; Đặc biệt tìm hiểu vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống BLGD ở các khách thể nghiên cứu khác nhau làm căn cứ để đưa ra những nhận định, đánh giá về kết quả đạt được và những khó khăn, hạn chế trong các hoạt động

phòng ngừa, can thiệp, hỗ trợ nạn nhân của Bạo lực gia đình; hỗ trợ những đối tượng yếu thế trong gia đình có bạo lực và xử lý người có hành vi bạo lực.

Tác giả sử dụng phương pháp này tại 01 xã và 01 thị trấn trên địa bàn huyện. Phỏng vấn sâu người dân về thực trạng vấn đề bạo lực gia đình, chính quyền địa phương, các ban, ngành, đoàn thể đã có những hoạt động gì trong hoạt động phòng chống bạo lực gia đình, vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình.... những nạn nhân bị bạo lực gia đình.

- Phương pháp phỏng vấn sâu

Phương pháp phỏng vấn sâu được sử dụng để tìm hiểu sâu hơn về việc thực hiện về vai trò của công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình. Cụ thể: Thực hiện trên địa bàn 01 xã và 01 thị trấn trên địa bàn huyện: tổng 09 bảng hỏi

- +) Nhân viên CTXH- cán bộ LĐTBXH : 01 người/xã(thị trấn).
- +) Cán bộ quản lý: 01 người/xã(thị trấn):01 cán bộ đoàn thể.
- +) Nạn nhân: 03 người/xã(thị trấn).

- Thảo luận nhóm

Được áp dụng để tìm hiểu quan điểm của họ về thực trạng BLGD, những khó khăn khi trợ giúp nạn nhân bị bạo lực gia đình và vai trò của nhân viên công tác xã hội trong hoạt động phòng chống bạo lực gia đình. Đề tài đã tổ chức một buổi thảo luận nhóm với 05 người tham gia (Công an xã/ thị trấn, Hội LHPN xã, Đoàn thanh niên, UBMTTQ xã, cán bộ tư pháp xã).

- Lấy ý kiến chuyên gia: đây là phương pháp nhằm khai thác tối đa những ý kiến, quan điểm, cách nhìn nhận của các chuyên gia(Giảng viên, nghiên cứu viên trong lĩnh vực phòng chống bạo lực gia đình) về phương pháp nghiên cứu, nội dung nghiên cứu liên quan đến đề tài nghiên cứu.

- Phương pháp quan sát

Phương pháp quan sát được sử dụng khi phỏng vấn sâu người bị bạo lực và nhân viên công tác xã hội để tìm hiểu, làm rõ những thông tin thu thập được từ phỏng vấn sâu. Và vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình.

6. Những đóng góp mới của Luận văn

6.1. Về mặt lý luận

Đề tài sử dụng kiến thức trong lĩnh vực an sinh xã hội, chính sách xã hội, CTXH góp phần bù đắp những thiếu hụt kiến thức trong lĩnh vực công tác xã hội với vấn đề phòng chống bạo lực gia đình.

Đề tài sử dụng và góp phần kiểm chứng một số quan điểm lý thuyết nổi bật trong CTXH như: quan điểm về hệ thống sinh thái và quan điểm về các bậc thang nhu cầu, quan điểm về vai trò để lý giải một số vấn đề thực tiễn trong quá trình nghiên cứu.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

- *Đối với ngành CTXH*: từ việc đánh giá việc thực hiện vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình tại địa phương, đề tài cũng nhằm bổ sung thêm một số thông tin, nghiên cứu thực tiễn về lĩnh vực này. Bên cạnh việc phát hiện, chỉ ra những tồn tại trong quá trình thực hiện vai trò của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD, đề tài nhằm góp phần làm rõ hơn một số vai trò cụ thể của nhân viên CTXH trong quá trình phòng chống BLGD.

- *Đối với các nhà hoạch định chính sách*: các chính sách trợ giúp luôn nằm trong mối quan hệ biện chứng với thực tế xã hội và luôn biến đổi. Đề tài hướng đến việc đề xuất một số khuyến nghị làm cơ sở cho quá trình hoạch định, bổ sung chính sách của nhà nước trong việc thực hiện vai trò của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục; nội dung luận văn được kết cấu thành 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình.

Chương 2: Thực trạng việc thực hiện vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Chương 3: Giải pháp và khuyến nghị.

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

1.1. Một số khái niệm

1.1.1. *Bạo lực gia đình*

*- **Bạo lực:***

Theo Tổ chức Y tế Thế Giới – WTO: “Bạo lực là việc đe dọa hay dùng sức mạnh thể chất, quyền lực đối với bản thân, người khác, đối với một nhóm người hay một cộng đồng mà gây ra hay làm tăng khả năng gây ra tổn thương, tử vong, tổn hại về mặt tâm lý, ảnh hưởng đến sự phát triển hay gây ra sự mất mát.”

*- **Bạo lực gia đình***

+ Khái niệm bạo lực gia đình

Theo luật phòng chống BLGD năm 2007: “Bạo lực gia đình là hành vi có ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với các thành viên khác trong gia đình.”

+ Đặc trưng của BLGD gồm 04 yếu tố:

.) BLGD giữa những người có mối quan hệ gia đình, những người yêu nhau, vợ chồng đã ly hôn, bố dượng/ dì ghê với con của vợ/chồng, con cái với bố mẹ, mẹ chồng với con dâu...

.) Sự mất cân bằng về quyền lực giữa người bị bạo lực và người gây ra bạo lực.

.) Là hành vi có mục đích, nhằm kiểm soát, khống chế nạn nhân phải tuân thủ.

.) Nạn nhân bị bạo lực phải chịu những tổn thương nhiều khía cạnh không chỉ về thể chất mà còn bị tổn thương về tinh thần, kinh tế, xã hội.

+ Các hành vi BLGD

Theo Điều 2 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình xác định 9 nhóm hành vi bạo lực gia đình bao gồm:

- .) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập hoặc có hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng.
- .) Lãng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự hoặc nhân phẩm.
- .) Cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng.
- .) Ngăn cản việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông bà và cháu, cha mẹ và con, giữa vợ và chồng, giữa anh chị em với nhau.
- .) Cưỡng ép quan hệ tình dục.
- .) Cưỡng ép tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.
- .) Chiếm đoạt, hủy hoại, đập phá hoặc có hành vi cố ý khác làm hư hỏng tài sản riêng của các thành viên khác trong gia đình.
- .) Cưỡng ép thành viên gia đình lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ, kiểm soát thu nhập của thành viên trong gia đình nhằm tạo ra tình trạng phụ thuộc về tài chính.
- .) Có hành vi trái pháp luật thuộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

+ Các hình thức BLGD

Bạo lực thể chất là bất kỳ hành vi cố ý nào làm tổn thương thể chất của đối phương, kể cả các trường hợp hành vi bạo hành diễn ra không thường xuyên, mức độ tổn thương chưa nghiêm trọng.

Bạo lực gia đình về thể chất có thể bao gồm các hành vi sau:

- .) Sử dụng hung khí, vũ lực thể chất đánh đập gây thương tích cho thành viên gia đình.

.) Không kịp thời đưa nạn nhân đi cấp cứu điều trị trong trường hợp nạn nhân cần được cấp cứu kịp thời, không chăm sóc nạn nhân trong thời gian điều trị chấn thương do hành vi bạo lực gia đình, trừ trường hợp nạn nhân từ chối.

.) Bất thành viên gia đình: nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân, giam hãm ở nơi có môi trường độc hại, nguy hiểm.

.) Bỏ mặc không chăm sóc thành viên gia đình là người già, yếu, tàn tật, phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con nhỏ.

.) Thường xuyên dọa nạt thành viên gia đình bằng các hình ảnh, con vật, đồ vật mà người đó sợ.

.) Nuôi các con vật, trồng các loại cây gây hại cho sức khỏe của thành viên gia đình tại nơi ở của thành viên đó.

.) Thường xuyên đe dọa bằng bạo lực để buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ.

.) Buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp của họ vào ban đêm hoặc lúc trời mưa, bão, gió rét.

.) Thực hiện các hành vi nhằm tạo ra tình trạng khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày để buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở.

Bạo lực tinh thần là bất kỳ hành vi cố ý nào làm tổn thương tinh thần của đối phương, như làm cho đối phương buồn khổ, lo lắng, căng thẳng, tinh thần suy sụp.

Bạo lực gia đình về tinh thần có thể bao gồm những hành vi sau:

.) Lãng mạ, chửi bới, chì chiết.

.) Tiết lộ hoặc phát tán tư liệu thuộc bí mật đời tư, phát tán tờ rơi hoặc sử dụng các phương tiện thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;

.) Phổ biến, phát tán bài viết, hình ảnh, âm thanh về vụ bạo lực gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nạn nhân;

.) Cường ép lột bỏ quần áo trước mặt người khác hoặc nơi công cộng.

.) Không cho đọc sách, báo, nghe, xem chương trình phát thanh, truyền hình hoặc tiếp cận với thông tin đại chúng hàng ngày;

.) Không cho thực hiện quyền làm việc; thường xuyên đòi hỏi đáp ứng yêu cầu vượt quá khả năng của họ;

.) Đe dọa tự gây thương tích hoặc tự gây thương tích cho mình để đòi hỏi thành viên gia đình đáp ứng yêu cầu của mình;

.) Thường xuyên theo dõi vì lý do ghen tuông gây tổn hại đến danh dự, uy tín, nhân phẩm của thành viên đó;

.) Cấm ra khỏi nhà, ngăn cản gặp gỡ người thân, bạn bè hoặc có các mối quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh nhằm mục đích cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý.

.) Không cho tham gia các hoạt động xã hội hợp pháp, lành mạnh;

.) Buộc thành viên gia đình phải chứng kiến cảnh bạo lực đối với người, con vật.

.) Ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con, trừ trường hợp cha mẹ bị hạn chế quyền chăm nom con theo quyết định của Tòa án; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau.

.) Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn; từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ nuôi dưỡng giữa anh, chị, em với nhau, giữa ông bà nội, ông bà ngoại và cháu theo quy định của pháp luật;

.) Từ chối hoặc trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng, chăm sóc con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

.) Cưỡng ép hoặc cản trở người khác kết hôn, ly hôn, tảo hôn bằng cách hành hạ, ngược đãi, uy hiếp tinh thần hoặc bằng thủ đoạn khác.

.) Có hành vi khác gây áp lực thường xuyên về tâm lý.

Bạo lực kinh tế là hành vi cố ý sử dụng phương tiện kinh tế để kiểm soát thành viên trong gia đình hoặc chiếm đoạt thu nhập hợp pháp của họ,

hoặc ngăn cấm họ tiếp cận, sử dụng các nguồn thu nhập của gia đình hoặc bắt ép họ làm việc quá sức.

Bạo lực gia đình về kinh tế có thể bao gồm những hành vi sau:

.) Không cho thành viên gia đình sử dụng tài sản chung vào mục đích chính đáng;

.) Kiểm soát chặt chẽ nguồn tài chính của thành viên gia đình hoặc nguồn tài chính chung của gia đình nhằm tạo cho thành viên gia đình sự phụ thuộc về tài chính;

.) Buộc thành viên gia đình đóng góp tài chính vượt quá khả năng của họ;

.) Đập phá tài sản riêng của mình nhằm gây áp lực về tâm lý đối với thành viên gia đình;

.) Có hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản riêng của thành viên gia đình hoặc tài sản chung gia đình.

.) Chiếm đoạt tài sản riêng của thành viên gia đình;

.) Chiếm đoạt tài sản chung của gia đình để sử dụng vào mục đích cá nhân;

.) Ép buộc thành viên gia đình lao động quá sức hoặc làm công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tiếp xúc với chất độc hại hoặc làm những công việc khác trái với quy định của pháp luật về lao động;

.) Ép buộc thành viên gia đình đi ăn xin hoặc lang thang kiếm sống.

Bạo lực tình dục là bất kỳ hành vi cố ý nào quấy rối tình dục, ép buộc hay dùng thủ đoạn để lừa người khác có những hoạt động tình dục trái với mong muốn của họ, kể cả các trường hợp chưa thực hiện được hành vi tình dục, chưa có giao hợp hay chưa có hậu quả xấu về sức khỏe tình dục.

Bạo lực gia đình về tình dục có thể bao gồm những hành vi sau:

.) Buộc thành viên gia đình phải chứng kiến cảnh sinh hoạt tình dục;

.) Buộc vợ hoặc chồng của người có hành vi bạo lực sống chung một nhà hoặc ngủ chung phòng với người tình của người có hành vi bạo lực;

.) Cưỡng ép thành viên gia đình thực hiện các hành động khiêu dâm, sử dụng các loại thuốc kích dục;

.) Có hành vi kích động tình dục hoặc lạm dụng thân thể đối với các thành viên gia đình mà thành viên đó không phải là vợ, chồng;

.) Có hành vi bạo lực trong sinh hoạt tình dục của vợ chồng mà người vợ hoặc chồng không muốn.

.) Ép buộc thành viên gia đình phải xem, nghe, đọc những văn hóa phẩm đồi trụy, kinh dị.

+ Nguyên nhân của BLGD:

Các nghiên cứu về bạo lực gia đình cho thấy bạo lực diễn ra đối với mọi gia đình, bất kể thu nhập, nghề nghiệp, tôn giáo, dân tộc hay trình độ học vấn. Bạo lực không xuất phát từ nguyên nhân nghèo đói hay không có học thức mà nó xuất phát từ mối quan hệ bất bình đẳng về quyền lực tồn tại lâu đời giữa phụ nữ và nam giới.

Mặc dù bạo lực gia đình thường được châm ngòi từ những yếu tố như rượu, ma túy, cờ bạc, thất nghiệp, nhưng những yếu tố này không phải là nguyên nhân gốc rễ của những hành vi bạo lực. Bạo lực là hành vi cố ý nhằm thiết lập và thể hiện quyền lực, sự kiểm soát đối với người khác. BLGD diễn ra ở mọi tầng lớp trong xã hội, bất kể giàu nghèo, thành thị hay nông thôn.

+ Hậu quả của BLGD

Bạo lực gia đình gây ra nhiều hậu quả không chỉ đối với nạn nhân mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến con cái, gia đình họ và gây hậu quả về mọi mặt cho xã hội. Bạo lực gia đình gây tổn thương về thể chất ; làm tổn thương về tâm lý, tinh thần , ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của trẻ em và làm gia

đình tan vỡ , ảnh hưởng đến quan hệ xóm giềng và ảnh hưởng đến cơ hội phát triển của phụ nữ.

Đối với nạn nhân:

Bạo lực gia đình đã và đang gây nhiều hậu quả nghiêm trọng, trước hết là vi phạm đến quyền con người, đến danh dự, nhân phẩm và tính mạng của mỗi cá nhân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

Về thể chất, bạo lực gia đình gây đau đớn cho nạn nhân, ảnh hưởng tới, sức khỏe cũng như hạnh phúc của họ. Phụ nữ bị bạo lực gia đình thường gặp khó khăn trong việc đi lại, thực hiện các hoạt động hàng ngày, chịu đựng đau đớn, suy giảm trí nhớ, luôn buồn rầu và có ý nghĩ tự sát. Đối với phụ nữ mang thai thì khả năng sảy thai, thai chết lưu hoặc buộc phải nạo phá thai là khó tránh khỏi.

Về tinh thần, nạn nhân bị tổn thương tâm lý, họ thường xuyên mệt mỏi kéo theo đó là sự chán nản, buồn rầu, không muốn nói chuyện, không muốn tiếp xúc với ai, cảm thấy thất vọng vì mình đã có một sự lựa chọn sai lầm, họ lo lắng, mặc cảm sợ hãi , xấu hổ, tự ti và thường so sánh mình với những người khác và cảm thấy bản thân thiệt thòi. Những hậu quả về mặt tinh thần này ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của nạn nhân.

Về kinh tế, bạo lực gia đình làm tổn hao về tài sản và tiền bạc trong việc chữa trị nạn nhân bị bạo lực. Nạn nhân bị đánh đập cần phải chi phí cho việc chữa trị và phục hồi sức khỏe, phải nghỉ việc để chữa trị thương tích hoặc làm việc kém năng suất , không hiệu quả. Những chi phí trực tiếp bao gồm cả những khoản chi tiền phạt nộp cho cảnh sát, tòa án, những cơ quan pháp lý đã truy tố và tìm ra thủ phạm, chi phí cho những chương trình cải tạo người có hành vi bạo lực và những bọn phạm tội khác, chi phí thuốc men chữa trị những di chứng mà những hành động xâm phạm tình dục gây ra, chi phí cho các dịch vụ xã hội bao gồm các tổ chức bảo vệ và chăm sóc trẻ em và những chi phí mua sắm lại những tài sản đã bị đập vỡ, phá hỏng...

Về công danh sự nghiệp, bạo lực gia đình làm giảm uy tín của nạn nhân nơi làm việc cho dù nạn nhân không có lỗi. Điều này sẽ ảnh hưởng đến sự phấn đấu của nạn nhân trên con đường thăng tiến. Sự bất ổn về tâm lý, sức khỏe không đảm bảo sẽ ảnh hưởng đến hoạt động nghề nghiệp của nạn nhân. Nhiều người bỏ cuộc, hy vọng cứu vãn cuộc hôn nhân đang trên bờ vực thẳm, nhưng khi sự nghiệp bị bỏ dở, họ mới nhận ra sự nghiệp của họ không phải là nguyên nhân dẫn đến bạo lực gia đình.

Đối với trẻ em trong gia đình có bạo lực

Có thể nói rằng, việc chứng kiến cảnh bạo lực trong gia đình chính là một hình thức bạo lực đối với trẻ em. Điều này gây ra tổn thương về tâm lý cho chúng khiến chúng cảm thấy lo lắng, chán nản và ảnh hưởng tới kết quả học tập ở trường. Những trẻ em sống trong gia đình có bạo lực thì khả năng lạm dụng rượu và các chất kích thích; nguy cơ trở thành tội phạm vị thành niên cũng như nguy cơ trở thành nạn nhân cao hơn các trẻ em sống trong gia đình không có bạo lực. Thông qua việc chứng kiến cảnh bạo lực trong chính gia đình của mình, trẻ em có thể nhận thức rằng việc một người lạm dụng hoặc sử dụng bạo lực đối với người khác là chuyện bình thường.

Bạo lực gia đình ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển về thể chất và tinh thần của trẻ em. Cũng như phụ nữ, sức khỏe thể chất và tinh thần trẻ em trong những gia đình có bạo lực bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Chúng thường cảm thấy thiếu tự tin, rụt rè, lo sợ, mặc cảm và hay làm hỏng việc. Trẻ gặp khó khăn trong việc kết bạn và hòa đồng cùng mọi người và chuyện học hành của chúng bị ảnh hưởng. Nhiều đứa trẻ bị thấp còi, nhẹ cân khi sinh ra hoặc rất dễ bị thương tật hoặc sây sát khi các em cố bảo vệ mẹ trong tình trạng bị đánh đập

Đối với gia đình nạn nhân:

Bạo lực gia đình làm giảm khả năng lao động của nạn nhân, ảnh hưởng đến kinh tế của gia đình; làm các mối quan hệ bị tổn hại. Bạo lực gia đình tác động đến tâm lý không chỉ của phụ nữ là nạn nhân mà cả những đứa trẻ phải chứng kiến cảnh bạo lực; điều này làm giảm chất lượng sống của phụ nữ và trẻ em trong gia đình.

Đối với xã hội:

Bạo lực gia đình làm xói mòn đạo đức, mất tính dân chủ xã hội và ảnh hưởng đến thế hệ tương lai. Kết quả nghiên cứu cho thấy ở nhiều gia đình, thế hệ con đã lặp lại hành vi bạo lực gia đình mà khi còn nhỏ chúng được chứng kiến.

Bên cạnh những hậu quả trực tiếp về chi phí chăm sóc và phục hồi sức khỏe nạn nhân và gia đình; ngăn chặn xung đột, điều tra, truy tố, xét xử... còn nhiều chi phí gián tiếp khác về kinh tế xã hội như tăng tình trạng bệnh tật, tự tử; mất khả năng tham gia lao động sản xuất. Bạo lực gia đình, thông qua tác động của nó đối với khả năng hoạt động của phụ nữ trên thế giới, là một vật cản đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Tình trạng nghèo đói, bệnh tật, ô nhiễm môi trường... không thể được giải quyết nếu thiếu sự tham gia đầy đủ của phụ nữ. Tuy nhiên, phụ nữ khó có thể đóng góp sức lao động hay các ý tưởng sáng tạo nếu họ phải chịu những gánh nặng của các tổn thương tâm sinh lý mà bạo lực gây ra. Nỗi lo sợ về bạo lực do người lạ gây ra cũng hạn chế sự tham gia của phụ nữ trong cuộc sống cộng đồng.

Sự đe dọa hay lo sợ về bạo lực cũng như hành động bạo lực kiểm soát ý chí của phụ nữ, biến phụ nữ thành cai ngục của chính họ. Bạo lực làm gia tăng các tệ nạn xã hội, mất đi những nét đẹp của thuần phong mỹ tục, gây mất đoàn kết trong cộng đồng, ảnh hưởng đến trật tự trị an xã hội.

Bạo lực gia đình làm giảm sự đóng góp của nạn nhân cho xã hội; Tăng áp lực cho hệ thống y tế; Mất trật tự an toàn xã hội. Nếu người gây ra bạo lực

không phải chịu trách nhiệm trước cộng đồng thì có nghĩa là hành vi bạo lực được chấp nhận và điều đó sẽ dẫn đến những hình thức bạo lực nghiêm trọng hơn

Đối với người gây bạo lực

Người gây bạo lực phải chịu những chế tài hành chính hoặc hình sự vì chính những hành vi vi phạm do họ gây ra. Bị mất mặt, xấu hổ trước cộng đồng, bị xa lánh, bị kỳ thị. Họ cũng có thể bị bạo lực ngược lại từ phía nạn nhân hoặc từ phía gia đình của nạn nhân.

Tóm lại, bạo lực gia đình không chỉ ảnh hưởng đến nạn nhân mà còn ảnh hưởng đến gia đình, đặc biệt là trẻ em và ảnh hưởng đến chính người gây ra bạo lực. Gia đình là tế bào của xã hội. Nếu mỗi tế bào không khỏe mạnh, thì xã hội không thể khỏe mạnh và phát triển được.

1.1.2. Công tác xã hội trong phòng chống BLDĐ

- Khái niệm Công tác xã hội

Theo giáo trình nhập môn CTXH của trường đại học Lao động xã hội *Công tác xã hội* là một nghề, một hoạt động chuyên nghiệp nhằm trợ giúp các cá nhân, gia đình và cộng đồng nâng cao năng lực, đáp ứng nhu cầu và tăng cường chức năng xã hội; đồng thời thúc đẩy môi trường xã hội về mặt chính sách, nguồn lực và dịch vụ nhằm giúp cá nhân, gia đình, cộng đồng giải quyết vấn đề và phòng ngừa các vấn đề xã hội, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

- Công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình : Theo giáo trình *CTXH trong phòng chống BLDĐ* – Học viện phụ nữ Việt Nam *Công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình* là các hoạt động phòng ngừa, giảm nhẹ, giải quyết vấn đề bạo lực gia đình từ cấp độ cá nhân, gia đình và cộng đồng thông qua việc nâng cao năng lực phòng, chống bạo lực gia đình cho các cá nhân, gia đình và cộng đồng được thực hiện bởi đội ngũ nhân viên công tác xã hội

- Các hoạt động CTXH trong phòng, chống BLGD:

+ Các hoạt động phòng ngừa: Tổ chức các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức của người dân trong cộng đồng về BLGD, luật pháp chính sách về BLGD và vai trò của CTXH trong phòng chống BLGD. Vận động cộng đồng tham gia các hoạt động phòng, chống BLGD.

+ Phát hiện các vụ việc BLGD và tham gia giải quyết các vụ việc BLGD theo quy định của pháp luật.

+ Các hoạt động hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình: hỗ trợ nạn nhân tìm nơi tạm lánh, đảm bảo an toàn và các nhu cầu thiết yếu; hỗ trợ nạn nhân chăm sóc y tế; tham vấn hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân; Cùng nạn nhân lập kế hoạch an toàn ngắn hạn và dài hạn; Hỗ trợ nạn nhân giải quyết vấn đề bạo lực; Hỗ trợ nạn nhân học nghề, tìm việc làm, tái hòa nhập cộng đồng.

+ Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc, bảo vệ trẻ em trong gia đình có bạo lực và những đối tượng dễ bị tổn thương trong gia đình có bạo lực: Đảm bảo an toàn cho trẻ em, người già, người khuyết tật khi có BLGD xảy ra; Hỗ trợ nạn nhân chăm sóc trẻ em trong thời gian BLGD chưa được giải quyết; Đảm bảo cho trẻ em không bị gián đoạn việc học tập, tham vấn để ổn định tâm lý cho trẻ em...

+ Hoạt động hỗ trợ người gây bạo lực: Giúp người gây bạo lực nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật và chịu trách nhiệm với hành vi của mình, hỗ trợ người gây bạo lực thay đổi cảm xúc, hành vi, biết cách cư xử với các thành viên trong gia đình trên cơ sở tôn trọng và đảm bảo an toàn.

1.1.3. Nhân viên công tác xã hội

- *Khái niệm:*

Nhân viên công tác xã hội theo quy định của Thông tư liên tịch số 30/2015/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 19/8/2015 của Bộ LĐTB&XH, Bộ Nội vụ, thì viên chức làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập của Nhà

nước cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực an sinh xã hội được chia làm 03 dạng chính đó là Công tác xã hội viên chính, Công tác xã hội viên và Nhân viên công tác xã hội.

Nhân viên công tác xã hội có nhiệm vụ tham gia thực hiện và hỗ trợ các đối tượng, đó là việc sàng lọc, phân loại và tiếp nhận đối tượng; tham gia đánh giá tâm sinh lý, tình trạng sức khỏe, nhân thân và các nhu cầu khác; đề xuất kế hoạch và tiếp nhận thực hiện kế hoạch; tham gia cung cấp, thực hiện các dịch vụ công tác xã hội; theo dõi, rà soát đối tượng, hỗ trợ đối tượng, dự báo sự tiến triển của đối tượng.

Như vậy đội ngũ NVCTXH đóng vai trò rất quan trọng trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Hoạt động của đội ngũ NVCTXH sẽ quyết định đến hiệu quả công tác quản lý, nuôi dưỡng, hỗ trợ đối tượng của các cơ sở BCTXH.

Theo quy định của Đề án số 32 về phát triển nghề công tác xã hội, còn có mạng lượng cộng tác viên công tác xã hội và đã được cụ thể hóa bằng Thông tư số 07/2013/TT-BLĐTBXH ngày 24/5/2013 quy định về tiêu chuẩn nghiệp vụ cộng tác viên công tác xã hội tại cấp xã, phường, thị trấn được hưởng phụ cấp hàng tháng bằng mức lương tối thiểu. Cộng tác viên CTXH sẽ giúp cho công chức văn hóa - xã hội cấp xã để thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin, tổng hợp báo cáo, đề xuất can thiệp trợ giúp hỗ trợ, thực hiện trợ giúp và công tác kiểm tra, đánh giá.

1.1.4. Vai trò của nhân viên công tác xã hội

- Khái niệm vai trò

Theo Robertsons : “Vai trò là một tập hợp các chuẩn mực, hành vi, quyền lợi và nghĩa vụ được gắn với 1 vị thế xã hội nhất định”².

Vai trò là chỉ tác dụng, chức năng của ai hoặc cái gì trong sự hoạt động, sự phát triển chung của một tập thể, một tổ chức³.

Thuật ngữ vai trò được dùng để xác định thành phần các mô hình văn hóa gắn liền với 1 địa vị cụ thể. Nó gồm tâm thế, giá trị hành vi do xã hội gán cho bất kỳ ai hoặc tất cả những người chiếm một địa vị cụ thể. Nó bao gồm những kỳ vọng được hợp pháp hóa của những người giữ chức vụ đối với hành vi người khác hướng đến họ.

- Vai trò của nhân viên công tác xã hội

NVCTXH có thể làm việc trong các cơ quan nhà nước ở các cấp, ở cộng đồng và trong các cơ sở cung cấp dịch vụ, trong các trung tâm như cơ sở bảo trợ xã hội, trường giáo dưỡng, mái ấm, nhà mở hay các tổ chức phi chính phủ. Khi NVCTXH ở những vị trí khác nhau thì vai trò và các hoạt động của họ cũng rất khác nhau, tùy theo chức năng và nhóm thân chủ mà họ làm việc. Theo quan điểm của Feyerico (1973) người NVCTXH có những vai trò sau đây:

+) Vai trò là người vận động nguồn lực: là người trợ giúp thân chủ (cá nhân, gia đình, cộng đồng...) tìm kiếm nguồn lực (nội lực, ngoại lực) cho giải quyết vấn đề. Nguồn lực có thể bao gồm về con người, về cơ sở vật chất, về tài chính, kỹ thuật, thông tin, sự ủng hộ về chính sách, chính trị và quan điểm...

+) Vai trò là người kết nối - còn gọi là trung gian: NVCTXH là người có được những thông tin về các dịch vụ, chính sách và giới thiệu cho thân chủ các chính sách, dịch vụ, nguồn tài nguyên đang sẵn có từ các cá nhân, cơ quan tổ chức để họ tiếp cận với những nguồn lực, chính sách, tài chính, kỹ thuật để có thêm sức mạnh trong giải quyết vấn đề.

+) Vai trò là người biện hộ: là người bảo vệ quyền lợi cho thân chủ để họ được hưởng những dịch vụ, chính sách, quyền lợi của họ đặc biệt trong những trường hợp họ bị từ chối những dịch vụ, chính sách lẽ ra họ được hưởng.

+) Vai trò là người vận động/hoạt động xã hội: là nhà vận động xã hội tổ chức các hoạt động xã hội để biện hộ, bảo vệ quyền lợi cho thân chủ, cổ vũ tuyên truyền. Ví dụ như sự vận động cho quyền lợi của những người khuyết tật được hưởng chính sách hoà nhập.

+) Vai trò là người giáo dục: là người cung cấp kiến thức kỹ năng liên quan tới vấn đề họ cần giải quyết, nâng cao năng lực cho cá nhân, gia đình, nhóm hay cộng đồng qua tập huấn, giáo dục cộng đồng để họ có hiểu biết, tự tin và tự mình nhìn nhận vấn đề đánh giá vấn đề phân tích và tìm kiếm nguồn lực cho vấn đề cần giải quyết.

+) Vai trò người tạo sự thay đổi: người NVCTXH được xem như người tạo ra sự thay đổi cho cá nhân, giúp họ thay đổi suy nghĩ, thay đổi hành vi tiêu cực hướng tới những suy nghĩ và hành vi tốt đẹp hơn.

+) Vai trò là người tư vấn: NVCTXH tham gia như người cung cấp thông tin tư vấn cho các thân chủ cần có những thông tin như thông tin về chăm sóc sức khoẻ sinh sản, thông tin về bảo vệ môi trường, dinh dưỡng cho trẻ nhỏ hay người già.

+) Vai trò là người tham vấn: NVCTXH trợ giúp gia đình và cá nhân tự mình xem xét vấn đề, và tự thay đổi. Ví dụ như NVCTXH tham gia tham vấn giúp trẻ em bị xâm hại tình dục hay phụ nữ bị bạo hành vượt qua khủng hoảng.

+) Vai trò là người trợ giúp xây dựng và thực hiện kế hoạch cộng đồng: trên cơ sở nhu cầu của cộng đồng đã được cộng đồng xác định, NVCTXH giúp cộng đồng xây dựng chương trình hành động phù hợp với điều kiện hoàn cảnh, tiềm năng của cộng đồng để giải quyết vấn đề của cộng đồng.

+) Vai trò là người chăm sóc, người trợ giúp: NVCTXH còn được xem như người cung cấp các dịch vụ trợ giúp cho những cá nhân, gia đình không có khả năng tự đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của mình và giải quyết vấn đề.

+) Vai trò là người xử lý dữ liệu: Với vai trò này, NVCTXH nhiều khi phải nghiên cứu, thu thập thông tin và phân tích thông tin trên cơ sở đó tư vấn cho thân chủ để họ đưa ra những quyết định đúng đắn.

+) Vai trò là người quản lý hành chính: NVCTXH khi này thực hiện những công việc cần thiết cho việc quản lý các hoạt động, các chương trình, lên kế hoạch và triển khai kế hoạch các chương trình dịch vụ cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.

+) Người tìm hiểu, khám phá cộng đồng: NVCTXH đi vào cộng đồng để xác định vấn đề của cộng đồng để đưa ra những kế hoạch trợ giúp, theo dõi, giới thiệu chuyên gia những dịch vụ cần thiết cho các nhóm thân chủ trong cộng đồng.

Hoạt động lĩnh vực nghề nghiệp, trong quá trình giúp đỡ các cá nhân, đối tượng, nhân viên xã hội đảm nhận nhiều vai trò, nhiệm vụ khác nhau. Có lúc nhân viên xã hội là nhà tham vấn, nhà giáo dục và là người quản lý ca....Không thể nói vai trò nào là quan trọng nhất và quan trọng hơn trong số các vai trò nhân viên xã hội thực hiện trong quá trình giúp đỡ cá nhân, đối tượng, Tùy vào từng giai đoạn, từng vấn đề đối tượng gặp phải và từng môi trường mà nhân viên xã hội thể hiện vai trò cho phù hợp.

1.2. Vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng chống BLDG.

Trong phòng chống bạo lực gia đình, nhân viên công tác xã hội có nhiều vai trò khác nhau, tùy từng trường hợp cụ thể mà họ thể hiện vai trò của mình như thế nào. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả tập trung vào một số vai trò cơ bản của nhân viên công tác xã hội, đó là: Vai trò là người cung cấp thông tin, truyền thông; Vai trò là người kết nối; Vai trò vận động nguồn lực; Vai trò người hỗ trợ tâm lý; Vai trò là người trợ giúp pháp lý...trong phòng chống bạo lực gia đình.

1.2.1. Vai trò người cung cấp thông tin, truyền thông

Nhân viên CTXH cung cấp các kiến thức, kỹ năng về bạo lực gia đình, huấn luyện cho thân chủ các kỹ năng phòng tránh và ứng phó với bạo lực gia đình. Giáo dục các giá trị sống, kỹ năng sống để bạo lực gia đình không xảy ra.

1.2.2. Với vai trò là người kết nối

Nhân viên CTXH là người có được những thông tin về các dịch vụ, chính sách và giới thiệu cho thân chủ các chính sách, dịch vụ, nguồn tài nguyên đang sẵn có từ các cá nhân, cơ quan tổ chức để họ tiếp cận với những nguồn lực, chính sách, tài chính, kỹ thuật để có thêm sức mạnh trong giải quyết vấn đề.

1.2.3. Vai trò người chăm sóc

Nhân viên CTXH trực tiếp cung cấp dịch vụ trợ giúp cho những cá nhân, gia đình có bạo lực mà không có khả năng tự đáp ứng đầy đủ nhu cầu của mình và giải quyết vấn đề. VD trong trường hợp nạn nhân bị tổn thương nặng.

1.2.4. Vai trò người hỗ trợ tâm lý

Nhân viên CTXH đánh giá mức độ tổn thương tâm lý, xác định phương pháp tham vấn và trị liệu, cung cấp các dịch vụ trị liệu tâm lý để phục hồi sang chấn cho nạn nhân. Trường hợp thân chủ bị tổn thương hoặc sang chấn tâm lý nặng, bị khủng hoảng tinh thần, nhân viên CTXH không đủ khả năng hỗ trợ, nhân viên CTXH kết nối, chuyển giao cho các cơ quan và tổ chức có khả năng.

1.2.5. Vai trò người trợ giúp pháp lý

Nhân viên CTXH là người biện hộ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của thân chủ để họ được hưởng những dịch vụ, chính sách, quyền lợi theo quy định của pháp luật. Đặc biệt là trong những trường hợp thân chủ bị từ chối những dịch vụ, chính sách đáng lẽ ra họ được hưởng.

1.2.6. Vai trò người vận động nguồn lực

Nhân viên CTXH là người trợ giúp thân chủ (cá nhân, gia đình, cộng đồng...) tìm kiếm nguồn lực (nội lực, ngoại lực) cho giải quyết vấn đề. Nguồn lực có thể bao gồm về con người, về cơ sở vật chất, về tài chính, kỹ thuật, thông tin, sự ủng hộ về chính sách, chính trị và quan điểm...

1.3. Một số lý thuyết ứng dụng trong CTXH trong phòng, chống BLDĐ

1.3.1. Lý thuyết nhu cầu của Maslow

Abraham Maslow (1908 – 1970), nhà tâm lý học người Mỹ. Ông được thế giới biết đến như là nhà tiên phong trong trường phái tâm lý học nhân văn bởi hệ thống lý thuyết về bậc thang nhu cầu của con người. Từ khi ra đời cho tới nay lý thuyết có tầm ảnh hưởng rộng rãi và được ứng dụng ở nhiều lĩnh vực khoa học.

Maslow nhìn nhận con người theo hướng nhân đạo, vì vậy lý thuyết của ông được xếp vào trường phái nhân văn hiện sinh, đánh giá cao khả năng của con người và bản thân họ tự quyết định lấy cuộc sống của mình. Ông cho rằng con người cần đáp ứng những nhu cầu cơ bản để tồn tại và phát triển đó là nhu cầu thể chất, nhu cầu an toàn, nhu cầu tình cảm xã hội, nhu cầu được tôn trọng và nhu cầu được hoàn thiện. Những nhu cầu này được sắp xếp theo thang bậc từ nhu cầu cơ bản nhất, có vị trí nền tảng và có ý nghĩa quan trọng nhất tới nhu cầu cao hơn và ở vị trí thứ bậc thang cao hơn. Theo Maslow viên mãn (đạo đức, sáng tạo chấp nhận thực tế, hoàn toàn tự chủ không bị ràng buộc bởi những khuôn sáo) là tầng cao nhất trong 5 tầng nhu cầu của con người.

Tháp nhu cầu của Maslow gồm có 5 bậc

Bậc 1: Nhu cầu thể chất: bao gồm thức ăn, nước uống, nơi trú ngụ, tình dục, bài tiết, hơi thở, nghỉ ngơi, là điều kiện tiên quyết để duy trì cuộc sống của con người

Bậc 2: Nhu cầu an toàn: Mọi người đều cần có cảm giác yên tâm về an toàn thân thể, cuộc sống, việc làm, gia đình, sức khỏe, tài sản được đảm bảo

Bậc 3 : Nhu cầu tình thương yêu: Con người có nhu cầu được giao lưu tình cảm và được thuộc trong một nhóm cộng đồng nào đó , muốn có gia đình yên ấm, bạn bè thân hữu tin cậy, được giao lưu trò chuyện với mọi người xung quanh.

Bậc 4: Nhu cầu được tôn trọng: con người cần có cảm giác được tôn trọng, kính mến, được tin tưởng, không bị xâm phạm về thể chất và tinh thần, được là chính mình, bảo đảm quyền con người.

Bậc 5: Nhu cầu tự thể hiện bản thân: Con người muốn sáng tạo, được thể hiện khả năng , thể hiện bản thân và được mọi người công nhận.

Với nạn nhân bị BLGD thì nhu cầu thuộc về thể chất của họ không được đáp ứng như việc họ bị bỏ đói, bị đuổi ra khỏi nhà....đâu là những nhu cầu cấp thiết nhất mà họ cũng không được đảm bảo. Xét về nhu cầu an toàn, nạn nhân bị BLGD hầu hết họ sống trong nỗi sợ hãi, bị đánh đập và cảm thấy không an toàn, tính mạng có thể bị đe dọa bất cứ lúc nào.Nhu cầu tiếp theo là nhu cầu được yêu thương , nạn nhân bị BLGD rất cần sự yêu thương của mọi người trong gia đình và sự yêu thương của những người xung quanh, bởi vì họ đang là người yếu thế, đang bị tổn thương.Nhưng nhu cầu này không được đáp ứng vì các nhu cầu bậc thấp của họ chưa được đáp ứng và các nhu cầu này có quan hệ mật thiết với nhau.Trong quá trình trợ giúp nạn nhân bị BLGD việc ứng dụng lý thuyết nhu cầu là rất cần thiết ,sẽ giúp cho NVXH xác định được các nhu cầu cấp thiết của họ trên cơ sở đó xác định được những khó khăn mà họ gặp phải, đồng thời lập kế hoạch can thiệp, hỗ trợ phù hợp giúp cho thân chủ một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh đó lý thuyết nhu cầu còn giúp cho NVXH xác định được nhu cầu của người gây bạo lực, nhu cầu của trẻ em trong gia đình bị bạo lực để từ đó có biện pháp trợ giúp hiệu quả.

1.3.2. Lý thuyết hệ thống sinh thái

Thuyết hệ thống là một trong những lý thuyết quan trọng được vận dụng trong CTXH nhằm giúp cho thân chủ nhận biết những hệ thống trợ giúp nào họ có thể tiếp cận và tham gia. Mỗi cá nhân đều sống trong một hoặc nhiều hệ thống nhất định, những hệ thống này có ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý, chức năng, vai trò của cá nhân trong xã hội.

Thuyết hệ thống CTXH bắt nguồn từ lý thuyết hệ thống tổng quát của Bertalaffy. Lý thuyết này dựa trên quan điểm sinh học cho rằng mọi tổ chức hữu cơ đều là những hệ thống, được tạo nên từ các tiểu hệ thống và đồng thời bản thân các tiểu hệ thống cũng là một phần của hệ thống lớn hơn.

“Hệ thống là một tập hợp các thành tố được sắp xếp có trật tự và liên hệ với nhau để hoạt động thống nhất”. Một hệ thống có thể gồm nhiều tiểu hệ thống (tiểu hệ thống là hệ thống thứ cấp hoặc hệ thống hỗ trợ), các tiểu hệ thống được phân biệt với nhau bởi các ranh giới, đồng thời hệ thống đó cũng là một bộ phận của hệ thống lớn hơn. Với cách nhìn nhận như trên, cộng đồng cũng là một hệ thống bao gồm các tiểu hệ thống (như trạm y tế, chính quyền địa phương, trường học, gia đình..) phối hợp với nhau để thực hiện các chức năng.

Gia đình là một tế bào của xã hội, những vấn đề trong từng gia đình sẽ ảnh hưởng đến xã hội. Do vậy bạo lực gia đình không phải chuyện riêng của các nhân, gia đình mà nó là vấn đề của toàn xã hội. Khi giải quyết vấn đề bạo lực gia đình cần có sự trợ giúp của các ban ngành đoàn thể, sự trợ giúp của họ hàng, làng xóm và sự trợ giúp của NVXH. Lý thuyết hệ thống giúp cho NVXH xác định được các nguồn lực hỗ trợ, những nguồn lực hỗ trợ hiệu quả và sự tác động của các hệ thống xung quanh đến nạn nhân.

1.3.3. Lý thuyết về vai trò

Người đại diện: Perlman(1968) – học giả có những đóng góp lớn trong

việc vận dụng thuyết vai trò vào công tác xã hội. Bà nhấn mạnh vào lợi ích của vai trò xã hội trong việc tìm hiểu các mối quan hệ và nhân cách. Theo bà, công việc, gia đình, vai trò cha mẹ là những yếu tố quyết định giúp hình thành nhân cách và hành vi. Đồng thời bà đưa ra các cách thức mà lý thuyết công tác xã hội truyền thống đã nhấn mạnh vào các thiết chế này như thế nào. Thuyết cho rằng:

Mỗi cá nhân đều chiếm những vị trí trong xã hội và mỗi vị trí đó là mỗi vai trò khác nhau.

Một phần các hành vi xã hội hằng ngày quan sát được chỉ đơn giản là những việc mà con người thực hiện trong vai trò của họ, cũng giống như các diễn viên đóng vai trên sân khấu.

Hành vi con người chịu sự chỉ đạo của những mong muốn của cá nhân hoặc từ mong muốn của những người khác: tức là cùng với một hành vi, có thể chấp nhận ở vai trò này nhưng lại không được chấp nhận ở vai trò kia

Khi nói tới vai trò người ta thường nói tới sự căng thẳng và xung đột, mờ nhạt về vai trò.

Mục đích: Việc sử dụng thuyết vai trò cho để những nạn nhân của BLGD nhận thấy rõ vai trò của mình trong xã hội, rằng họ không phải là người thừa mà cũng là hạt nhân quan trọng trong xã hội. Thuyết vai trò còn mục đích giúp cho NVCTXH xác định đúng vai trò hiện tại của mình.

Ứng dụng: Việc đưa thuyết vai trò sẽ giúp thân chủ thân chủ thấy được tầm quan trọng của bản thân mình. Nạn nhân bị BLGD nhận được vai trò riêng và một địa vị trong xã hội, không phải mặc cảm tự ti mà ngược lại cảm thấy có ích trong xã hội. Đối với NVCTXH giúp cho họ xác định được vai trò của mình tránh sự căng thẳng, xung đột và mơ hồ về vai trò.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Trong chương 1 tác giả đã trình bày một số vấn đề lý luận về vai trò của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD. Các khái niệm liên quan đến bạo lực gia đình, vai trò của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD. Lý luận về vai trò của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD. Một số lý thuyết áp dụng của CTXH trong phòng chống BLGD. Cơ sở pháp lý về vai trò của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD.

Như vậy, qua hệ thống cơ sở lý luận ở Chương 1 sẽ định hướng cho việc nghiên cứu đề tài “*Vai trò của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên*”.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VIỆC THỰC HIỆN VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH TẠI HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

2.1. Khái quát chung về địa bàn và khách thể nghiên cứu.

2.1.1. Khái quát chung về địa bàn nghiên cứu

2.1.1.1. Đặc điểm tự nhiên, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện Phú Bình

Phú Bình là huyện trung du miền núi, có diện tích tự nhiên: hơn 243 km², 20 đơn vị hành chính gồm 19 xã và 01 thị trấn, với 307 xóm, tổ dân phố (trong đó có 01 xã ATK và 7 xã miền núi với 35 xóm đặc biệt khó khăn), dân số trên 143 nghìn người.

Là một địa phương có bề dày lịch sử, văn hoá và truyền thống cách mạng, an toàn khu 2, huyện đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân; Phú Bình có nhiều di tích lịch sử, văn hóa, với 221 di tích đã được kiểm đếm, 52 di tích được xếp hạng, trong đó có 7 di tích cấp quốc gia, 45 di tích cấp tỉnh. Hàng năm, có từ 55 đến 63 lễ hội truyền thống được tổ chức gắn với các di tích, là địa phương có tiềm năng phát triển du lịch tâm linh và du lịch sinh thái. Với lễ hội Đình - Đền - Chùa Cầu Muối (Tân Thành), đã được du khách thập phương biết đến và đến thăm, nhất là dịp đầu xuân mới.

Sản xuất nông nghiệp là thế mạnh của huyện, với sản lượng lương thực cây có hạt hàng năm đạt trên 75 nghìn tấn, chiếm 1/5 sản lượng lương thực cây có hạt của tỉnh; trên 250 trang trại, với một số sản phẩm tiêu biểu như Gà đồi Phú Bình, Nếp thầu dầu (Tương nếp úc kỳ), Trám Hà Châu...huyện đang thu

hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng chuỗi giá trị, đến nay đã có một số doanh nghiệp đang triển khai dự án trên địa bàn. Trong nông nghiệp, Phú Bình là huyện đầu tiên của tỉnh thực hiện việc dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn sản xuất lúa hữu cơ theo chuỗi. Phú Bình đã và đang thực hiện phong trào xây dựng nông thôn mới, năm 2017 có 10/19 xã đạt chuẩn nông thôn mới, năm 2018 phấn đấu thêm 04 xã về đích và đến năm 2020 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Công tác thu hút đầu tư được quan tâm, với việc quy hoạch các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và tạo các điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư. Hiện nay trên địa bàn huyện có trên 40 nhà đầu tư trong và ngoài nước đang hoạt động (khu công nghiệp Diêm Thụy), đã giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động của tỉnh Thái Nguyên cũng như của huyện Phú Bình.

Cơ cấu kinh tế của huyện đến nay: CN-XD 50,4%; dịch vụ 30,2%; Nông – lâm nghiệp- thủy sản: 19,4%.

Trong 6 tháng đầu năm 2018 các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, như: Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn ước đạt 7.754,5 tỷ đồng, tăng 36,7% so với cùng kỳ năm 2017; sản lượng lương thực 36.966 tấn, tăng 0,91% so với cùng kỳ năm 2017...

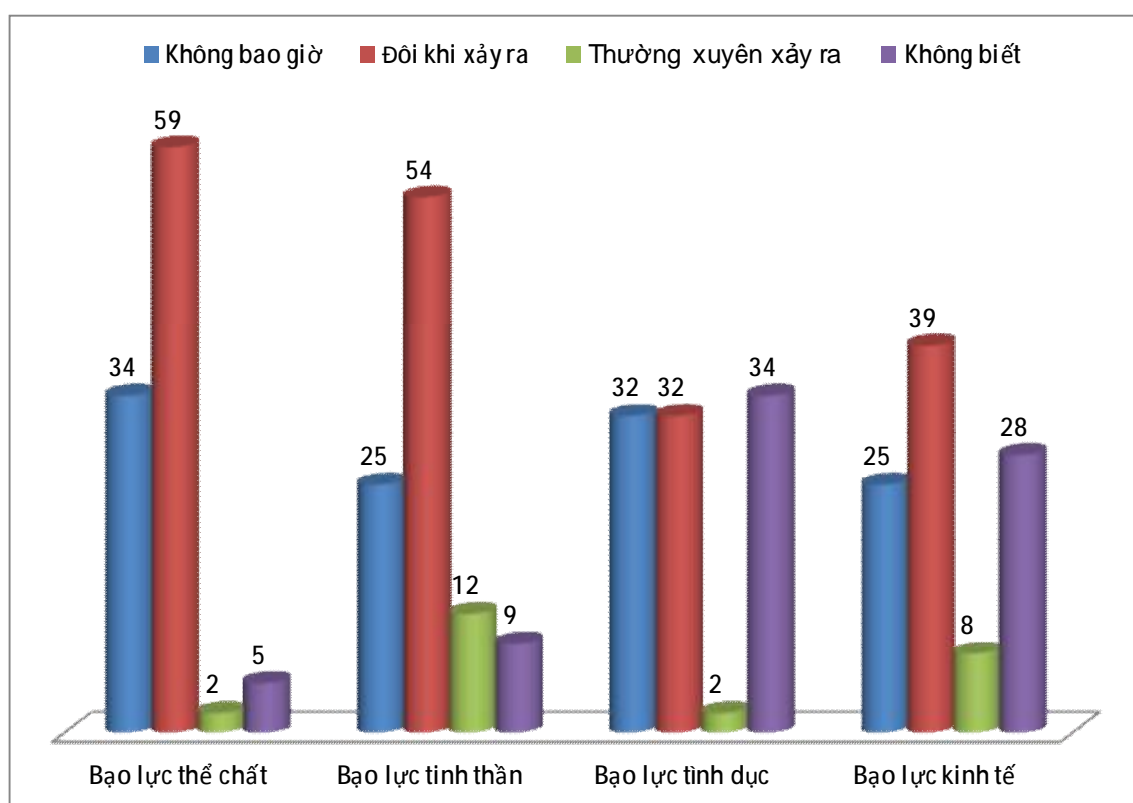
Phú Bình là một huyện có tiềm năng phát triển kinh tế, cùng với sự phát triển của khu công nghiệp Diêm Thụy và Khu công nghiệp Yên Bình nên có rất nhiều vấn đề xã hội nảy sinh phức tạp đặc biệt là vấn đề bạo lực gia đình.

Do đó, để phòng, chống bạo lực gia đình ngoài sự quan tâm, vào cuộc của cả hệ thống chính trị và tất cả mọi người rất cần có đội ngũ nhân viên công tác xã hội được đào tạo bài bản, làm việc chuyên nghiệp. Góp phần xây dựng huyện Phú Bình ngày càng giàu, mạnh, có nếp sống văn minh.

2.1.1.2. Tình hình bạo lực gia đình và công tác phòng chống BLGD trên địa bàn huyện Phú Bình.

- Số lượng

ĐVT:%



Biểu 2.1. Tình hình BLGD tại địa phương

(Nguồn: Khảo sát đề tài của tác giả năm 2018)

Số liệu thống kê trên cho thấy nhiều vụ việc BLGD ở địa phương chưa được phát hiện, nhiều vụ việc người dân cho rằng đó không phải là bạo lực vì chưa xảy ra thương tích, không bị công an xử lý, không bị chính quyền địa phương xử lý, không bị đi viện. Vấn đề bạo lực ở đây vẫn được coi là chuyện riêng của mỗi gia đình, bản thân những người trong cuộc cũng ngại chia sẻ. Điều này cho thấy nhận thức của người dân còn nhiều hạn chế. Trường hợp bạo lực tinh thần hay bạo lực về kinh tế thì ít thấy có gia đình nào khai báo với chính quyền địa phương, tuy nhiên tình trạng đó vẫn diễn ra dưới nhiều

hình thức khác nhau, và người phụ nữ thường hi sinh, chịu đựng, không muốn làm to mọi chuyện vì tâm lý “xấu chàng hổ ai” “vạch áo cho người xem lưng” “chuyện trong nhà đóng cửa bảo nhau”. Bạo lực tình dục được người dân xem là một vấn đề rất tế nhị, họ thường chịu đựng một mình hoặc chỉ dám chia sẻ với người nhà, những người thân thiết.

- Loại hình

Loại hình bạo lực gia đình trên địa bàn huyện gồm cả 4 loại hình: thể chất, tinh thần, kinh tế, tình dục. Theo kết quả điều tra, số người bị bạo lực thể chất chiếm tỷ lệ cao nhất: 2% thường xuyên bị bạo lực thể chất, 59% đôi khi bị bạo lực thể chất. Sau đó là bạo lực tinh thần: 12% thường xuyên bị bạo lực tinh thần, 54% đôi khi bị bạo lực tinh thần. 8% thường xuyên bị bạo lực kinh tế, 39% đôi khi bị bạo lực kinh tế còn bạo lực tình dục ít xảy ra hơn. Nhiều người phải chịu bạo lực tinh thần, nạn nhân thường phải chịu bạo lực mà không nhận thức được mình đang bị bạo lực. Họ bị chồng lăng mạ, xúc phạm, chửi bới, kiểm soát điện thoại và các mối quan hệ bạn bè, ghen tuông quá mức, kiểm soát sự tự do của vợ, không cho người vợ đi làm việc và bắt ở nhà trông con, không đồng ý cho người vợ tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương, không cho người vợ về thăm quê ngoại và thường xuyên gây áp lực về tâm lý.

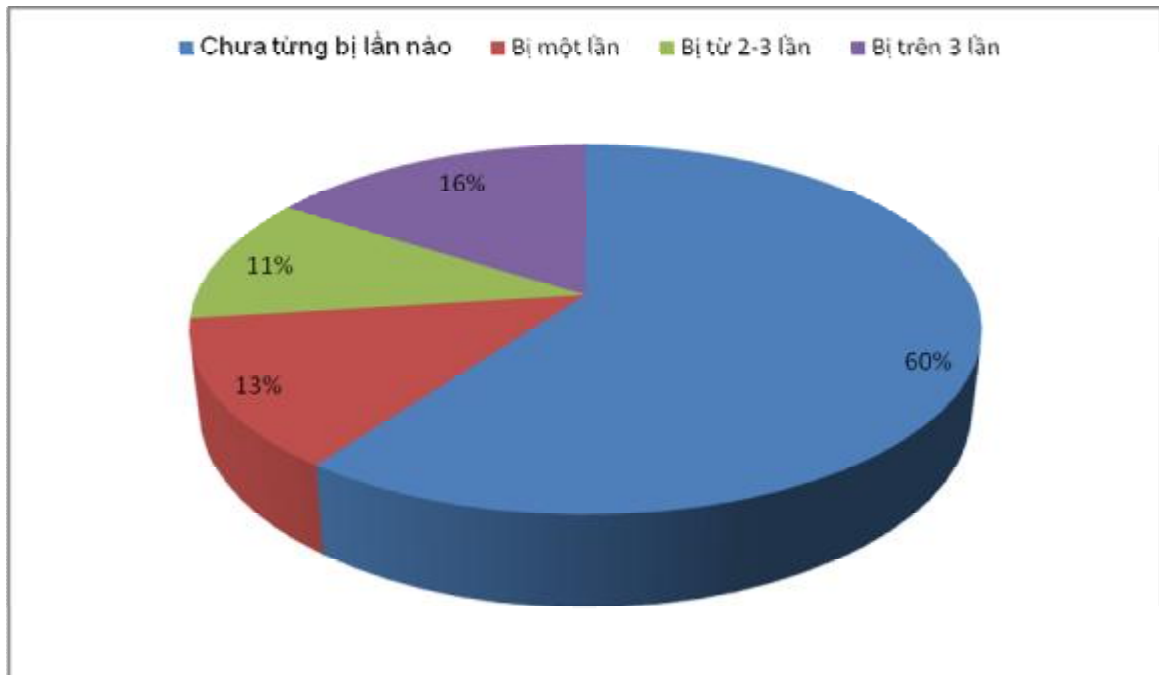
Đối với hình thức bạo lực thể chất. Người chồng có các hành vi đánh đập, sử dụng dao kéo để gây thương tích, các hành vi như tát, đấm, đá, bóp cổ, giật tóc...gây nên tổn thương về mặt thể chất cho người vợ. Không chỉ giữa vợ - chồng mà bạo lực thể chất còn diễn ra giữa các thành viên trong gia đình, giữa anh chị em với nhau. Bạo lực thể chất là loại hình bạo lực với các hành vi biểu hiện dễ nhận thấy, do đó nạn nhân nhận thức được việc mình đang bị bạo lực gia đình.

Phỏng vấn sâu 1 nạn nhân bị BLGD, chị cho biết: *“Nhìn bề ngoài ai cũng bảo chồng chị là người hiền lành tử tế, nhưng không phải đâu em ạ, ông ý tỏ ra cho mọi người thấy như vậy thôi, chứ thực ra ông ấy vũ phu lắm. Ông ấy đánh chị không thương tiếc đâu, có lần ông ấy kéo lê chị dưới sàn, đánh chị thâm tím khắp người”*. (PVS nạn nhân)

Bạo lực về mặt kinh tế được diễn ra dưới hình thức kiểm soát về mặt kinh tế, không cho vợ hoặc chồng sử dụng nguồn thu nhập của gia đình hoặc ép buộc lao động quá sức. Nạn nhân của bạo lực kinh tế gồm cả đàn ông và phụ nữ. Việc sử dụng thu nhập sao cho hợp lý cũng là vấn đề của nhiều gia đình, mâu thuẫn thường xảy ra khi không có sự thống nhất về chi tiêu trong gia đình, hay một người quyết định mọi việc chi tiêu trong gia đình mà người còn lại không có quyền tham gia bàn bạc. Mặt khác, có những người đàn ông phải chịu áp lực rất lớn về kinh tế, họ phải làm việc quá sức vì những yêu cầu đòi hỏi của người vợ vượt quá khả năng của họ, nhưng vì họ nghĩ họ là trụ cột trong gia đình, nên họ luôn phải gồng mình gánh vác kinh tế. Việc gây bạo lực về kinh tế như vậy, chính người vợ cũng không nhận thức được là mình đang gây bạo lực với chồng của mình. Trong những gia đình người phụ nữ bị chồng kiểm soát về kinh tế, chồng là người ra quyết định chi tiêu trong gia đình, người phụ nữ chỉ được chi tiêu các khoản nhỏ như việc đi chợ nấu ăn còn kinh tế là người chồng quản lý.

- Tàn suất

Kết quả nghiên cứu của tác giả cho thấy 60% người được hỏi chưa từng bị BLGD, 13% từng bị bạo lực gia đình một lần, 11% bị bạo lực gia đình từ 2-3 lần, 16% bị trên 3 lần.



Biểu 2.2. Tần suất bị bạo lực gia đình

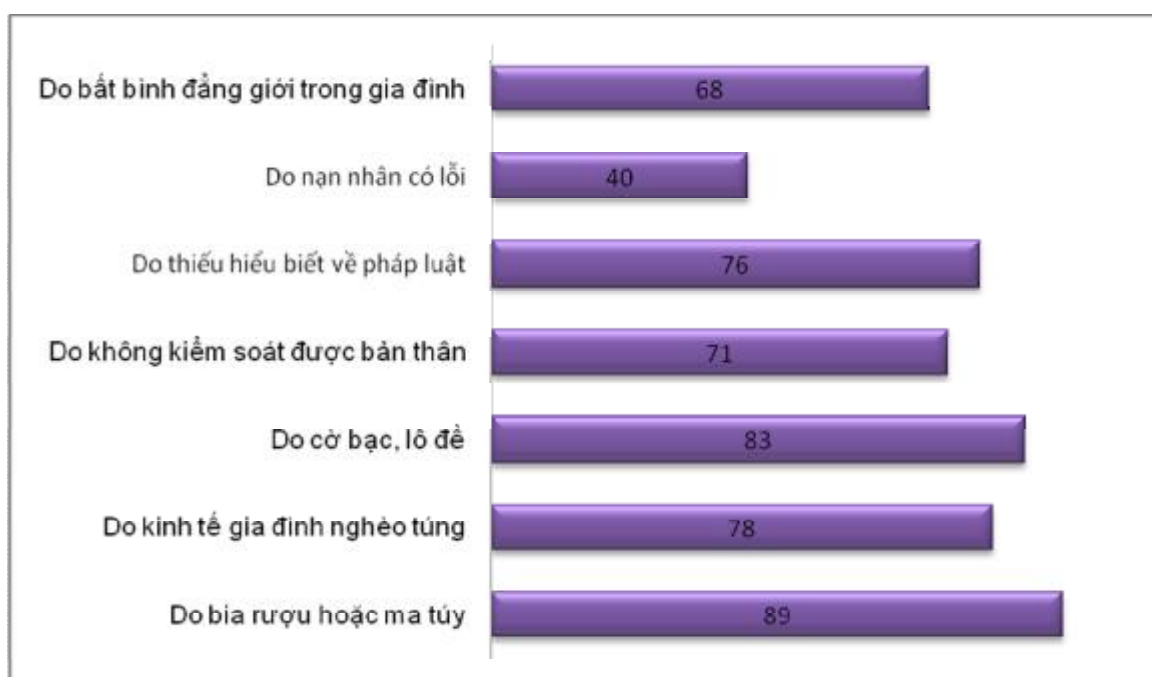
(Nguồn: Khảo sát đề tài của tác giả năm 2018)

- Nguyên nhân

Nguyên nhân của bạo lực gia đình theo người dân cho biết, bạo lực gia đình thường xuất phát từ kinh tế, do thiếu thốn về kinh tế hoặc không có sự thống nhất về chi tiêu trong gia đình. Bên cạnh đó BLGD còn xuất phát từ nguyên nhân nghi ngờ, ghen tuông thái quá, xúc phạm, do những mâu thuẫn, xích mích giữa vợ chồng, do người khác tác động hoặc do vợ chồng hiểu lầm nhau. Nguyên nhân do người chồng uống rượu bia dẫn đến mất kiểm soát, mâu thuẫn trong việc nuôi dạy con cái là những yếu tố mà người dân cho rằng đó là nguyên nhân gây nên BLGD. Tuy vậy, nguyên nhân sâu xa dẫn đến bạo lực gia đình là từ sự bất bình đẳng giới, bắt nguồn từ văn hóa truyền thống với tư tưởng ra trường, người đàn ông tự cho mình có quyền đánh vợ và người vợ thì an phận, chấp nhận hành vi bạo lực của chồng. Bắt nguồn từ suy nghĩ sai lầm đã củng cố niềm tin rằng đàn ông có quyền dạy dỗ vợ của họ thông qua

những hành vi bạo lực, còn việc bị bạo lực đối với phụ nữ thì được coi là điều bình thường trong xã hội. Mặc dù BLGD thường được châm ngòi từ những yếu tố như rượu, ma túy, cờ bạc, thất nghiệp nhưng những yếu tố này không phải là nguyên nhân gốc rễ của những hành vi bạo lực mà nguyên nhân gốc rễ bắt nguồn từ việc thiết lập và thể hiện quyền lực, sự kiểm soát đối với người khác.

Đơn vị: %



Biểu 2.3. Nguyên nhân của bạo lực gia đình

(Nguồn: Khảo sát đề tài của tác giả năm 2018)

- Hậu quả

Bạo lực gia đình đã để lại những hậu quả cho nạn nhân bị bạo lực, người gây bạo lực, trẻ em trong gia đình bị bạo lực, hậu quả cho gia đình và toàn xã hội. BLGD gây nên thương tích, những tổn thương về mặt thể chất cho nạn nhân, ảnh hưởng đến sức khỏe, nạn nhân bị đau đớn, khó khăn trong việc đi lại và thực hiện các hoạt động hằng ngày, nạn nhân bị suy giảm trí nhớ, buồn rầu và có trường hợp nghĩ đến việc tự tử. Về tâm lý nạn nhân cảm

thấy sợ hãi, hoảng loạn, lo lắng, mặc cảm tự ti, xấu hổ, mệt mỏi, chán nản buồn rầu, tuyệt vọng dễ xúc động và cam chịu bị bạo lực, nạn nhân nghĩ đến việc ly hôn để giải quyết vấn đề. Về kinh tế nạn nhân gặp khó khăn trong việc chữa trị vết thương, suy giảm sức khỏe nên không thể làm việc được như trước. Hậu quả đối với người gây bạo lực là phải chịu những chế tài xử phạt hành chính vì những hành vi vi phạm do họ gây ra, bị mất mặt, xấu hổ, xa lánh và bị bạo lực lại. Hậu quả đối với trẻ em trong gia đình bị bạo lực là chán nản, buồn bã, suy giảm khả năng tập trung học tập, bỏ học, ảnh hưởng tới sự phát triển tâm sinh lý và dễ bị dụ dỗ lôi kéo bởi những người xấu. Hậu quả đối với gia đình làm ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng, gây rạn nứt trong tình cảm, ảnh hưởng đến các mối quan hệ gia đình, thiệt hại về kinh tế, sức khỏe, tâm lý, dẫn đến ly thân, ly hôn. Hậu quả đối với xã hội, BLGD làm xói mòn đạo đức, ảnh hưởng đến niềm tin và ảnh hưởng đến các thế hệ tương lai, BLGD gây thiệt hại về kinh tế, tăng tình trạng ly hôn và suy giảm khả năng lao động của công dân. Tóm lại, BLGD không chỉ ảnh hưởng đến nạn nhân mà còn ảnh hưởng đến gia đình, đặc biệt đến trẻ em và ảnh hưởng đến chính người gây ra bạo lực, ảnh hưởng đến toàn xã hội.

Như vậy, tình trạng bạo lực gia đình tại huyện Phú Bình vẫn đang diễn ra rất phổ biến nhưng lại không được khai báo, bao gồm cả bạo lực thể xác, bạo lực tinh thần, bạo lực kinh tế và bạo lực tình dục. Người phụ nữ thường chọn cách âm thầm chịu đựng, chứ chưa tìm phương pháp để giải quyết vấn đề. Khi có các trường hợp khai báo với chính quyền địa phương thì chính quyền và công an, các đoàn thể, hội phụ nữ mới vào cuộc để giúp đỡ nạn nhân giải quyết vấn đề.

Hiện tại đội ngũ làm công tác xã hội trên địa bàn huyện là những người kiêm nhiệm chưa có nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp. Họ có thể là Cán bộ Hội phụ nữ xã, trưởng xóm, bí thư chi bộ, Trưởng ban công tác mặt trận... Để phòng,

chống BLGD thì những người làm công tác xã hội phải thực hiện nhiều vai trò khác nhau, tuy nhiên qua quá trình khảo sát và trong giới hạn của bài tác giả chỉ tâm trung nghiên cứu 6 vai trò điển hình đó là: Vai trò là người cung cấp thông tin, truyền thông; vai trò là người hỗ trợ; Vai trò là người chăm sóc; Vai trò là người tham vấn tâm lý; Vai trò là người trợ giúp pháp lý; Vai trò là người giám sát.

- Công tác phòng chống BLGD:

Thực hiện chỉ đạo của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn triển khai thi hành Luật phòng, chống bạo lực gia đình và xây dựng mô hình phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn. Đến nay, có 20/20 xã, thị trấn đã xây dựng mô hình phòng chống bạo lực gia đình, Ban chỉ đạo phòng, chống bạo lực gia đình ở các xã, thị trấn được thành lập riêng hoặc lồng ghép với Ban chỉ đạo phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” trong đó có bổ sung nội dung công tác gia đình; Các nhóm phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động với 3 chức năng cơ bản là: tư vấn, hoà giải và can thiệp kịp thời các vụ bạo lực gia đình; mỗi nhóm PCBLGD có khoảng 5 thành viên gồm: Công an viên, Trưởng xóm, chi hội Phụ nữ, Cựu Chiến binh, Hội Nông dân...Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững hoạt động độc lập hoặc có thể lồng ghép với các câu lạc bộ khác, được duy trì sinh hoạt theo định kỳ. Ban chủ nhiệm đồng thời là thành viên nhóm phòng, chống bạo lực gia đình, có trách nhiệm xây dựng quy chế hoạt động, duy trì hoạt động hàng quý và phát hiện, xử lý, can thiệp, hoà giải kịp thời các vấn đề xung đột, mâu thuẫn trong gia đình.

Toàn huyện đã xây dựng được 24 mô hình địa chỉ tin cậy ở cộng đồng đã được UBND xã ra quyết định thành lập với mục đích kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ nạn nhân bị bạo lực gia đình, công bố số điện thoại đường dây nóng thường trực để tiếp nhận thông tin về các vụ bạo lực gia đình để kịp thời can

thiếp, xử lý; 20 cơ sở y tế khám chữa bệnh, có phòng khám nhân đạo, 28 CLB gia đình phát triển bền vững,

Công tác phát hiện, can thiệp, xử lý các hành vi bạo lực gia đình; thu thập, báo cáo số liệu về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình

- Hàng năm, tiến hành thu thập số liệu liên quan đến công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình từ huyện tới cơ sở, báo cáo định kỳ về Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định.

Đến cuối năm 2016, 100% các xã, thị trấn trên địa bàn huyện lập Sổ theo dõi thông tin gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình và tổ chức theo dõi, ghi chép số liệu liên quan đến công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình đầy đủ theo quy định. Nhìn chung, công tác thống kê, lưu trữ, báo cáo chỉ số về tình hình bạo lực gia đình trên địa bàn được triển khai, tổ chức, thực hiện tương đối nền nếp và đảm bảo tiến độ thời gian. Ban hành văn bản hướng dẫn, chỉ đạo; tổ chức kiểm tra; tập huấn tại huyện và tham gia các lớp tập huấn hướng dẫn về việc cập nhật, ghi chép, báo cáo thông tin gia đình và PCBLGD do Tỉnh tổ chức. 100% xã, thị trấn triển khai thực hiện việc ghi chép, báo cáo thông tin về gia đình và bạo lực gia đình theo quy định (6 tháng và cả năm).

- Công tác can thiệp, xử lý các hành vi bạo lực gia đình được quan tâm, chú trọng. Các nhóm phòng, chống bạo lực gia đình, tổ hòa giải ở cơ sở hoạt động có hiệu quả, kịp thời phát giác, tìm cách tiếp cận và có biện pháp can thiệp, hòa giải, xử lý các vụ bạo lực gia đình. Tổ hòa giải đã hòa giải thành công trên 70 vụ bạo lực gia đình giữa vợ và chồng, đưa nội dung phòng, chống bạo lực gia đình vào nội dung sinh hoạt các câu lạc bộ ở cơ sở, sinh hoạt chi bộ... để từ đó có biện pháp, cách thức can thiệp, xử lý các vụ bạo lực gia đình hiệu quả.

Theo tổng hợp, thống kê báo cáo số liệu về công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn huyện, 10 năm qua đã phát hiện trên 70 vụ

bạo lực gia đình, đối tượng bị bạo lực chủ yếu là phụ nữ, tập trung trong độ tuổi từ 16-59 tuổi; Hình thức xử lý các vụ bạo lực gia đình chủ yếu là góp ý, phê bình trong cộng đồng dân cư ; áp dụng xử phạt hành chính (12 vụ); xử lý hình sự (17 vụ).

- Đi cùng với tình trạng bạo lực gia đình, tình trạng ly hôn cũng có chiều hướng gia tăng. Hầu hết các vụ ly hôn đều liên quan đến bạo lực gia đình, nguyên nhân sâu xa dẫn đến bạo lực gia đình là do bất bình đẳng giới, thiếu hiểu biết về Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, trong đó, rượu chè, cờ bạc, tệ nạn xã hội, ngoại tình ... được xem là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến bạo lực. Hầu hết khi xảy ra bạo lực gia đình, các nạn nhân không chủ động báo cáo với các cơ quan chức năng, thậm chí, khi bị thương, phải điều trị tại các cơ sở y tế vẫn không mạnh dạn tố giác hành vi bạo lực của thành viên gia đình gây ra cho bản thân... Do đó, gây khó khăn trong việc phát hiện, xử lý, ngăn chặn kịp thời tình trạng bạo lực gia đình, dẫn đến việc đánh giá, xử lý tình hình bạo lực gia đình chưa thật sự hiệu quả.

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá việc phòng, chống bạo lực gia đình

Ban Chỉ đạo công tác gia đình huyện đã thành lập đoàn kiểm tra công tác gia đình, hàng năm phối hợp với đoàn công tác của Tỉnh kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác gia đình, PCBLGD kết hợp với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng ĐSVH”; cử cán bộ theo dõi, nắm bắt thông tin hoạt động từ cơ sở, đặc biệt là những năm đầu triển khai mô hình phòng, chống bạo lực gia đình thí điểm. Trong đó tập trung theo dõi:

- Công tác ghi chép thông tin về gia đình, phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định tại Thông tư số 23/2011/TT-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Nội dung, thời gian, phương pháp hoạt động của các Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, Nhóm phòng, chống bạo lực gia đình và địa chỉ tin

cậy. Tuy nhiên, mô hình Câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững và nhóm phòng, chống bạo lực gia đình tại các địa phương hoạt động còn chưa thật sự hiệu quả, chưa đi sâu, đi sát vào thực tế vì thiếu nội dung, kinh phí hoạt động nên gặp khó khăn trong việc duy trì hoạt động theo quy chế đã đề ra vì vậy số vụ bạo lực gia đình được phát giác còn thấp so với thực tế. Một vài mô hình mới thành lập mang tính hình thức, chưa tổ chức hoạt động mô hình hiệu quả.

Công tác phối hợp thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình

- Phòng Văn hóa và Thông tin huyện là cơ quan thường trực, tham mưu công tác quản lý nhà nước về gia đình và PCBLGD trên địa bàn, đồng thời chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, các ban, ngành, đoàn thể huyện và UBND các xã, thị trấn chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện các nội dung về công tác gia đình và phòng chống bạo lực gia đình đạt hiệu quả.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện: Vận động xây dựng mô hình Gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Hàng năm, phối hợp với các cơ quan, ban ngành đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, nâng cao nhận thức về quyền cho phụ nữ và thu hút sự tham gia của nam giới trong phòng, chống bạo lực gia đình bằng nhiều hình thức như tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh, tổ chức hàng trăm buổi sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt của 310 CLB thu hút trên 21.212 thành viên tham gia. Tổ chức thực hiện công tác gia đình gắn với thực hiện phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc”; giáo dục phẩm chất phụ nữ Việt Nam tự tin - tự trọng - trung hậu - đảm đang gắn với phong trào giỏi việc nước, đảm việc nhà, cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không - 3 sạch, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, phong trào phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình...

- Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội: Thực hiện tốt chương trình giảm nghèo, tăng cường các hoạt động dịch vụ việc làm, chính sách chế độ ưu

đãi đối với gia đình thương binh, liệt sỹ, chính sách bảo trợ xã hội; công tác phòng, chống sự xâm hại của tệ nạn xã hội vào gia đình, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phòng, chống bạo lực gia đình.

- Công an, Tòa án nhân dân huyện: Chú trọng việc phát hiện, hòa giải kịp thời các vụ xung đột, mâu thuẫn trong gia đình, không để tình trạng bạo hành gia đình kéo dài

- Ủy ban MTTQ và các cơ quan đoàn thể: Lồng ghép việc triển khai công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình với các cuộc vận động của ngành như cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; phong trào xây dựng “Gia đình văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa”; phát triển phong trào “Ông, bà, cha, mẹ mẫu mực, con, cháu hiếu thảo”...

2.1.2. Khái quát chung về khách thể nghiên cứu

2.1.2.1. Đặc điểm người dân tham gia trả lời bảng hỏi

Bảng 2.1. Đặc điểm khách thể nghiên cứu

Đặc điểm	Các tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	31	31
	Nữ	69	69
Độ tuổi	Dưới 18 tuổi	5	5
	Từ 18 - 25 tuổi	15	15
	Từ 26 - 40 tuổi	55	55
	Từ 41 - 60 tuổi	23	23
	Từ 61 tuổi trở lên	2	2
Nghề nghiệp	Không có việc làm	4	4

Đặc điểm	Các tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
	Nội trợ	4	4
	Làm nông nghiệp	17	17
	Buôn bán, kinh doanh	10	10
	Công chức, viên chức	45	45
	Làm thuê	9	9
	Khác	11	11
Trình độ học vấn	Tiểu học	4	4
	Trung học cơ sở	8	8
	Trung học phổ thông	80	80
	Khác	8	8
Trình độ chuyên môn	Sơ cấp	8	8
	Trung cấp chuyên nghiệp	15	15
	Cao đẳng	8	8
	Đại học	55	55
	Sau đại học	2	2
	Khác	12	12
Mức sống	Hộ nghèo	8	8
	Hộ cận nghèo	5	5
	Hộ trung bình	83	83
	Hộ khá giả, hộ giàu	4	4
Tình trạng hôn	Chưa từng kết hôn	20	20

Đặc điểm	Các tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ %
nhân	Đang sống cùng vợ/chồng	70	70
	Đã ly hôn/đang sống ly thân	5	5
	Góa bụa	4	4
	Sống đơn thân	1	1
Tổng		100	100

Như vậy, khách thể nghiên cứu của tác giả đa số là nữ giới (Chiếm 69%), độ tuổi chủ yếu từ 26 đến 40 tuổi (chiếm tỷ lệ 55%), 45 % người được hỏi hiện đang làm cán bộ công chức, viên chức, 80% có trình độ học vấn Trung học phổ thông, 55% trình độ chuyên môn đại học, 83% có mức sống trung bình, 70% hiện đang sống cùng vợ/chồng. Họ đa số là những người có học vấn cao, được đào tạo bài bản và hiện đang công tác tại các cơ quan nhà nước nên cơ bản họ có nhận thức rõ về vấn đề bạo lực gia đình: Nguyên nhân, hậu quả, sự cần thiết phải có các hoạt động phòng chống BLGD, trong đó không thể thiếu vai trò của đội ngũ những người làm công tác xã hội.

2.1.2.2. Đặc điểm đội ngũ cán bộ làm công tác xã hội tại địa bàn khảo sát

- Đối tượng: Vì địa phương chưa có đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp nên những người làm công tác xã hội có thể là: cán bộ chính quyền: Trưởng thôn, cán bộ Lao động – Thương binh và xã hội, Cán bộ tư pháp, công an...; Cán bộ đảng: Bí thư chi bộ; cán bộ đoàn thể: Đoàn thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, cán bộ Mặt trận tổ quốc... Họ là những người không được đào tạo về công tác xã hội nhưng lại thực hiện chức năng của một nhân viên công tác xã hội.

- Độ tuổi: Những người làm công tác xã hội là những cán bộ kiêm nhiệm chủ yếu ở độ tuổi từ 30-50 tuổi.

- Giới tính: 20% là nam giới, 80% là nữ giới .

- Trình độ văn hóa: 100% tốt nghiệp THPT.

- Trình độ chuyên môn:

Theo kết quả khảo sát của tác giả:

+ Cán bộ chính quyền 24% có trình độ đủ đáp ứng yêu cầu, 21% có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu.

+ Cán bộ Đảng: 47% có trình độ đủ đáp ứng yêu cầu, 20% có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu.

+ Nhân viên CTXH: 48% có trình độ đủ đáp ứng yêu cầu, 21% có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu.

- Cộng tác viên CTXH: 51% có trình độ đủ đáp ứng yêu cầu, 17% có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu.

- Cán bộ làm công tác Lao động – Thương binh và Xã hội: 49% có trình độ đủ đáp ứng yêu cầu, 24% có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu.

- Cán bộ phụ nữ: 44% có trình độ đủ đáp ứng yêu cầu, 27% có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu.

- Thời gian công tác: có 45% người có thời gian công tác dưới 5 năm và 65% làm trên 5 năm.

2.2. Thực trạng việc thực hiện một số vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình.

Vì trên địa bàn khảo sát chưa có đội ngũ nhân viên công tác chuyên nghiệp. Vai trò của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD tại địa phương rất mờ nhạt, được thực hiện bởi những cán bộ bán chuyên nghiệp, kiêm nhiệm. Đó là những người làm công tác đoàn thể, công tác đảng, họ là những người chưa được đào tạo bài bản về công tác xã hội nhưng họ lại đang thực hiện vai trò của một nhân viên công tác xã hội. Sau đây là việc thực hiện một số vai trò

của nhân viên CTXH được thực hiện bởi những người làm công tác xã hội không chuyên như: Mặt trận tổ quốc, Hội liên hiệp Phụ nữ, đoàn thanh niên, công an viên, cán bộ làm công tác lao động – Thương binh và Xã hội .

2.2.1. Vai trò người cung cấp thông tin, truyền thông

NVCTXH là người cung cấp kiến thức, kỹ năng liên quan tới vấn đề cần giải quyết, nâng cao năng lực cho cá nhân, gia đình, nhóm hay cộng đồng qua tập huấn, giáo dục cộng đồng. Cụ thể ở đây các kiến thức, kỹ năng về bạo lực gia đình, huấn luyện cho thân chủ các kỹ năng phòng tránh và ứng phó với bạo lực gia đình. Giáo dục các giá trị sống, kỹ năng sống để bạo lực gia đình không xảy ra.

Để cung cấp được những thông tin đó đòi hỏi NVCTXH phải xuyên bổ sung kiến thức và nâng cao kỹ năng cho bản thân từ đó có thể cung cấp thông tin cho thân chủ. Các kiến thức được NVCTXH phối hợp với các tổ chức đoàn thể được cung cấp cụ thể như sau:

+ Luật pháp, chính sách: Cung cấp thông tin về Luật hôn nhân và gia đình, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, Luật bình đẳng giới, Luật trẻ em, Luật người cao tuổi, Luật xử lý vi phạm hành chính, Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự

+ Sức khỏe: Các thông tin về phòng ngừa bệnh tật, các bài tập thể dục rèn luyện sức khỏe...

+ Dạy nghề và việc làm: Các thông tin về cơ sở tạo việc làm cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn., phụ nữ có nguy cơ bị BLGD, phụ nữ bị BLGD.

+ Học tập: Cung cấp thông tin về các chương trình đào tạo nghề cho những người có hoàn cảnh khó khăn.

Chị T.H (nữ, 35 tuổi là người dân địa phương) có chia sẻ: “*Nhờ có sự cung cấp thông tin của các đồng chí làm ở Hội liên hiệp phụ nữ giúp tôi có*

thêm kiến thức cho bản thân mình hơn. Tôi biết được quyền lợi của bản thân mình, biết thêm các luật pháp chính sách của Nhà nước. Đặc biệt là các kiến thức về chăm sóc sức khỏe, từ đó giúp tôi có thêm nhiều kỹ năng trong việc bảo vệ sức khỏe cho bản thân” (Trích phỏng vấn sâu)

Hay anh N. G (37 tuổi- nam- người dân địa phương) cho biết: *“Tôi là một người đam mê học hỏi những thông tin liên quan tới luật pháp, chính sách của Nhà nước ta, nhờ có sự cung cấp thông tin của các anh công an xã qua các buổi tập huấn. Từ đó tôi biết thêm nhiều thông tin hơn về các quyền, nghĩa vụ của mình, tôi sẽ có cách ứng xử phù hợp với những người thân trong gia đình và ngoài xã hội”*

Như vậy có thể nói việc cung cấp các kiến thức, kỹ năng về bạo lực gia đình, huấn luyện cho thân chủ các kỹ năng phòng tránh và ứng phó với bạo lực gia đình. Giáo dục các giá trị sống, kỹ năng sống để bạo lực gia đình không xảy ra.... Là một việc rất quan trọng và cần thiết.

Việc cung cấp thông tin cho người dân được thực hiện dựa trên sự truyền đạt trong các buổi tập huấn, qua các phương tiện truyền thông như báo, đài, phát tờ rơi tuyên truyền...Có thể là kinh nghiệm bản thân NVCTXH cũng có thể lấy đó là kiến thức truyền đạt lại cho đối tượng.

Việc cung cấp thông tin có thể thực hiện trong các chương trình tập huấn tại các thôn, xóm, hay các buổi sinh hoạt nói chuyện chuyên đề, tại đó lãnh đạo địa phương cùng với những người làm công tác xã hội sẽ cũng chia sẻ những thông tin có liên quan tới chủ đề phòng chống bạo lực gia đình.

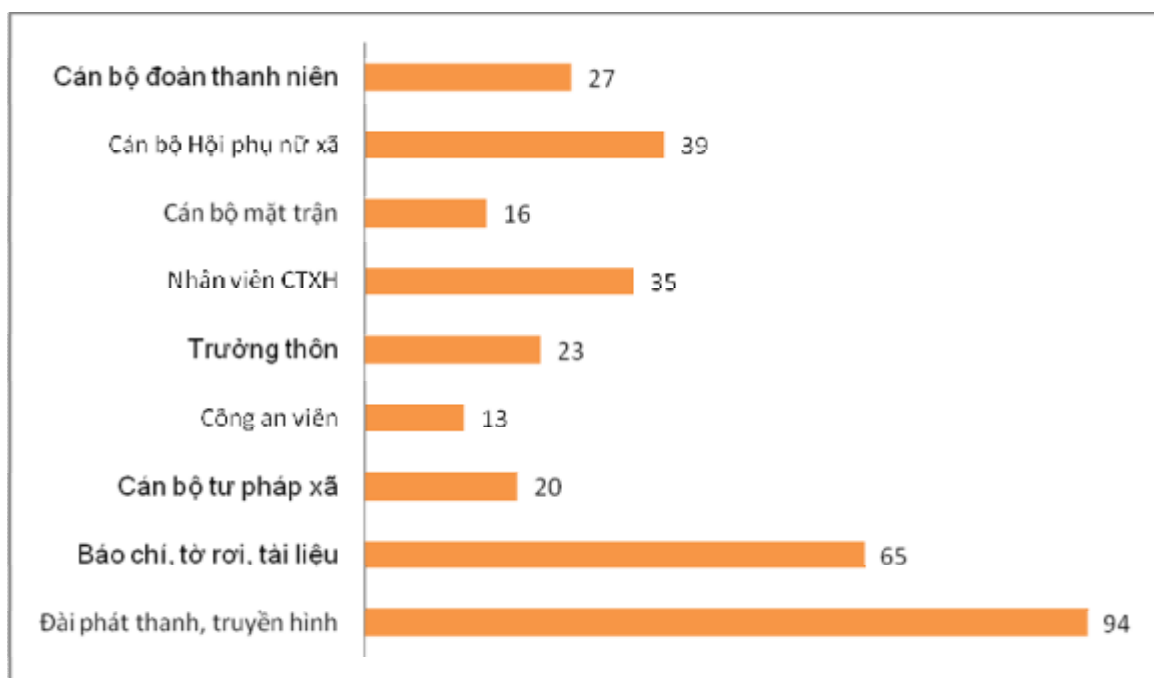
Với nhu cầu muốn tìm hiểu thông tin hiện nay của người dân là rất lớn, việc thường xuyên cung cấp những thông tin cho họ là việc rất cần thiết. 100% người dân khi được hỏi đều có câu trả lời vai trò cung cấp thông tin của NVCTXH đối với họ là rất cần thiết.

Việc cung cấp thông tin có thuận lợi hay không là do bản thân người làm CTXH có kiến thức về lĩnh vực đó hay khả năng thu tập thông tin của họ có tốt hay không, nếu tốt thì việc truyền đạt cho TC hiểu hơn về vấn đề và sẽ dễ dàng hơn rất nhiều. *“Tôi khá nắm rõ các kiến thức về lĩnh vực phòng, chống BLGD. Nên khi cần cung cấp thông tin về lĩnh vực này tôi sẵn sàng chia sẻ được nhiều cho TC” (L.T.H, 30 tuổi- nữ, cán bộ Lao động - TBXH, trích Mẫu PVS)*

Ngoài ra việc cung cấp thông tin có thuận lợi hay không còn phụ thuộc vào sự cầu thị của người dân, nếu họ ham học hỏi việc lắng nghe thông tin của người làm CTXH truyền đạt lại nhiều hơn: *“TC tôi là người cầu thị, ham học hỏi, anh ấy rất chú ý lắng nghe khi tôi chia sẻ thông tin cho anh ấy” (N.V.T, 31 tuổi- nam- Bí thư đoàn thanh niên xã, Mẫu PVS)*

Khả năng truyền đạt kém cũng là một khó khăn cho NVCTXH khi cung cấp thông tin cho TC của mình. Việc truyền đạt rời rạc, không mạch lạc rất dễ gây sự hiểu nhầm, nhầm chán, người nghe không muốn nghe: *“Sự truyền đạt thông tin của tôi cho TC còn khá hạn chế. Khiến TC của tôi khó tiếp thu được những gì mà tôi cung cấp” (L.Q.V- 32 tuổi- nam- Công an xã, trích Mẫu PVS)*

Ngoài ra việc kiến thức hạn chế của NVCTXH cũng là một trở ngại lớn cho việc cung cấp thông tin cho TC. Như vậy đòi hỏi việc NVCTXH phải luôn trau dồi bản thân để chọn lọc những thông tin tốt cho TC của mình.



Biểu 2.4 : Kênh các văn bản pháp luật về phòng chống BLGD.

(Nguồn khảo sát của tác giả năm 2018)

Từ kết quả nghiên cứu trên cho thấy, có 94% người dân biết các văn bản pháp luật về bạo lực gia đình thông qua kênh đài phát thanh, truyền hình, 65% qua báo chí, tờ rơi, tài liệu, 39% qua Hội liên hiệp phụ nữ xã, 35% qua nhân viên công tác xã hội, 27% qua cán bộ đoàn thanh niên, 23% qua trưởng thôn, 20% qua cán bộ tư pháp xã, 16% qua cán bộ mặt trận, 13% qua công an viên. Việc cung cấp thông tin tốt sẽ hỗ trợ rất lớn cho người dân có được những thông tin cần thiết. Tuy nhiên, do địa phương chưa có nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp nên việc cung cấp thông tin cho người dân còn rất hạn chế, chủ yếu thực hiện qua kênh đài phát thanh, truyền hình, báo chí. Còn việc truyền đạt những nội dung trực tiếp phải lồng ghép thông qua các buổi tập huấn của các ngành.

Qua ý kiến phỏng sâu L.T.A (35 tuổi- nữ- người dân, trích Mẫu PVS) có cho biết: “Tôi rất hài lòng với vai trò này. Thường xuyên ở nhà nên đôi khi nhiều thông tin tôi không nắm bắt rõ. Bạn NVCTXH đã giúp tôi biết thêm nhiều thông tin hơn, biết được quyền lợi của bản thân từ đó tôi tự tin sống với chính bản thân mình, độc lập hơn”. Ý kiến của chị P.T (32 tuổi- nữ- người dân, trích Mẫu pv) đưa ra “Tôi hài lòng. NVCTXH là người đã lập gia đình nên những kiến thức về tình yêu hôn nhân bạn ấy rất có kinh nghiệm. Bạn ấy thường xuyên chia sẻ những thông tin đó cho tôi. Giúp tôi có thêm động lực tìm cho mình một mái ấm riêng.

2.2.2. Vai trò người kết nối

Nhân viên CTXH, cộng tác viên CTXH xem xét các chế độ bảo hiểm, chính sách miễn, giảm viện phí đối với nạn nhân của BLGD trong trường hợp nạn nhân phải đi điều trị để hỗ trợ họ làm các thủ tục hưởng các chế độ. Lên lịch gặp họ thường xuyên để tư vấn, hỗ trợ các kỹ năng theo dõi sự chuyển biến của họ cũng như của người gây ra bạo lực. Luôn nhắc nhở họ về kế hoạch an toàn. Trong trường hợp nạn nhân phải đi tạm lánh cần thường xuyên liên lạc để nắm được tình hình của nạn nhân, kịp thời hỗ trợ nạn nhân khi cần thiết. Khi nạn nhân trở về nhà nếu không có nơi cư trú cần trao đổi với chính quyền địa phương tìm cách hỗ trợ nạn nhân.

Không chỉ là kết nối các nguồn lực với nhau, NVXH còn cần tìm kiếm các nguồn lực mới để hỗ trợ nạn nhân sau khi bị BLGD hay đơn cử như kết nối với các đơn vị công an, tòa án trong bảo vệ quyền lợi của đối tượng bị BLGD

Khi có bạo lực xảy ra nhân viên CTXH, cộng tác viên công tác xã hội thực hiện việc hỗ trợ trực tiếp nạn nhân thông qua các hoạt động như: cách ly khỏi nguồn gây BLGD, tìm kiếm nơi trú ẩn an toàn cho nạn nhân, giúp nạn nhân được an toàn trong đời sống. Trong trường hợp cần thăm khám bệnh thì

sẽ hỗ trợ làm các thủ tục nhập viện, thanh toán viện phí, thanh toán bảo hiểm, tìm nơi tạm lánh an toàn cho nạn nhân, hỗ trợ nạn nhân giải quyết vụ việc, hỗ trợ nạn nhân làm việc với các cơ quan chức năng nhằm bảo vệ quyền lợi trước pháp luật.

Việc hỗ trợ kết nối nạn nhân khi có bạo lực gia đình xảy ra là một việc làm vô cùng cần thiết. Qua thăm dò thực tế cho thấy 100% người bị BLGD đều có nhu cầu được hỗ trợ. Trong đó những nhu cầu tối thiểu nhất mà nạn nhân BLGD có nhu cầu gồm nhu cầu được an toàn, nhu cầu có nơi ở an toàn, nhu cầu được an toàn về thể xác và tinh thần....

Việc hỗ trợ nạn nhân bị BLGD diễn ra thuận lợi khi có sự đồng tình ủng hộ của gia đình và chính bản thân nạn nhân.

Việc thực hiện các chính sách kết nối tại địa phương được ủng hộ và xuyên suốt trong quá trình triển khai. Các ban ngành địa phương có sự liên kết phối hợp khi thực hiện chương trình hỗ trợ cho nạn nhân BLGD.

Nhiều chế độ chính sách có cơ chế thông thoáng giúp nạn nhân BLGD có điều kiện tiếp cận nhanh chóng với các chế độ hỗ trợ dành cho nạn nhân của BLGD.

Có một số trường hợp dù nạn nhân rất cần được hỗ trợ nhưng gia đình nạn nhân không cho nhân viên CTXH tiếp xúc với nạn nhân rất khó cho việc thực hiện các hoạt động hỗ trợ.

Từ phía đối tượng gây BLGD : đa phần những người gây ra BLGD chính là thành viên trong gia đình. Đa phần họ hiểu rằng việc gây ra BLGD là sai, nên họ tìm cách che giấu và cản trở những người có chức năng đến tiếp cận và giúp đỡ nạn nhân BLGD. Đơn cử, có những trường hợp BLGD tại địa phương, cần có sự hỗ trợ của công an mới có thể tiếp cận được nạn nhân của BLGD.

Từ phía các đơn vị có liên quan : phòng chống BLGD là trách nhiệm

chung của các ban ngành đoàn thể tại địa phương nhưng chính vì vậy gây là việc chồng chéo trong chính sách hỗ trợ tại địa phương. Đồng thời các CTV về CTXH tại địa phương cũng là những người chưa được đào tạo sâu về CTXH nên việc tiếp cận, chính sách qua đó kết nối nạn nhân BLGD còn rất nhiều hạn chế. Thậm chí là chậm trễ trong hỗ trợ nạn nhân bị BLGD.

Kết quả điều tra cho thấy, do chưa có đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp nên khi có bạo lực gia đình xảy ra, có rất nhiều người có thể tham gia vào các hoạt động hỗ trợ nạn nhân, họ có thể là những người trong gia đình, công an viên, cán bộ chính quyền, cán bộ Đảng, cán bộ đoàn thể, nhân viên công tác xã hội, cộng tác viên công tác xã hội, cán bộ các ban ngành... Ví dụ như việc khi có BLGD xảy ra việc hỗ trợ nạn nhân có nơi tạm lánh an toàn được thực hiện 20% bởi cán bộ chính quyền, 10% bởi chính những người trong gia đình, 6% bởi công an viên, 4% bởi nhân viên CTXH, còn lại chỉ 1%-3% được thực hiện bởi cán bộ Đảng, cán bộ đoàn thể, cán bộ các ban, ngành...

2.2.3. Vai trò người chăm sóc

Nhân viên CTXH trực tiếp cung cấp dịch vụ trợ giúp cho những cá nhân, gia đình có bạo lực mà không có khả năng tự đáp ứng đầy đủ nhu cầu của mình và giải quyết vấn đề. VD trong trường hợp nạn nhân bị tổn thương nặng.

Vai trò chăm sóc còn được thể hiện bằng việc sơ cứu cho nạn nhân, đưa nạn nhân đến các cơ sở y tế để được chăm sóc. Qua phỏng vấn sâu NVCTXH có trả lời: *“Chúng tôi được đào tạo qua các chương trình nâng cao tập huấn hỗ trợ cho nạn nhân bị BLGD, Từ đó chúng tôi có thể xử lý các tình huống khi có BLGD xảy ra (Chị L.A- 22 tuổi- nữ- NVCTXH- Mẫu PVS)”*.

Tùy từng trường hợp bị bạo lực mà nhân viên công tác xã hội có phương pháp chăm sóc khác nhau. Tất cả NVCTXH đều phải tới trực tiếp nhà TC để trợ giúp khi có bạo lực xảy ra.

Đối với những nạn nhân bị bạo lực về thể chất: Những hành vi như đá, đâm, tát... tác động trực tiếp đến thể chất người phụ nữ. Kiểu hành vi này hay xảy ra khi hai bên chênh lệch về sức mạnh thể chất như giữa chồng và vợ...

Nhân viên xã hội thực hiện việc sơ cứu ban đầu cho nạn nhân. Đối với những trường hợp bị thương nặng cần đưa đến các cơ sở y tế để được các bác sỹ chăm sóc.

Tại đây các thầy thuốc sẽ thăm hỏi đầy đủ người bệnh về tiền sử bị bạo lực gia đình, được khám toàn diện và kịp thời chữa các vết thương do bạo lực gây ra.

Đối với những nạn nhân bị bạo lực về tinh thần: bao gồm các hành vi lăng mạ hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm hay cô lập, xua đuổi hoặc gây áp lực thường xuyên về tâm lý gây hậu quả nghiêm trọng hoặc ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu, giữa cha, mẹ và con, giữa vợ và chồng, giữa anh, chị, em với nhau, hành vi trái pháp luật buộc thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở, cưỡng ép tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, ly hôn hoặc cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ.

Bạo lực tinh thần rất khó xác định nhưng nó có thể gây ra những hậu quả vô cùng nghiêm trọng.

Do đó, nhân viên công tác xã hội cần phải làm cho nạn nhân tin tưởng mình. Nạn nhân sẽ sẵn sàng phối hợp để tìm giải pháp tốt nhất giải quyết vấn đề của họ.

Đối với những nạn nhân bị bạo lực về kinh tế: là hành vi xâm phạm tới các quyền lợi về kinh tế của thành viên gia đình (quyền sở hữu tài sản, quyền tự do lao động...).

Đối với những nạn nhân bị bạo lực về tình dục: là bất kỳ hành vi nào mang tính chất cưỡng ép trong các quan hệ tình dục giữa các thành viên gia đình, kể cả việc cưỡng ép sinh con.

Việc trợ giúp một nạn nhân bị bạo lực về tình dục là một vấn đề rất khó khăn và phức tạp. Vì vậy trước hết nhân viên công tác xã hội cần phải giúp những nạn nhân bị bạo lực:

Cảm thấy an toàn: Nạn nhân của bạo lực tình dục đã bị tổn thương và đau đớn rất nhiều. Do đó, họ cần một ai đó ở bên cạnh và giúp họ cảm thấy an toàn. Đôi khi, bạn chỉ cần ở cùng họ thôi đã đủ để khiến họ cảm thấy thoải mái và an toàn hơn rất nhiều.

Cảm thấy được tin tưởng: Điều quan trọng là bạn đang giao tiếp để giúp đỡ và trấn an một người đã bị bạo lực tình dục.

Làm cho họ nhận ra đó không phải là lỗi của họ: Hầu hết nạn nhân bị bạo lực tình dục cảm thấy như thể đó là lỗi của họ và tự đổ lỗi cho chính mình khi sự việc xảy ra. Đặc biệt là trong những trường hợp bị xâm hại bởi người quen hoặc khi hẹn hò, nạn nhân thường cảm thấy như thể họ đã làm cho điều đó xảy ra. Đây là một phản ứng bình thường nhưng điều quan trọng khi bạn muốn giúp đỡ nạn nhân là hãy giúp họ hiểu rằng đó không phải lỗi của họ. Không một ai *muốn* hoặc *yêu cầu* để bị hãm hiếp cả.

Giúp họ kiểm soát cuộc sống của chính mình: Sau khi bị tấn công, nạn nhân thường cảm thấy hoàn toàn mất kiểm soát. Do vậy, điều quan trọng là làm thế nào để họ bắt đầu lấy lại cuộc sống của mình. Hãy để nạn nhân tự đưa ra quyết định về việc tìm kiếm chăm sóc y tế, báo cáo việc bạo lực tình dục, xác định người mà họ muốn nói chuyện,.. vv. Không nên cố gắng kiểm soát và làm những gì bạn tin là tốt cho họ hay những thành viên khác trong gia đình. Bây giờ chính là thời gian để giúp đỡ họ lấy lại cuộc sống và tôn trọng

những quyết định họ đưa ra, ngay cả khi những quyết định đó khác với những gì bạn tin là "đúng" hoặc bạn sẽ làm như thế.

Thái độ cần thiết của người trợ giúp

Sau khi một người bạn, hoặc ai đó, hoặc thành viên trong gia đình nói ra việc bị bạo lực tình dục, thông thường bạn rất muốn giúp đỡ họ nhưng lại không biết phải làm như thế nào và cảm thấy bất lực. Sau đây là những cách bạn có thể giúp đỡ họ:

Hãy lắng nghe và không phán xét. Bạn hãy cố gắng giúp họ nhưng đừng phán xét. Cố gắng tránh đặt câu hỏi là tại sao họ ở đó, những gì họ đã làm để chống lại kẻ gây bạo lực, vv.. Những câu hỏi đó có thể thực sự làm cho nạn nhân cảm thấy họ có lỗi, hoặc tệ hơn, là họ sẽ thấy chính bạn cũng cho rằng họ có lỗi. Hãy chấp nhận và để họ cảm thấy mình được giúp đỡ.

Cung cấp chỗ ở. Nếu có thể, hãy ở cùng với họ hoặc là ở chỗ của họ hoặc là ở chỗ của bạn. Không nên để họ ở một mình, tuy nhiên hãy chắc chắn rằng bạn để họ tự quyết định và đừng làm những điều khiến họ cảm thấy không thoải mái.

Luôn sẵn sàng. Họ có thể muốn nói chuyện thường xuyên và đôi khi là hàng giờ. Có thể không có nhiều người khiến họ cảm thấy thoải mái khi nói về câu chuyện bạo lực, do đó, đôi khi điều này dẫn đến một gánh nặng cho người giúp đỡ.

Tạo sự thoải mái. Họ đã bị tổn thương và cần được giúp đỡ cũng như cần được cảm thấy thoải mái. Có thể bạn sẽ thấy như mình không thực sự làm bất cứ điều gì nhưng sẵn sàng giúp đỡ vô điều kiện là điều đáng quý nhất.

Không đổ lỗi. Hãy cho họ biết họ không hề có lỗi vì những chuyện đã xảy ra. Điều này là rất quan trọng vì nạn nhân thường tự đổ lỗi cho chính

mình. Họ cần phải được trấn an rằng kẻ gây bạo lực đã gây ra mọi chuyện, không phải họ.

Hãy kiên nhẫn và thấu hiểu. Có thể rất khó khăn để đứng nhìn một người bạn yêu thương đau đớn và trong những trường hợp này, bạn sẽ thường cố gắng để đẩy nhanh quá trình hồi phục cho nạn nhân. Tuy nhiên, đây không phải phản ứng thông thường của nạn nhân sau khi trải qua một sự việc đau buồn và họ cần có thời gian để từ từ thích ứng. Hãy kiên nhẫn và để họ có thể tự thích nghi/ trải nghiệm.

Đừng bảo vệ quá mức cần thiết. Khi một người nào đó chúng ta yêu thương đã bị tổn thương, điều tự nhiên là chúng ta muốn bảo vệ họ. Bạn có thể làm điều này bằng cách khuyến khích họ tìm kiếm sự giúp đỡ và tôn trọng sự lựa chọn của họ. Hãy chấp nhận quyết định của họ ngay cả khi bạn không đồng ý với sự lựa chọn này. Đây là khoảng thời gian bạn nên để cảm xúc cá nhân sang một bên và giúp đỡ họ vô điều kiện.

Đây được coi là vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nạn nhân bị BLGD. Điều này chứng tỏ đây là vai trò rất quan trọng không thể thiếu đối với những nạn nhân bị BLGD. Nếu không có nó vai trò này thì những nạn nhân bị BLGD khó có thể đáp ứng được nhu cầu cơ bản, tiến tới thực hiện những nhu cầu tiếp theo.

Thuận lợi hay khó khăn trong quá trình thực hiện vai trò chăm sóc phụ thuộc vào nhiều yếu tố như bản thân NVCTXH đã có đầy đủ các kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm để hỗ trợ cho quá trình thực hiện vai trò không, đó là yếu tố chủ quan. Yếu tố khách quan có thể tới từ việc bản thân những người bị BLGD, hay gia đình những nạn nhân bị BLGD có ủng hộ việc hỗ trợ chăm sóc hay không.

Từ bản thân NVCTXH là những người được đào tạo các kiến thức, kỹ năng chăm sóc cho những nạn nhân bị BLGD điều này khiến cho NVCTXH dễ dàng hơn trong việc chăm sóc.

Bên cạnh thuận lợi thì NVCTXH cũng gặp không ít những khó khăn:

Gia đình có người bị bạo lực nhiều khi không thích những nhân viên CTXH xen vào vì họ cho rằng đây là việc riêng của gia đình họ.

Với vai trò chăm sóc mà NVCTXH đem lại cho những nạn nhân bị BLGD, thì kết quả điều tra phỏng vấn cho biết đa số họ hài lòng.

Kết quả điều tra cho thấy, một trong các hoạt động chăm sóc nạn nhân khi BLGD xảy ra thì:

Hoạt động tách nạn nhân ra khỏi người gây bạo lực, 46% là do chính những người thân trong gia đình, 13% được thực hiện bởi những cán bộ chính quyền, còn lại từ 1% đến 6% được thực hiện bởi những nhân viên CTXH, cộng tác viên CTXH, cán bộ Đảng, cán bộ đoàn thể, công an viên...

Hoạt động sơ cứu cho nạn nhân: 27% được thực hiện bởi chính những người thân trong gia đình có nạn nhân bị BLGD, 13% được thực hiện bởi những cán bộ chính quyền, 5% được thực hiện bởi nhân viên CTXH, còn lại từ 1% đến 4% được thực hiện bởi cán bộ Đảng, cán bộ đoàn thể...

Hoạt động đưa nạn nhân đến các cơ sở y tế để được chăm sóc thì có 29% được thực hiện bởi những người trong gia đình, 16% được thực hiện bởi cán bộ chính quyền, người dân địa phương, còn lại từ 1% đến 3% được thực hiện bởi những nhân viên CTXH, cộng tác viên CTXH...

2.2.4. Vai trò người trợ giúp pháp lý

Nhân viên CTXH là người biện hộ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của thân chủ để họ được hưởng những dịch vụ, chính sách, quyền lợi theo quy định của pháp luật. Đặc biệt là trong những trường hợp thân chủ bị từ chối những dịch vụ, chính sách đáng lẽ ra họ được hưởng.

Những người làm CTXH sử dụng các kiến thức, kỹ năng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của thân chủ để họ được hưởng những

dịch vụ, chính sách, quyền lợi theo quy định của pháp luật. Đặc biệt là trong những trường hợp thân chủ bị từ chối những dịch vụ, chính sách đáng lẽ ra họ được hưởng.

Đây được coi là vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nạn nhân bị BLGD. Nếu không có nó vai trò này thì những nạn nhân bị BLGD khó có thể đáp ứng được nhu cầu cơ bản, tiến tới thực hiện những nhu cầu tiếp theo.

Những người làm công tác xã hội là những người được đào tạo các kiến thức, kỹ năng cần thiết để trợ giúp nạn nhân. Họ là những người nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Để hoạt động tham vấn đạt kết quả cao thì đòi hỏi những người làm công tác xã hội phải được đào tạo bài bản, có kiến thức chuyên môn sâu nhưng trên thực tế họ là những người kiêm nhiệm, không phải là những nhân viên CTXH chuyên nghiệp nên có rất nhiều hạn chế.

Nói đến mức độ hiểu biết của người dân địa phương về các văn bản pháp luật về bạo lực gia đình:

Đối với Luật hôn nhân và gia đình thì có đến 12% người dân chưa từng nghe, 27% người dân chỉ biết tên văn bản, 45% biết sơ sơ vài điều, 16% biết rất rõ nội dung.

Đối với Luật phòng, chống bạo lực gia đình có 12% người dân chưa từng nghe, 32% người dân chỉ biết tên văn bản, 44% biết sơ sơ vài điều, 12% biết rất rõ nội dung.

Đối với Luật bình đẳng giới có 14% người dân chưa từng nghe, 29% người dân chỉ biết tên văn bản, 41% biết sơ sơ vài điều, 16% biết rất rõ nội dung.

Đối với Luật trẻ em có 14% người dân chưa từng nghe, 29% người dân chỉ biết tên văn bản, 40% biết sơ sơ vài điều, 17% biết rất rõ nội dung.

Đối với Luật người cao tuổi có 15% người dân chưa từng nghe, 32% người dân chỉ biết tên văn bản, 39% biết sơ sơ vài điều, 14% biết rất rõ nội dung.

Đối với Bộ luật dân sự có 15% người dân chưa từng nghe, 30% người dân chỉ biết tên văn bản, 42% biết sơ sơ vài điều, 13% biết rất rõ nội dung.

Đối với Bộ luật hình sự có 15% người dân chưa từng nghe, 30% người dân chỉ biết tên văn bản, 42% biết sơ sơ vài điều, 13% biết rất rõ nội dung.

Đối với Pháp lệnh dân số có 14% người dân chưa từng nghe, 34% người dân chỉ biết tên văn bản, 41% biết sơ sơ vài điều, 11% biết rất rõ nội dung.

Bảng 2.2. Mức độ hiểu biết các văn bản pháp luật về bạo lực gia đình

Tên văn bản luật	Mức độ xảy ra								Tổng	
	Chưa từng nghe		Chỉ biết tên văn bản		Biết sơ sơ vài điều		Biết rất rõ nội dung			
	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1. Luật Hôn nhân và gia đình	12	12.0	27	27.0	45	45.0	16	16.0	100	100.0
2. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình	12	12.0	32	32.0	44	44.0	12	12.0	100	100.0
3. Luật Bình đẳng giới	14	14.0	29	29.0	41	41.0	16	16.0	100	100.0
4. Luật Trẻ em	14	14.0	29	29.0	40	40.0	17	17.0	100	100.0

5. Luật Người cao tuổi	15	15.0	32	32.0	39	39.0	14	14.0	100	100.0
6. Bộ Luật dân sự	15	15.0	30	30.0	42	42.0	13	13.0	100	100.0
7. Bộ Luật hình sự	15	15.0	30	30.0	42	42.0	13	13.0	100	100.0
8. Pháp lệnh dân số	14	14.0	34	34.0	41	41.0	11	11.0	100	100.0

(Nguồn khảo sát người dân thị trấn Hương Sơn và xã Nga My, huyện Phú Bình năm 2018).

Kết quả khảo sát thực tế cho thấy, hoạt động hỗ trợ nạn nhân bị BLGD giải quyết vụ việc có 24% được thực hiện bởi cán bộ chính quyền, 7% được thực hiện bởi người trong gia đình, còn lại từ 1% đến 3% được thực hiện bởi những người khác.

Hiệu quả hỗ trợ, có 18% cho rằng hiệu của hoạt động hỗ trợ nạn nhân giải quyết vụ việc là thấp, 58% hiệu quả bình thường, 24% cho rằng hiệu hoạt động hỗ trợ này mang lại hiệu quả cao.

2.2.5. Vai trò người vận động nguồn lực

Nhân viên CTXH là người trợ giúp thân chủ (cá nhân, gia đình, cộng đồng...) tìm kiếm nguồn lực (nội lực, ngoại lực) cho giải quyết vấn đề. Nguồn lực có thể bao gồm về con người, về cơ sở vật chất, về tài chính, kỹ thuật, thông tin, sự ủng hộ về chính sách, chính trị và quan điểm...

Luật phòng chống BLGD đã được ban hành tuy nhiên chưa đi sâu sát vào cuộc sống. tỉ lệ người dân nắm bắt và hiểu biết thông tin còn ít chính vì vậy việc vận động nguồn lực, vận động chính sách giúp luật phòng chống BLGD đi vào thực tiễn là yêu cầu cấp thiết.

Những người làm CTXH sử dụng các kiến thức, kỹ năng để kết nối và vận động nhiều nguồn hỗ trợ khác nhau như: Nguồn hỗ trợ về tài chính, hỗ trợ về y tế, giáo dục, hỗ trợ tâm lý.....

Nguồn lực hỗ trợ nạn nhân có thể là từ chính những người thân trong gia đình hay bạn bè, hàng xóm, đồng nghiệp...hoặc các nhóm tự giúp gồm những người cùng cảnh ngộ bị BLGD. Họ an ủi, động viên nhau... Nhiều khi nguồn hỗ trợ đó có thể có trong tầm tay nhưng nạn nhân không hề hay biết vì vậy những người làm CTXH cần giúp họ tiếp cận các nguồn hỗ trợ đó.

Đây được coi là vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nạn nhân bị BLGD. Nếu không có nó vai trò này thì những nạn nhân bị BLGD khó có thể đáp ứng được nhu cầu cơ bản, tiến tới thực hiện những nhu cầu tiếp theo.

Những người làm công tác xã hội là những người được đào tạo các kiến thức, kỹ năng cần thiết để trợ giúp nạn nhân. Họ là những người nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Để hoạt động vận động nguồn lực đạt kết quả cao thì đòi hỏi những người làm công tác xã hội phải được đào tạo bài bản, có kiến thức chuyên môn sâu nhưng trên thực tế họ là những người kiêm nhiệm, không phải là những nhân viên CTXH chuyên nghiệp nên có rất nhiều hạn chế.

Thực tế khảo sát cho thấy, hoạt động hỗ trợ nạn nhân tìm kiếm nguồn lực đã đạt được những kết quả tốt.

Đánh giá việc thực hiện các vai trò của NV CTXH trong phòng chống BLGD tại địa phương :

Do những nguyên nhân và chủ quan, mặc dù tại huyện Phú Bình –tỉnh Thái Nguyên chưa có đội ngũ nhân viên CTXH chuyên nghiệp, mới chỉ có nhân viên CTXH bán chuyên nghiệp- hay được gọi là những CTV về CTXH tại địa phương, những hiểu biết của cán bộ và người dân về công tác xã hội cũng như về BLGD còn nhiều hạn chế, họ hiểu một phần của vấn đề chứ chưa

hiểu đầy đủ chính xác và chưa hiểu nguyên nhân sâu xa, gốc rễ của vấn đề. Khi có vụ việc BLGD xảy ra, tổ hòa giải sẽ can thiệp giúp đỡ, họ sẽ khuyên nhủ, hòa giải, hỗ trợ về mặt tâm lý và người gây ra bạo lực được yêu cầu ký vào bản cam kết không tái diễn tình trạng bạo lực. Vì không có nhân viên CTXH chuyên nghiệp nên hoạt động CTXH trong phòng chống BLGD được thực hiện chưa theo tiến trình, chưa giải quyết được triệt để gốc rễ của vấn đề mà những sự trợ giúp mới chỉ giải quyết được phần ngọn của vấn đề

Nhiệm vụ của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD gồm những nhiệm vụ sau: hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực gia đình, can thiệp thay đổi nhận thức hành vi của người gây bạo lực, hỗ trợ chăm sóc bảo vệ trẻ em trong gia đình có bạo lực và tuyên truyền vận động cộng đồng phòng chống bạo lực gia đình. Vai trò của nhân viên xã hội trong quá trình phòng chống BLGD gồm: Vai trò người kết nối các nguồn lực; Vai trò người tiếp nhận và cung cấp thông tin; Vai trò người cung cấp các dịch vụ hỗ trợ; Vai trò người tham vấn, hỗ trợ tâm lý; Vai trò người trợ giúp pháp lý; Vai trò người giám sát, đánh giá. Trong thực tế việc trợ giúp nạn nhân bị bạo lực gia đình, các cán bộ mới chỉ thực hiện được một số vai trò như: Vai trò người tiếp nhận và cung cấp thông tin; Vai trò người tham vấn tư vấn và vai trò người trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên, xét về vai trò người tham vấn tâm lý, họ cũng thực hiện chưa đúng, họ chỉ khuyên bảo và động viên về mặt tâm lý chứ chưa đi sâu vào tham vấn hay trị liệu về tâm lý để giúp nạn nhân giải tỏa căng thẳng. Với vai trò là người trợ giúp pháp lý, khi nào nạn nhân bị BLGD có nhu cầu tìm hiểu, thì họ sẽ giải đáp về luật pháp chính sách chứ họ cũng không chủ động cung cấp cho nạn nhân. Họ cũng chưa biện hộ cho nạn nhân để nạn nhân được bảo vệ các quyền của mình, nạn nhân chưa được hưởng các chính sách và người gây bạo lực vẫn chưa có người can thiệp và bị xử lý thích đáng. Nạn nhân khi bị bạo lực dẫn tới bầm tím, chảy máu thì hội phụ nữ và chính quyền địa

phương mới vào cuộc và nạn nhân được đưa đến nơi tạm lánh, còn các nạn nhân đang phải chịu những bao lực tinh thần khủng hoảng thì chưa nhận được sự trợ giúp. Theo tiến trình trợ giúp nạn nhân bị BLGD, thì nạn nhân cùng với NVXH lập kế hoạch an toàn nhưng việc trợ giúp trên thực tế đang diễn ra thì chưa có việc cùng nhau lập kế hoạch an toàn mà thường họ sẽ khuyên nạn nhân những việc nên làm và không nên làm để tránh lần sau không bị bạo lực tiếp diễn. Việc trợ giúp như vậy là chưa chuyên nghiệp mà hiện tại vẫn đang trợ giúp theo kinh nghiệm của cá nhân.

Việc phát hiện các vụ việc bạo lực gia đình chưa được quan tâm chú ý, chỉ khi nào có các vụ việc BLGD gây thương tích, chảy máu thì chính quyền địa phương mới biết và vào cuộc để giải quyết. Các vụ việc BLGD trong các gia đình vẫn đang tồn tại mà chưa được phát hiện, trợ giúp.

Việc can thiệp đối với người gây BLGD đang diễn ra theo hướng xử phạt người gây bạo lực chứ chưa chú trọng nhiều đến việc nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi. Người gây bạo lực chưa được cung cấp kiến thức về luật pháp chính sách liên quan đến BLGD, và chính họ cũng đang gặp phải những khó khăn cần được trợ giúp. Sau khi gây bạo lực họ bị xa lánh, bị lên án, bị mọi người chế nhạo, bàn tán, họ bị người nhà gây áp lực, bị vợ lạnh nhạt hoặc có nguy cơ bị bạo hành ngược lại, họ không được giải tỏa về mặt tâm lý. Họ cần được sự trợ giúp chuyên nghiệp và lập kế hoạch trợ giúp cụ thể. Việc can thiệp của các NVXH bán chuyên nghiệp đối với người gây bạo lực đạt hiệu quả chưa cao.

Việc can thiệp đối với trẻ em trong gia đình bị bạo lực chưa được chú trọng. Trẻ em trong gia đình bị bạo lực có nhiều vấn đề và nhu cầu được trợ giúp. Việc trợ giúp hiện nay chỉ chú trọng đến chia sẻ, khuyên bảo, ổn định về tâm lý và đưa các em đi chỗ khác khi có bạo lực. Khi phải chứng kiến BLGD hoặc là nạn nhân của BLGD trẻ em gặp phải những khó khăn như: bị tổn

thương, bị sao nhãng, khôn được chăm sóc đầy đủ...nhưng nghiêm trọng hơn là trẻ em bị tổn thương về mặt tâm lý. Trẻ có thể mắc phải các chứng bệnh tâm lý khi chứng kiến bạo lực hoặc là nạn nhân của BLGD như :lo âu, sợ hãi, rối nhiễu, sang chấn tâm lý...vì vậy rất cần sự trợ giúp của nhân viên CTXH chuyên nghiệp để trợ giúp cho trẻ em trong gia đình có bạo lực.

Việc tuyên truyền vẫn đang được thực hiện nhưng thông tin đến với người dân vẫn còn hạn chế, hiệu quả của hoạt động tuyên truyền chưa cao. Nhiều người dân vẫn chưa biết đến các luật pháp chính sách liên quan đến phòng chống BLGD, một số người biết luật nhưng nội dung của luật thì vẫn rất mơ hồ, không nắm rõ. Nội dung tuyên truyền chưa phong phú và cuốn hút người dân.

Hiệu quả hoạt động của các tổ hòa giải , nhà tạm lánh chỉ đạt một số hiệu quả nhất định chứ chưa phát huy hết vai trò và năng lực hoạt động. Tổ hòa giải can thiệp được những vụ BLGD mang tính chất đơn giản chứ chưa giải quyết được những vụ mang tính chất phức tạp, nhà tạm lánh chưa phải là nơi người bị bạo lực tin tưởng để tìm đến, NVXH bán chuyên nghiệp giải quyết các vụ BLGD chưa theo tiến trình và chưa giải quyết được tận gốc vấn đề.

2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện các vai trò của nhân viên công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình.

2.3.1. Trình độ, năng lực và phẩm chất đạo đức của đội ngũ làm công tác xã hội

Để hỗ trợ cho nạn nhân bị bạo lực gia đình một cách hiệu quả trong chăm sóc sức khỏe, đưa nạn nhân đi tham gia làm việc, học tập, tham gia hoạt động xã hội, hỗ trợ tâm lý, cung cấp thông tin, từ đó giúp nạn nhân hòa nhập cộng đồng và sống độc lập hơn đòi hỏi NVCTXH phải có một trình độ chuyên môn tốt.

Khi phỏng vấn sâu chị L.T.H (41 tuổi- nữ- Nạn nhân bị BLGD) có

chia sẻ: *“May mắn cho tôi là có NVCTXH là người giúp tôi giải quyết những vấn đề trong cuộc sống. Bạn ấy có trình độ đại học về CTXH, nhiệt tình và có kỹ năng hỗ trợ cho những nạn nhân bị bạo lực như tôi”* (trích Mẫu pv nạn nhân bị bạo lực)

Trình độ chuyên môn là một yếu tố ảnh hưởng rất lớn tới việc hỗ trợ cho những nạn nhân bị bạo lực, từ có NVCTXH có sự hỗ trợ tốt hơn đối với họ. Nếu một NVCTXH không có trình độ chuyên môn tốt thì việc hỗ trợ cho nạn nhân sẽ không đạt hiệu quả cao. Do đó đây là yếu tố tác động rất lớn tới việc hỗ trợ nạn nhân bị bạo lực.

Ngoài trình độ chuyên môn thì kinh nghiệm, kỹ năng của NVCTXH là điều không thể thiếu, có chuyên môn mà chưa có kinh nghiệm thì việc hỗ trợ cho nạn nhân bị bạo lực cũng đem lại hiệu quả tốt.

Từ thời gian làm việc, NVCTXH sẽ có kinh nghiệm bản thân từ đó NVCTXH sẽ biết được thân chủ của mình đang có nhu cầu gì để có cách hỗ trợ một cách hỗ trợ tốt nhất và phù hợp. Những người có kinh nghiệm lâu năm thì việc hỗ trợ cho thân chủ được dễ dàng và hiệu quả hơn rất nhiều.

NVCTXH được đào tạo qua các lớp tập huấn rèn luyện các kỹ năng trong phòng, chống BLGD. Các kỹ năng thường được sử dụng như kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát, động viên tích cực... Sự thành thực các kỹ năng khiến NVCTXH có thể đảm bảo tốt vai trò của mình.

Như vậy có thể nói kinh nghiệm và kỹ năng của NVCTXH cũng là một yếu tố quan trọng tác động tới việc thực hiện tốt vai trò của mình. Một NVCTXH có kinh nghiệm, kỹ năng tốt họ sẽ dễ dàng biết cách ứng phó với những vấn đề của TC, và biết cách xử lý một sao cho hiệu quả nhất. Ngược lại nếu như NVCXTH không có kinh nghiệm thì điều này cũng gây ra rất nhiều khó khăn trong việc trợ thực hiện vai trò của mình. Do đó NVCTXH phải thường xuyên trau dồi những kinh nghiệm và kỹ năng thật tốt để có thể thực hiện tốt vai trò của mình.

Phẩm chất đạo đức là một yếu tố được đánh giá cao trong bất kỳ công việc nào đặc biệt là trong hoạt động CTXH, công việc này đòi hỏi nhân viên CTXH phải có sự kiên trì, nhiệt tình, sự cảm thông, chia sẻ đối với những nạn nhân bị BLGD. NVCTXH có được phẩm chất tốt cộng với chuyên môn, kinh nghiệm thì sẽ là điều kiện tốt nhất để thực hiện các vai trò của mình.

Ngoài ra phẩm chất đạo đức còn được thể hiện qua sự tôn trọng, chấp nhận thân chủ, hay cư xử đối với TC của mình.

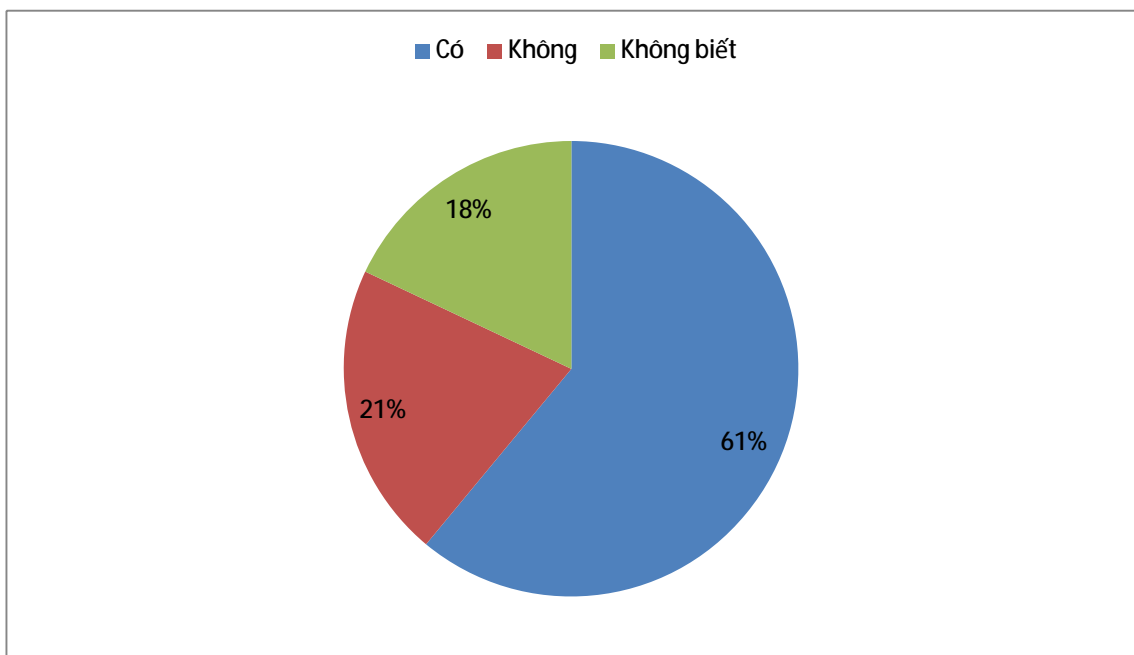
Phẩm chất đạo đức của người NVCTXH là một yếu tố đủ bên cạnh các yếu tố cần như trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng để có thể trở thành một NVCTXH chuyên nghiệp. Vì nó chính là yếu tố tác động mạnh mẽ tới việc thực hiện các vai trò của một nhân viên CTXH.

Lòng yêu nghề

Bên cạnh các yếu tố trình độ, phẩm chất đạo đức, kinh nghiệm, kỹ năng thì lòng yêu nghề cũng là một yếu tố rất quan trọng. *“Tôi rất yêu thích công việc này, ngoài việc giúp tôi đem lại thu nhập thì nó là một công việc có tính nhân văn cao cả. Có rất nhiều vấn đề mà tôi đã gặp phải trong quá trình hỗ trợ, nhiều lúc tôi cũng chỉ muốn từ bỏ nhưng vì lòng yêu nghề tôi vẫn tiếp tục với công việc của mình”* (Nguyễn L A- 30 tuổi- nữ, NVCTXH).

2.3.2. Nhận thức của người dân trong cộng đồng về BLGD và CTXH trong phòng, chống BLGD

Theo kết quả điều tra thì có 61% người được hỏi trả lời địa phương có nhân viên CTXH, 21% người được hỏi trả lời là địa phương không có nhân viên CTXH, 18% trả lời không biết.



Biểu 2.5. Nhân viên CTXH

(Nguồn: Khảo sát tại huyện Phú Bình năm 2018)

Như vậy, trên thực tế dù địa phương nào cũng có những người đang làm công việc của một nhân viên CTXH dù chỉ là kiêm nhiệm nhưng người dân cũng không biết việc thực hiện các hoạt động đó là công tác xã hội. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả của các hoạt động mà nhân viên CTXH đang làm. Nếu người dân có nhận thức đúng, hiểu về CTXH thì việc thực hiện các hoạt động của CTXH sẽ mang lại hiệu quả cao. Và những người làm CTXH được mọi người, toàn thể xã hội ghi nhận.

2.3.3. Chính sách, pháp luật của Nhà nước về CTXH trong phòng chống BLGD

Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền Xã hội Chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, vì vậy, pháp luật có vai trò rất quan trọng trong việc điều chỉnh các mối quan hệ xã hội, tạo ra trật tự và ổn định cho xã hội nhất là trong việc ngăn chặn và đẩy lùi hiện tượng vi phạm pháp luật, trong đó có

pháp luật về phòng, chống BLGD. Ban hành luật pháp, chính sách và tổ chức thực hiện luật pháp, chính sách về BLGD là chức năng quản lý của nhà nước ta trong lĩnh vực gia đình. Nhà nước ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống BLGD là để tạo hành lang pháp lý cho các hoạt động phòng, chống BLGD được tiến hành một cách thuận lợi, đạt được hiệu quả.

Hệ thống pháp luật về phòng, chống BLGD có ý nghĩa nhân văn sâu sắc, cụ thể hóa chủ trương của Đảng, Nhà nước về phòng, chống BLGD, thể hiện rõ vai trò của QLNN trong bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mọi công dân trong gia đình và xã hội, đồng thời phát huy vai trò cá nhân, gia đình và cộng đồng trong phòng chống BLGD. Các văn bản pháp luật về Phòng chống BLGD có ý nghĩa quan trọng trong đời sống chính trị, xã hội, góp phần tích cực vào việc phòng ngừa BLGD, hỗ trợ, bảo vệ nạn nhân BLGD và xử lý nghiêm minh các hành vi BLGD. Một hệ thống pháp luật phòng, chống BLGD hoàn thiện, đầy đủ, thống nhất, cụ thể, tính khả thi cao, dân chủ, tiến bộ, hướng tới các giá trị nhân văn cùng với các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xoá bỏ nguyên nhân sâu xa của BLGD là những đảm bảo pháp lý để ngăn chặn, hạn chế hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống BLGD. Tuy nhiên, để phòng chống BLGD đạt hiệu quả thì không chỉ xây dựng một đạo luật về phòng chống BLGD là đủ, cần phải có các văn bản pháp luật khác điều chỉnh các mối quan hệ trong gia đình để mỗi thành viên trong gia đình có cơ chế tự bảo vệ mình, tự tránh khỏi các áp lực, các yếu tố và hành vi dẫn đến bạo hành, nhằm xây dựng gia đình hòa thuận, tiến bộ và văn minh. Pháp luật cũng phải là đại lượng công bằng nhất, xóa tan khoảng cách và xây dựng lại các gia đình từ các đổ vỡ, bất đồng, xung đột tiềm ẩn hoặc đã thể hiện trong thực tế, tạo cơ sở pháp lý để người chồng thể hiện được thái độ đúng đắn của mình, những ứng xử phù hợp với pháp luật đối với người vợ trước những bất đồng, xung đột của hai vợ chồng mà nhiều khi lý do lại là do người vợ mang

lại. Như vậy, trong các yếu tố ảnh hưởng đến phòng, chống BLGD thì luật pháp, chính sách được xem là yếu tố quan trọng, mang tính quyết định đến hiệu quả các hoạt động phòng và chống bạo lực trong gia đình.

Hệ thống pháp luật về phòng, chống BLGD của nhà nước ta đang càng ngày càng hoàn thiện đã khẳng định quyết tâm mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước ta trong việc thực hiện các điều ước quốc tế về Quyền con người mà nước ta là thành viên, thực hiện Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), góp phần quan trọng trong việc củng cố và xây dựng gia đình Việt Nam no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Tuy nhiên, trên thực tế, phụ nữ có xu hướng e ngại, không muốn sử dụng hệ thống pháp lý nhà nước do thiếu tin tưởng vào hiệu quả giải quyết vấn đề cũng như không tin rằng họ được bảo vệ. Các giá trị và chuẩn mực văn hóa phụ quyền vẫn phổ biến trong xã hội Việt Nam thể hiện qua tâm lý thích sinh con trai hơn con gái; sự không công bằng trong phân chia quyền sử dụng đất đai và đứng tên sở hữu tài sản, sự khác biệt trong tham gia chính trị và sự phân biệt đối xử về tuổi nghỉ hưu. Bất bình đẳng giới vẫn còn là hiện tượng phổ biến trong xã hội. Đặc biệt, nhóm phụ nữ dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa còn phải chịu sự bất công lớn khiến họ dễ bị tổn thương hơn khi bị BLGD. Những phụ nữ này ít được chú ý trong các hoạt động đảm bảo quyền và bảo vệ khỏi bị bạo lực tại địa phương.

2.3.4. Điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của đất nước và những chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước đối với phát triển nghề công tác xã hội

Một đất nước có nền kinh tế, văn hóa, xã hội sẽ tạo điều kiện rất lớn cho sự phát huy hết vai trò của NVCTXH, Đảng và Nhà nước ta cũng đã đưa ra nhiều chính sách nhằm hỗ trợ cho hoạt động nghề CTXH phát triển.

Điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và những chính sách hỗ

trợ của Đảng và nhà nước là yếu tố tác động rất lớn tới vai trò hỗ trợ của NVCTXH, có được một chính sách ưu đãi tốt, sẽ giúp cho NVCTXH phát huy hết khả năng của mình, cống hiến nhiệt tình hơn trong công việc.

2.3.5. Sự tham gia của Gia đình có bạo lực

Gia đình là yếu tố ảnh hưởng rất lớn tới việc thực hiện vai trò của NVCTXH. Khi thực hiện vai trò của mình, nhân viên CTXH phải đến tận nhà của thân chủ để làm công việc chăm sóc, hay hỗ trợ ...Nếu được sự ủng hộ của họ thì NVCTXH sẽ dễ dàng hơn trong việc hỗ trợ những nạn nhân bị BLGD.

Ngược lại thì sự không ủng hộ từ phía gia đình hay mối quan hệ phức tạp giữa các thành viên trong gia đình và phía người thân của những nạn nhân bị BLGD cũng ảnh hưởng rất lớn tới việc phát huy vai trò của NVCTXH.

Như vậy có thể nói để NVCTXH thực hiện tốt vai trò của mình thì việc không thể thiếu đó chính là sự ủng hộ từ phía gia đình của những người bị BLGD. Đó là yếu tố quan trọng để giúp NVCTXH phát huy được hết khả năng của bản thân mình.

2.3.6. Nhận thức của cán bộ chính quyền địa phương và các ban ngành, đoàn thể về vai trò của công tác xã hội trong phòng chống BLGD.

Vì họ không phải là những nhân viên CTXH chuyên nghiệp, chưa được đào tạo chính thống về CTXH, đa phần kiến thức được cung cấp thông qua các chương trình tập huấn nên hiệu quả làm CTXH chưa cao. Đôi khi còn chậm trễ trong thực hiện vai trò khiến hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ cho nạn nhân BLGD không cao.

Những nỗ lực trong việc ứng phó với BLGD có thể bị cản trở bởi chính đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống BLGD về BLGD. Thực hiện Luật phòng, chống BLGD, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành văn bản hướng dẫn các tỉnh, thành phố đã

thành lập Ban Chỉ đạo công tác phòng, chống BLGD cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Trưởng Ban chỉ đạo là đồng chí Phó Chủ tịch UBND các cấp phụ trách mảng văn hóa- xã hội, Phó Trưởng ban thường trực là lãnh đạo ngành Văn hóa, Thể thao, thành viên còn lại của Ban chỉ đạo các cấp là đại diện các ban, ngành, đoàn thể.

Hiện nay, tổ chức bộ máy về phòng, chống BLGD đã được xây dựng từ trung ương, tỉnh, huyện và cấp xã để triển khai đồng bộ hoạt động QLNN về phòng, chống BLGD. Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ và cả các chuyên viên trong bộ máy này còn mỏng và đều làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Thời gian đầu tư cho hoạt động phòng chống BLGD còn ít. Do đó, rất khó khăn trong việc tổ chức triển khai, thực hiện, đặc biệt là công tác thu thập, thống kê số liệu về phòng, chống BLGD. Nhận thức về BLGD và luật phòng, chống BLGD còn hạn chế; nhiều cán bộ chưa nhận thức đầy đủ tính chất nguy hiểm và hậu quả của BLGD, coi BLGD là chuyện bình thường, là chuyện riêng của các gia đình; chưa thấy hết trách nhiệm của mình trong hoạt động phòng, chống; một số cố tình né tránh vì không muốn liên lụy; đa số thiếu kinh nghiệm và không được đào tạo kỹ năng ứng phó với BLGD, vì vậy các vụ việc BLGD không được phát hiện, xử lý hoặc xử lý không nghiêm minh.

Bên cạnh đó, hệ thống các tổ chức liên quan đến cung cấp các dịch vụ về công tác xã hội hình thành ở ngành Lao động -Thương binh và Xã hội là chủ yếu, chưa hình thành ở các ngành Y tế, Giáo dục và Tòa án nhân dân; lực lượng cán bộ lại quá mỏng và cũng thiếu tính chuyên nghiệp; các hoạt động hiện tại mang nặng tính QLNN hơn là hướng dẫn, hỗ trợ cung cấp dịch vụ công cho các đối tượng có hoàn cảnh đặc biệt, nhằm giúp họ tự giải quyết các vấn đề xã hội nảy sinh. Mạng lưới nhân viên CTXH của Việt Nam chưa được thiết lập cơ bản và hệ thống. Đội ngũ cán bộ văn hoá - xã hội ở cấp xã, phường, thị trấn, cán bộ trong các cơ sở bảo trợ xã hội, cán bộ kiêm nhiệm

hoạt động trong hệ thống hội chữ thập đỏ, các đoàn thể và các tổ chức phi chính phủ cung cấp dịch vụ cho người già, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người khuyết tật ... nhưng họ chỉ là những người hoạt động nghiệp dư, chưa được đào tạo chuyên ngành CTXH.

Lực lượng tuyên truyền viên còn thiếu về số lượng và nghiệp vụ, chất lượng truyền thông chưa cao cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng BLGD vẫn còn tiếp tục xảy ra.. Việc quản lý, phát hiện, can thiệp, trợ giúp đối với trẻ em có nguy cơ bị tổn thương, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, xâm hại chưa kịp thời, do thiếu cán bộ, cộng tác viên ở cơ sở để thường xuyên nắm bắt thông tin biến động của các đối tượng này, kịp thời can thiệp để trẻ em không bị bạo lực, xâm hại; việc tái hoà nhập trẻ em cũng còn gặp nhiều khó khăn. Việc cung cấp và kết nối các dịch vụ can thiệp, trợ giúp đối tượng bị bạo lực, xâm hại còn hạn chế, thiếu hoặc chưa có chỗ ở tạm thời, chăm sóc y tế đặc thù, trị liệu tâm lý. Việc kết nối giữa các trung tâm và cộng đồng còn hạn chế, chưa linh hoạt

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Chương 2 phân tích thực trạng vai trò của NVCTXH trong phòng, chống BLGD và một số yếu tố chủ quan, khách quan có ảnh hưởng tới việc thực hiện vai trò của NVCTXH trong phòng, chống BLGD tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Năm vai trò được phân tích: Vai trò là người cung cấp thông tin, truyền thông; vai trò là người kết nối; Vai trò là người chăm sóc; Vai trò là người trợ giúp pháp lý; Vai trò là người vận động nguồn lực. Vai trò là người cung cấp thông tin, truyền thông được thể hiện bằng việc NVCTXH là người cung cấp kiến thức, kỹ năng liên quan tới vấn đề cần giải quyết, nâng cao năng lực cho cá nhân, gia đình, nhóm hay cộng đồng qua tập huấn, giáo dục cộng đồng. Cụ thể ở đây các kiến thức, kỹ năng về bạo lực gia đình, huấn luyện cho thân chủ các kỹ năng phòng tránh và ứng phó với bạo lực gia đình.

Với vai trò chăm sóc nhân viên CTXH trực tiếp cung cấp dịch vụ trợ giúp cho những cá nhân, gia đình có bạo lực mà không có khả năng tự đáp ứng đầy đủ nhu cầu của mình và giải quyết vấn đề. VD trong trường hợp nạn nhân bị tổn thương nặng.

Vai trò trợ giúp pháp lý nhân viên CTXH là người biện hộ, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của thân chủ để họ được hưởng những dịch vụ, chính sách, quyền lợi theo quy định của pháp luật. Đặc biệt là trong những trường hợp thân chủ bị từ chối những dịch vụ, chính sách đáng lẽ ra họ được hưởng.

Vai trò người vận động nguồn lực nhân viên CTXH là người trợ giúp thân chủ (cá nhân, gia đình, cộng đồng...) tìm kiếm nguồn lực (nội lực, ngoại lực) cho giải quyết vấn đề. Nguồn lực có thể bao gồm về con người,

về cơ sở vật chất, về tài chính, kỹ thuật, thông tin, sự ủng hộ về chính sách, chính trị và quan điểm...

Một số yếu tố ảnh hưởng tới vai trò NVCTXH trong phòng chống BLGD bao gồm yếu tố chủ quan từ phía NVCTXH, về trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, kinh nghiệm, kỹ năng, lòng yêu nghề. Cùng các yếu tố khách quan: Điều kiện phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, của đất nước và những chủ chương chính sách của Đảng, Nhà nước đối với phát triển nghề CTXH, nhận thức của cộng đồng về CTXH, gia đình và bản thân những người bị BLG. Nhân viên CTXH cần nhận ra những yếu tố nào ảnh hưởng không tốt tới việc vai trò của mình để có hướng khắc phục ngày một tốt hơn.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP VÀ KHUYẾN NGHỊ

3.1. Một số giải pháp góp phần thực hiện tốt vai trò của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD trên địa bàn huyện Phú Bình

3.1.1. Nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về BLGD và vai trò CTXH trong phòng chống BLGD.

Nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về BLGD và vai trò CTXH trong phòng chống BLGD là giải pháp để nâng cao hiệu quả CTXH trong phòng chống BLGD. Cần tổ chức nhiều hơn các buổi tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho người dân về phòng chống BLGD. Giải pháp tổ chức nhiều hơn các buổi tuyên truyền là giải pháp trực tiếp nhất, tác động trực tiếp tới nhận thức của người dân. Các buổi tuyên truyền với những nội dung cụ thể, từng tuần khác nhau với những nội dung khác nhau, sẽ cung cấp đến cho người dân những kiến thức về bạo lực gia đình và cách phòng chống bạo lực gia đình. Cần cung cấp cho người dân biểu bạo lực gia đình là gì, các hình thức bạo lực gia đình, nguyên nhân, nguy cơ, hậu quả và vòng tròn bạo lực gia đình, các luật pháp chính sách liên quan đến bạo lực gia đình, những kỹ năng sống cần thiết để duy trì gia đình hạnh phúc, những kỹ năng giải quyết mâu thuẫn, kiềm chế cảm xúc, kỹ năng sống khác. Cần tuyên truyền một tuần một lần, và đều đặn để người dân được tiếp thu kiến thức theo một mạch và liên tục. Cần phát đi phát lại các bài tuyên truyền trên loa truyền thanh để người dân có thể nghe vào nhiều thời điểm khác nhau. Tuyên truyền cần kết hợp giữa tuyên truyền trực tiếp và tuyên truyền gián tiếp qua các tờ rơi với hình ảnh sinh động, trực quan, nội dung ngắn gọn dễ hiểu để người dân nhận thức được BLGD là vi phạm pháp luật. Cần tập huấn nhiều hơn nữa cho các cán bộ ở cơ sở về phòng chống BLGD. Các cán bộ ở cơ sở hiện nay là người

trực tiếp trợ giúp và can thiệp các vụ việc bạo lực gia đình, khi được tập huấn nâng cao trình độ, họ sẽ có hiểu biết đầy đủ và chính xác hơn về vấn đề bạo lực gia đình, từ đó họ kết hợp với tình hình thực tế tại địa phương để đưa ra những giải pháp phù hợp để phòng chống BLGD. Khi có nhận thức đúng và hiểu đúng về vấn đề thì các hoạt động mới chính xác, hiệu quả, thiết thực và nạn nhân mới nhận được sự trợ giúp hiệu quả nhất. Một tháng các cán bộ cần được đi tập huấn 1 lần, để bổ sung kiến thức còn thiếu, học hỏi thêm kinh nghiệm giải quyết vấn đề để về triển khai, áp dụng thực tế vào địa phương.

Với nhiều hình thức, hoạt động truyền thông phong phú như: Tổ chức gặp mặt biểu dương các gia đình tiêu biểu; nói chuyện chuyên đề về gia đình; tọa đàm, hội nghị truyền thông, tập huấn, các chiến dịch truyền thông nhân dịp các ngày lễ lớn; cổ động; tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông đại chúng chủ đề và các thông điệp về ngày gia đình hàng năm như “Ông bà gương mẫu, con cháu thảo hiền” “Vì một mái ấm gia đình không có bạo lực” “Giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá gia đình Việt Nam”; tuyên truyền trực quan, treo băng rôn, khẩu hiệu; lồng ghép nội dung về gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình vào hoạt động của phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng ĐSVH" trong các buổi họp, sinh hoạt của xóm, tổ dân phố, của đoàn thể...

Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về Luật phòng, chống bạo lực gia đình; Phát hành các tài liệu về công tác gia đình tới các xã, thị trấn trên địa bàn huyện như đĩa truyền về công tác gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình; sách “Tiểu phẩm sân khấu tuyên truyền phòng, chống bạo lực gia đình”; sách xanh “Gia đình Việt Nam”, “Bạo lực gia đình ở Việt Nam và giải pháp phòng, chống”; cuốn tài liệu “Các văn bản của Đảng và Nhà nước về công tác Gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình”; Luật phòng, chống bạo lực gia đình; hỏi đáp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng, chống bạo lực gia đình...

Từ các hoạt động tuyên truyền đã giúp cho nhận thức về phòng, chống bạo lực gia đình của người dân được nâng lên rõ rệt. Đa số các hộ dân đã nhận thấy được trách nhiệm của mình trong việc phát hiện, tố cáo những hành vi bạo hành gia đình để các cơ quan chức năng kịp thời can thiệp cũng như quan tâm nhiều hơn đến việc phát triển kinh tế gắn với xây dựng gia đình văn hóa.

3.1.2. Xây dựng đội ngũ nhân viên CTXH chuyên nghiệp và phát triển đội ngũ cộng tác viên CTXH tại địa phương

Xây dựng đội ngũ nhân viên CTXH, tuyển chọn và đào tạo chuyên sâu; tuyển thêm cộng tác viên làm việc trong lĩnh vực phòng, chống BLGD; đào tạo tập huấn thêm cho các cán bộ kiêm nhiệm, NVXH bán chuyên nghiệp. Cần có nhân viên CTXH chuyên nghiệp làm việc tại địa phương để phòng chống bạo lực gia đình. Nhân viên xã hội chuyên nghiệp là những người đã được đào tạo bài bản, có kiến thức và kỹ năng giải quyết vấn đề, với các vai trò của mình họ sẽ trợ giúp cho nạn nhân bị bạo lực gia đình, người gây bạo lực, trẻ em trong gia đình bị bạo lực theo một tiến trình cụ thể khoa học. Việc trợ giúp hướng tới mang lại hiệu quả tốt nhất cho người được trợ giúp và giải quyết gốc rễ của vấn đề, việc trợ giúp cũng hướng tới những điều thân chủ thực sự cần và mong muốn chứ không phải trợ giúp như hiện nay theo kinh nghiệm cá nhân. Bên cạnh đó khi có nhân viên CTXH chuyên nghiệp làm việc, cần lập những kế hoạch tuyên truyền để tuyên truyền vận động công đồng phòng chống BLGD. Khi có những vụ việc BLGD xảy ra, nạn nhân sẽ được hỗ trợ kịp thời, được đảm bảo an toàn và được biện hộ, kết nối với các dịch vụ. Khi có NVXH chuyên nghiệp làm việc, hoạt động phòng chống BLGD sẽ đạt hiệu quả tốt hơn. Cần đào tạo chuyên sâu về CTXH cho những NVXH bán chuyên nghiệp đang làm việc, cần nâng cao trình độ, bồi dưỡng tập huấn, tổ chức thêm các buổi tham quan mô hình phòng chống BLGD đã đạt hiệu quả để áp dụng cho địa phương. Tuyển cộng tác viên, tăng cường tổ chức các buổi hội thảo để nâng cao kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cộng tác viên.

Chất lượng và hiệu quả hoạt động CTXH trong PCBLGD được quyết định một phần không nhỏ bởi năng lực, trình độ của NVCTXH.

Cần tuyển dụng nhân viên CTXH chuyên nghiệp làm việc trên địa bàn. Họ là những người đã được đào tạo bài bản, có chuyên môn về ngành CTXH, có kinh nghiệm lâu năm, có trách nhiệm với công việc và kỹ năng giải quyết vấn đề. Với các vai trò của mình họ sẽ can thiệp, hỗ trợ cho nạn nhân bị bạo lực gia đình, người có hành vi bạo lực, trẻ em và các đối tượng dễ tổn thương trong gia đình bị bạo lực một cách khoa học, chuyên nghiệp, hiệu quả.

Bổ sung thêm NVCTXH bán chuyên nghiệp, tuyển thêm cộng tác viên làm việc trong lĩnh vực phòng, chống BLGD.

3.1.3. Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng CTXH trong lĩnh vực phòng, chống BLGD cho đội ngũ NVXH chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp

Đây là nhiệm vụ thiết yếu và cấp bách với các ban ngành đoàn thể địa phương đặc biệt là ngành Lao động – Thương binh và Xã hội trong bối cảnh chưa có NVXH chuyên nghiệp về CTXH làm việc trong lĩnh vực bình đẳng giới, phòng chống BLGD.

Cần nâng cao trình độ, bồi dưỡng tập huấn kiến thức về CTXH trong phòng, chống BLGD cho đội ngũ NVCTXH bán chuyên nghiệp, cán bộ và cộng tác viên tham gia công tác PCBLGD nói chung và hoạt động CTXH trong PCBLGD nói riêng. Họ thường là những cán bộ, đảng viên đảm nhiệm cương vị quản lý, điều hành trong các ban ngành đoàn thể; là lực lượng nòng cốt trong quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động; trực tiếp đề xuất giúp cấp uỷ, chính quyền quyết định những chủ trương, chương trình, kế hoạch liên quan đến phòng chống BLGD, thực hiện nhiệm vụ xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc; chính vì vậy, việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ này là quan trọng và cần thiết, góp phần nâng cao hiệu quả và chất lượng công tác phòng chống BLGD nói chung, hiệu quả các hoạt động CTXH trong PCBLGD nói riêng.

+ *Các kiến thức liên quan đến CTXH trong PCBLGD cần bồi dưỡng* bao gồm: Trách nhiệm PCBLGD, các kiến thức chung về BLGD, luật pháp, chính sách về PCBLGD, vai trò của công tác xã hội trong PCBLGD, các hoạt động CTXH trong PCBLGD...

+ *Những kỹ năng liên quan đến CTXH trong PCBLGD cần bồi dưỡng* bao gồm: Kỹ năng và sự nhạy cảm trong xử lý BLGD, kỹ năng giáo dục, truyền thông; kỹ năng tham vấn tâm lý, tư vấn, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng vận động nguồn lực, kỹ năng trợ giúp pháp lý và hướng dẫn thi hành pháp luật...

Đội ngũ NVCTXH và cộng tác viên cùng toàn thể tổ chức, đoàn thể đang làm công tác PCBLGD nói chung và hoạt động CTXH trong PCBLGD nói riêng cần tích cực chủ động học tập để nâng cao trình độ và tăng cường các giải pháp nhằm hạn chế các khó khăn và nâng cao chất lượng các hoạt động.

3.1.4. Xây dựng mạng lưới, phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng, chống bạo lực gia đình

Cộng đồng là nguồn lực quan trọng trong phòng chống BLGD. Để giúp phòng chống BLGD có hiệu quả việc xây dựng mạng lưới, phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng, chống bạo lực gia đình có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, vận động nâng cao nhận thức về phòng, chống BLGD; phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị xã hội với những giải pháp như xây dựng mạng lưới cộng tác viên, tình nguyện viên; thực hiện tư vấn trợ giúp pháp lý chăm sóc sức khỏe nạn nhân; gắn liền nhân rộng các mô hình phòng, chống BLGD ở cộng đồng; bảo đảm phát huy vai trò dòng họ và cộng đồng thông qua nội dung trong quy ước, hương ước nhằm giữ gìn truyền thống tốt đẹp trong gia đình, dòng họ, cùng nhau xây dựng tổ ấm hạnh phúc, không có bạo lực .

3.1.5. Hoàn thiện cơ sở pháp lý để xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của nhân viên công tác xã hội nói chung, trong phòng chống BLGD nói riêng

Việc hoàn thiện hệ thống cơ sở pháp lý để xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của nhân viên CTXH là một việc vô cùng quan trọng và cần thiết

Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác xã hội để trợ giúp các đối tượng như: Người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người nhiễm HIV... đã được quy định tại nhiều luật, bộ luật chuyên ngành, bao gồm: Bộ luật Lao động; Luật Người cao tuổi; Luật Trẻ em... và nhiều chương trình, đề án, chính sách trợ giúp xã hội giải quyết trợ cấp hằng tháng cho hàng triệu người, các đối tượng trợ giúp xã hội. Tuy nhiên, khuôn khổ pháp lý phát triển nghề CTXH chưa được hoàn chỉnh, đặc biệt là vai trò, nhiệm vụ của công chức, viên chức, nhân viên CTXH chưa được xác định cụ thể trong một số bộ luật, luật liên quan; chưa có luật quy định riêng về CTXH cho trợ giúp đối tượng yếu thế; các văn bản pháp luật quy định về công tác xã hội có giá trị pháp lý tương đối thấp, chủ yếu là nghị định và thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan.

Để nghề công tác xã hội thật sự phát triển, phục vụ cho công tác an sinh xã hội, các đại biểu đã đề xuất nhiều nội dung, kiến nghị. Trong đó, nổi bật là việc cần xây dựng hệ thống văn bản pháp luật tốt trong lĩnh vực nghề công tác xã hội. Bởi lẽ, đối với nhiều quốc gia trên thế giới, nghề công tác xã hội đã phát triển thành chuyên nghiệp với một hệ thống pháp luật hết sức cụ thể.

3.2. Kiến nghị

3.2.1. Đối với nhà nước.

Để hoạt động phòng, chống BLGD đạt hiệu quả cần xây dựng hệ thống văn bản pháp luật tốt trong lĩnh vực nghề công tác xã hội, vấn đề BLGD. Và có những chính sách hỗ trợ cần thiết và về vật chất và tinh thần đối với những người làm công tác xã hội.

Rà soát lại khung luật pháp chính sách góp phần nâng cao hiệu quả CTXH trong phòng, chống BLGD. Luật pháp hiện nay vẫn còn nhiều kẽ hở, khó xác định mức độ để có những hình phạt phù hợp. Bên cạnh đó, khi bị phạt tiền nhiều khi nạn nhân lại chính là người đi nộp phạt do vậy cần rà soát lại khung luật pháp chính sách chặt chẽ để bảo vệ nạn nhân và giảm thiểu số vụ BLGD.

3.2.2. Đối với UBND huyện và các cơ quan chức năng .

Qua tìm hiểu thực trạng Công tác xã hội trong phòng chống BLGD trên địa bàn huyện Phú Bình tôi có một số kiến nghị: UBND huyện cần quan tâm hơn nữa đến công tác phòng chống bạo lực gia đình, cần có những kế hoạch dài hạn để thực hiện. Vì BLGD không chỉ là chuyện riêng của gia đình mà BLGD là vấn đề của toàn xã hội, gia đình là tế bào của xã hội, gia đình có êm ấm, hạnh phúc thì xã hội mới phát triển được. Do vậy quan tâm đến công tác phòng chống sẽ giảm thiểu số vụ BLGD , giúp cho công tác khắc phục ít tốn kém và ít có hậu quả nặng nề. Chính quyền xã cần bổ sung thêm CTXH chuyên nghiệp, họ là những người được đào tạo bài bản, có kiến thức, có kỹ năng và có khả năng giải quyết những vấn đề xã hội nảy sinh. Khi có vụ việc BLGD xảy ra, Nhân viên CTXH sẽ giải quyết theo tiến trình, từng bước và sẽ trợ giúp cho nạn nhân đạt hiệu quả nhất. Bên cạnh đó nhân viên CTXH còn trợ giúp cho người gây bạo lực, bảo vệ trẻ em trong những gia đình bị bạo lực và thực hiện công tác tuyên truyền vận động cộng đồng phòng chống BLGD

Bạo lực gia đình luôn cần sự vào cuộc của các cơ quan chức năng, khi chung tay phòng chống, thì BLGD sẽ được giảm dần. Công an xã cần quan tâm hơn nữa đến vấn đề BLGD, khi có vụ việc BLGD xảy ra cần có mặt kịp thời và nhanh chóng, can ngăn không để người gây bạo lực tiếp tục hành hung nạn nhân. Và sau đó cần phải xử lý nghiêm khắc những người gây ra bạo lực, chứ không nên giảm nhẹ tội, vì họ không bị xử lý đúng tội thì họ sẽ coi

thường và dễ tái phạm lần sau. Tùy vào mức độ thương tật mà có các hình thức xử lý phù hợp. Công an xã cần có đường dây nóng, để khi có vụ việc xảy ra, nạn nhân có thể kịp thời gọi vào đường dây nóng này, để kêu gọi sự trợ giúp.

Trạm y tế xã cần kết hợp với các ban ngành đoàn thể để phát hiện các vụ việc BLGD và tìm hiểu nguyên nhân của BLGD để có biện pháp trợ giúp hiệu quả.

Trường học cần liên kết với gia đình để theo dõi tình hình học tập của các cháu. Những trẻ trong gia đình có bạo lực thường chán nản, không tập trung học, hoặc học tập sa sút, đạt kết quả kém, các em do phát triển tâm sinh lý không ổn định nên rất dễ bị các đối tượng xấu lôi kéo dụ dỗ vào các tệ nạn xã hội. Nhà trường và gia đình cần sát sao, phối hợp để việc giáo dục cho trẻ đạt hiệu quả. Giáo viên cũng cần quan tâm hơn đến những trẻ mà gia đình có bạo lực, ổn định tâm lý, chia sẻ động viên với các em, để các em có niềm tin, có điểm tựa để phấn đấu trong học tập. Trường học cần tạo môi trường học tập thân thiện, thuận lợi nhất để các em phát triển toàn diện.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Chương 3 tác giả đề xuất một số giải pháp, kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả Công tác xã hội trong phòng chống BLGD tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Tác giả đề cập đến 5 giải pháp, bao gồm:

- Nâng cao nhận thức của cán bộ và người dân về BLGD và vai trò CTXH trong phòng, chống BLGD.

- Xây dựng đội ngũ nhân viên CTXH chuyên nghiệp và phát triển đội ngũ cộng tác viên CTXH tại địa phương

- Tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng CTXH trong lĩnh vực phòng, chống BLGD cho đội ngũ NVXH chuyên nghiệp và bán chuyên nghiệp.

- Xây dựng mạng lưới, Phát huy vai trò của cộng đồng trong phòng, chống bạo lực gia đình.

- Hoàn thiện cơ sở pháp lý để xác định rõ trách nhiệm và quyền hạn của nhân viên CTXH nói chung, trong phòng chống BLGD nói riêng.

Đồng thời, tác giả đưa ra một số đề xuất, kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD.

PHẦN KẾT LUẬN

Thông qua nghiên cứu vai trò của nhân viên CTXH trong phòng chống BLGD tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên nhận thấy tình trạng BLGD trên địa bàn diễn ra khá phổ biến nhưng nhiều vụ việc vẫn chưa được phát hiện, nhận thức của người dân về BLGD còn nhiều hạn chế, họ vẫn coi rằng BLGD là chuyện riêng của từng gia đình và chỉ nhờ đến sự trợ giúp khi họ không tự giải quyết được vấn đề.

Công tác phòng, chống BLGD đã được quan tâm nhưng còn nhiều hạn chế. Các cán bộ ở địa phương cũng đã nhận thức được một phần về tầm quan trọng của việc phòng chống BLGD nhưng cách thức để phòng chống và hiệu quả đạt được chưa cao. Hoạt động tuyên truyền chưa đạt hiệu quả thực sự, nhiều người dân vẫn không biết về các luật pháp chính sách liên quan đến phòng, chống BLGD. Các mô hình phòng chống BLGD như ban phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; tổ hòa giải; các địa chỉ tin cậy đã đạt được một số hiệu quả nhưng vẫn còn nhiều hạn chế.

Hoạt động CTXH trong phòng, chống BLGD còn mờ nhạt. Ở địa phương chưa có đội ngũ nhân viên CTXH chuyên nghiệp nên việc phòng chống BLGD chưa đạt được hiệu quả cao, những vụ bạo lực về tinh thần, kinh tế, tình dục chưa được phát hiện. Hoạt động trợ giúp nạn nhân chưa đúng theo quy trình, chưa đầy đủ và khoa học, sự trợ giúp hiện nay đang theo kinh nghiệm của cá nhân chứ chưa tập trung vào nhu cầu của nạn nhân. Hoạt động công tác xã hội với người gây bạo lực chỉ dừng lại ở việc nhắc nhở, cảnh cáo xử phạt chứ chưa tìm hiểu khó khăn họ đang gặp phải, việc trợ giúp trẻ em trong gia đình bị bạo lực cũng còn nhiều hạn chế. NVXH bán chuyên nghiệp chưa thực hiện được hoạt động tham vấn, kết nối biện hộ và việc tuyên truyền về phòng, chống BLGD đạt hiệu quả chưa cao.

Từ những kết quả phân tích đánh giá thực trạng vai trò của nhân viên CTXH trong phòng, chống BLGD trên địa bàn huyện Phú Bình, đề xuất các giải pháp giúp phát huy vai trò của nhân viên CTXH trong phòng, chống BLGD . Các giải pháp này cần được thực hiện đồng bộ, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để việc phòng, chống BLGD trên địa bàn huyện đạt được hiệu quả hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Thị Xuân Mai, “ Nhập môn Công tác xã hội – Đại học Lao động Xã hội” Giáo trình.
2. Hoàng Bá Thịnh “Bạo lực giới trong gia đình Việt Nam và vai trò của truyền thông đại chúng trong sự nghiệp phát triển phụ nữ”
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ,2013.
4. Lê Thị Phương Mai và Lê Ngọc Lân, năm 2002 “Nghiên cứu điều tra khảo sát về bạo hành trên cơ sở giới tại một số cơ sở y tế và cộng đồng, huyện Gia Lâm, Hà Nội” , đề tài nghiên cứu.
5. Nhóm tác giả Lê Minh Thi và Nguyễn Thanh Hà, năm 2006 “Thực trạng và một số yếu tố liên quan đến bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại huyện An Dương, Hải Phòng” , công trình khoa học.
6. Nguyễn Thị Thu Hà, tháng 9/1997“Bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh” Nghiên cứu.
7. Nguyễn Thị Hoài Đức, năm 2001 “Vấn đề bạo lực với phụ nữ trong gia đình và thái độ, thực hành của cán bộ y tế (thực hiện tại Hà Nội và Ninh Bình)” , đề tài nghiên cứu.
8. Quốc hội khóa X (1992), Luật hôn nhân và gia đình.
9. Quốc hội khóa XI (2006), Bình đẳng giới.
10. Quốc hội khóa XII (2007) Luật phòng, chống BLDGĐ
11. Trần Thị Kim Thanh, 2016 “ Công tác xã hội đối với nạn nhân bị bạo lực gia đình từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh” , luận văn.
12. Trung tâm Sức khỏe sinh sản và Gia đình, năm 2008, “Thực trạng bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Huyện Nam Đàn và Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An” , công trình khoa học.

13. TS. Bùi Thị Mai Đông, 2015, Tập bài giảng Công tác xã hội trong phòng chống bạo lực gia đình – Học viện phụ nữ Việt Nam.
14. TS. Bùi Thị Mai Đông , 2013 “Hiệu quả hoạt động của các mô hình can thiệp, hỗ trợ cho phụ nữ bị BLGD tại cơ sở của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam” (nghiên cứu trường hợp thuộc 4 xã/ phường tại huyện Tiên Du và Thị xã Từ Sơn, Tỉnh Bắc Ninh) , Nghiên cứu
15. Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, tháng 12/2004. “Khảo sát thực trạng bạo lực trong gia đình tại Miền Đông nam bộ”, nghiên cứu.
16. Tổng cục thống kê , năm 2010 “Nghiên cứu quốc gia về bạo lực gia đình đối với phụ nữ tại Việt Nam”

PHỤ LỤC

Phụ lục1:

BẢNG HỎI **(Dùng để hỏi người dân)**

Chào anh/chị!

Tôi là Học viên cao học ngành Công tác xã hội – Trường Đại học lao động – Xã hội. Hiện tôi đang nghiên cứu đề tài “Vai trò của nhân viên Công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên”. Tôi rất mong nhận được sự giúp đỡ của anh/chị bằng cách trả lời những câu hỏi dưới đây. Câu trả lời của anh/chị là những tư liệu vô cùng quý giá để tôi hoàn thiện luận văn của mình. Tôi xin cam đoan những thông tin anh/chị cung cấp chỉ sử dụng cho việc nghiên cứu mà không được sử dụng vào bất kỳ mục đích nào khác.

Xin chân thành cảm ơn anh/chị!

A. THÔNG TIN VỀ CÁ NHÂN NGƯỜI TRẢ LỜI

Xin anh /chị vui lòng cho biết đôi điều về bản thân bằng cách khoanh tròn vào chữ cái (a hoặc b hoặc c ...) đầu mỗi câu trả lời phù hợp với anh /chị):

Câu 1. Giới tính của anh/chị là:

a. Nam b. Nữ c. Khác

Câu 2. Độ tuổi của anh/chị :

- | | |
|--------------------|-----------------------|
| a. Dưới 18 tuổi | d. Từ 41 - 60 tuổi |
| b. Từ 18 - 25 tuổi | e. Từ 61 tuổi trở lên |
| c. Từ 26 - 40 tuổi | |

Câu 3. Nghề nghiệp của anh/chị:

- | | |
|-------------------------|-------------------------|
| a. Không có việc làm | e. Công chức, viên chức |
| b. Nội trợ | f. Làm thuê |
| c. Làm nông nghiệp | g. Khác (ghi rõ): |
| d. Buôn bán, kinh doanh | |

Câu 4. Trình độ học vấn:

- | | |
|--------------------|-------------------------|
| a. Tiểu học | c. Trung học phổ thông |
| b. Trung học cơ sở | d. Khác (Ghi rõ): |

Câu 5. Trình độ chuyên môn:

- | | |
|----------------------------|-------------------------|
| a. Sơ cấp | d. Đại học |
| b. Trung cấp chuyên nghiệp | e. Sau đại học |
| c. Cao đẳng | f. Khác (Ghi rõ): |

Câu 6. Đánh giá mức sống của gia đình anh/chị:

- | | |
|-----------------|---------------------|
| a. Hộ nghèo | c. Hộ trung bình |
| b. Hộ cận nghèo | d. Hộ khá giả, giàu |

Câu 7. Tình trạng hôn nhân:

- | | |
|--------------------------------|-------------------------|
| a. Chưa từng kết hôn | d. Góa bụa |
| b. Đang sống cùng vợ/chồng | e. Sống đơn thân |
| c. Đã ly hôn/đang sống ly thân | f. Khác (Ghi rõ): |

B. THỰC TRẠNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH VÀ HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH TẠI HUYỆN PHÚ BÌNH

Câu 8. Theo anh/chị, trong những hành vi nào dưới đây là hành vi bạo lực gia đình? (Hãy khoanh tròn vào chữ cái đầu mỗi dòng phù hợp với anh/chị. Có thể chọn nhiều phương án)

- a. Đám/đá/tát/đạp
- b. Mắng chửi/lãng mạ/xỉ nhục
- c. Không cho ăn
- d. Đuổi ra khỏi nhà
- e. Ép quan hệ tình dục
- f. Cấm/hạn chế giao tiếp, gặp gỡ với mọi người
- g. Cấm/hạn chế tham gia các hoạt động xã hội
- h. Khác (ghi rõ):
-

Câu 9. Tình hình bạo lực gia đình diễn ra ở địa phương anh/chị (xóm/ thôn/ xã) như thế nào? (Mỗi loại hình bạo lực chỉ chọn 1 mức độ xảy ra)

Ghi chú:

- Không hề xảy ra: 1
- Thường xuyên xảy ra: 3
- Đôi khi xảy ra: 2
- Không biết: 4

Đánh dấu vào ô lựa chọn sau:

Loại hình bạo lực	Mức độ tần xuất xảy ra			
	(1)	(2)	(3)	(4)
1. Bạo lực thể chất				
2. Bạo lực tinh thần				
3. Bạo lực tình dục				
4. Bạo lực kinh tế				

Câu 10. Anh/chị đã bao giờ bị bạo lực gia đình chưa? Nếu có thì đã bị mấy lần trong đời? (Chỉ chọn một phương án)

- a. Chưa từng bị lần nào
b. Bị 01 lần trong đời
c. Bị từ 2-3 lần trong đời
d. Bị trên 3 lần trong đời

Câu 11. Khi gia đình anh/chị hoặc nhà hàng xóm xảy ra bạo lực gia đình, anh/chị thường làm gì? (Có thể chọn nhiều phương án)

- a. Đóng cửa để không ai biết
b. Tìm cách chấm dứt, can ngăn
c. Ủng hộ/ bênh vực người gây bạo lực
d. Bảo vệ nạn nhân và trẻ em
e. Báo cho chính quyền địa phương
f. Gọi cảnh sát
g. Gọi người tới giúp
h. Báo cho người có trách nhiệm
i. Lờ đi, không quan tâm
j. Khác (ghi rõ):

C. VAI TRÒ CỦA NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI TRONG PHÒNG CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH

Câu 12. Địa phương anh/chị có nhân viên công tác xã hội không? (Chỉ chọn một phương án):

- a. Có b. Không có c. Không biết

Câu 13. Ở địa phương anh/chị, ai là người đã thực hiện các công việc dưới đây khi bạo lực gia đình xảy ra? Anh chị đánh giá như thế nào về hiệu quả của các hoạt động này ?(Có thể chọn nhiều phương án bằng cách điền số vào ô số thích hợp trong bảng)

Người thực hiện:

- | | |
|--------------------------|----------------------------|
| - Người trong gia đình:a | - Công tác viên CTXH: f |
| - Công an viên: b | - Cán bộ các ban ngành: g |
| - Cán bộ chính quyền: c | - Cán bộ đoàn thể: h |
| - Cán bộ đảng: d | - Người dân địa phương: i |
| - Nhân viên CTXH: e | - Người khác (ghi rõ)..... |

Hiệu quả hoạt động :

- | | |
|---------------------|---------------------------|
| - Không hiệu quả: 0 | - Hiệu quả bình thường: 2 |
| - Hiệu quả thấp: 1 | - Hiệu quả cao: 3 |

Hoạt động/công việc	Người thực hiện (chọn a,b,c...)	Hiệu quả hoạt động (Chọn 0.1,2...)
1. Tách nạn nhân ra khỏi người gây bạo lực		
2. Gọi cho các bên liên quan để cùng can thiệp, giải quyết		
3. Sơ cứu cho nạn nhân (nếu nạn nhân bị thương)		
4. Đưa nạn nhân đến cơ sở y tế để được chăm sóc		
5. Kết nối nạn nhân với các dịch vụ xã hội, đáp ứng nhu cầu của nạn nhân		
6. Hỗ trợ nạn nhân tìm nơi tạm lánh an toàn		
7. Vận động nguồn lực, hỗ trợ nạn nhân các nhu cầu thiết yếu (đồ dùng cá nhân, tài chính)		
8. Tham vấn cá nhân, giúp nạn nhân ổn định tâm lý		
9. Hỗ trợ nạn nhân giải quyết vụ việc		
10. Tham vấn gia đình		
11. Tham gia tổ gia hòa giải		
12. Hỗ trợ nạn nhân giải quyết ly hôn		
13. Tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý		

14. Hỗ trợ chăm sóc trẻ em trong gia đình có bạo lực		
15. Hỗ trợ người có hành vi bạo lực nhận trách nhiệm		
16. Khác (ghi rõ).....		

Câu 14. Anh chị biết các văn bản pháp luật nào về bạo lực gia đình dưới đây? Biết ở mức độ nào? (Chọn số để điền vào cột tương ứng, phù hợp với anh/chị)

- Chưa từng nghe: 0
- Chỉ biết tên văn bản: 1
- Biết sơ sơ vài điều: 2
- Biết rất rõ nội dung: 3

Tên văn bản luật	Mức độ hiểu biết			
	(0)	(1)	(2)	(3)
9. Luật Hôn nhân và gia đình				
10. Luật Phòng, chống bạo lực gia đình				
11. Luật Bình đẳng giới				
12. Luật Trẻ em				
13. Luật Người cao tuổi				
14. Bộ Luật dân sự				
15. Bộ Luật hình sự				
16. Pháp lệnh dân số				

Câu 15. Anh chị biết các văn bản pháp luật về bạo lực gia đình nói trên qua kênh nào? (Có thể chọn nhiều phương án)

- | | |
|--------------------------------|---------------------------|
| a. Đài phát thanh, truyền hình | f. Nhân viên CTXH |
| b. Báo chí, tờ rơi, tài liệu | g. Cán bộ mặt trận |
| c. Cán bộ tư pháp xã | h. Cán bộ Hội phụ nữ xã |
| d. Công an viên | i. Cán bộ đoàn thanh niên |
| e. Trưởng thôn | j. Khác (ghi rõ) |

Câu 16. Theo anh/chị, đâu là nguyên nhân của bạo lực gia đình? (Có thể chọn nhiều phương án)

- | | |
|----------------------------------------|--------------------------------------------|
| a. Do bia rượu hoặc ma túy | e. Do thiếu hiểu biết về pháp luật |
| b. Do kinh tế gia đình nghèo
túng | f. Do nạn nhân có lỗi |
| c. Do cờ bạc, lô đề | g. Do bất bình đẳng giới trong gia
đình |
| d. Do không kiểm soát được bản
thân | h. Lý do khác (ghi rõ): |

Câu 17. Theo anh/chị, bạo lực gia đình gây ảnh hưởng đến ai? (Có thể chọn nhiều phương án)

- | | |
|-------------------------------------------------------|---------------------------------|
| a. Nạn nhân | d. Gia đình nạn nhân |
| b. Trẻ em trong gia đình | e. Người có hành vi bạo lực |
| c. Người cao tuổi, người khuyết tật
trong gia đình | f. Hàng xóm láng giềng |
| | g. Cộng đồng xã hội, địa phương |

Câu 18. Anh/chị đánh giá như thế nào về đội ngũ cán bộ tham gia Công tác xã hội trong hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở địa phương anh/chị

Trình độ, năng lực:

- Không có trình độ chuyên môn:0
- Trình độ đủ để đáp ứng yêu cầu:2
- Trình độ thấp, chưa đáp ứng yêu cầu:
- Trình độ cao, đáp ứng yêu cầu:3

1

Phẩm chất:

- Phẩm chất kém: 0
- Phẩm chất khá: 2
- Phẩm chất trung bình: 1
- Phẩm chất tốt: 3

Cán bộ tham gia Công tác xã hội trong phòng, chống BLGD	Trình độ, năng lực	Phẩm chất đạo đức
1. Cán bộ chính quyền xã		
2. Cán bộ đảng (bí thư thôn)		
3. Công an viên		
4. Nhân viên CTXH		
5. Cộng tác viên CTXH		
6. Cán bộ các ngành y tế		
7. Cán bộ Lao động – Xã hội		
8. Cán bộ Tư pháp		
9. Cán bộ Mặt trận tổ quốc		
10. Cán bộ Hội cựu chiến binh		
11. Cán bộ Hội phụ nữ		
12. Cán bộ đoàn Thanh niên		
13. Người dân địa phương		
14. Người khác (ghi rõ).....		

Câu 19. Theo anh/chị, cần phải làm gì để phát huy hơn nữa vai trò của Nhân viên CTXH trong phòng, chống BLGD ở địa phương ?

.....

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn anh/chị đã giúp đỡ tôi trong quá trình nghiên cứu!

Phụ lục 2.

MẪU PHỎNG VẤN SÂU

(Cán bộ lãnh đạo đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể)

Câu 1: Xin anh/chị vui lòng giới thiệu đôi nét về bản thân (Họ tên, tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn được đào tạo, chức vụ hiện tại, số năm công tác, thời gian hoạt động trong lĩnh vực công tác xã hội...)

Câu 2: Theo anh/chị, tình hình BLGD trên địa bàn huyện/xã anh/chị hiện nay đang diễn ra như thế nào? (Đánh giá của anh/chị về số vụ việc bạo lực gia đình, tần suất và mức độ nghiêm trọng? So với vài năm trước đây, tình trạng này tăng hay giảm? Ai là nạn nhân phổ biến của bạo lực gia đình? Ai là thủ phạm? Nguyên nhân, hậu quả của BLGD...)

Câu 4: Công tác phòng, chống bạo lực gia đình ở địa phương anh/chị được triển khai như thế nào? Việc thực hiện luật pháp, chính sách của nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình ở địa phương anh/chị có gì khó khăn, bất cập? Sự quan tâm chỉ đạo của đảng ủy và chính quyền địa phương và sự phối hợp giữa các ban/ngành, đoàn thể trong phòng, chống BLGD như thế nào?

Câu 5. Anh/chị hãy nêu một vài mô hình hoạt động phòng, chống BLGD ở địa phương? (Có Ban chỉ đạo phòng chống BLGD không? Gồm có những ai ? Có câu lạc bộ gia đình hạnh phúc, các địa chỉ tin cậy ở cộng đồng phòng chống BLGD không?... Các mô hình đó do ai thực hiện? Hiệu quả hoạt động của các mô hình ?

Câu 6. Địa phương anh/chị có nhân viên Công tác xã hội chuyên trách không? Nếu có, hãy đánh giá vai trò của đội ngũ nhân viên này trong các hoạt động phòng, chống BLGD? Nếu không có, xin anh/chị cho biết, ai là người can thiệp, hỗ trợ nạn nhân khi BLGD xảy ra? Ai là người tuyên truyền, phổ biến luật pháp, chính sách về BLGD và vận động người dân thực hiện tốt các luật pháp, chính sách đó?

Câu 7. Anh chị đánh giá như thế nào về đội ngũ những người làm công tác xã hội trong phòng, chống BLGD? Theo anh/chị, chính quyền địa phương và các ban, ngành, đoàn thể cần làm gì để phát huy vai trò của đội ngũ nhân viên CTXH bán chuyên nghiệp trong công tác phòng, chống BLGD?

Phụ lục 2.

MẪU PHÒNG VẤN SÂU

(Những người làm CTXH)

Câu 1. Anh/chị vui lòng giới thiệu đôi nét về bản thân? (Họ tên, tuổi, trình độ đào tạo, chuyên môn được đào tạo, vị trí công việc hiện tại, số năm công tác, thời gian tham gia công tác xã hội...)

Câu 2. Theo anh/chị, tình hình BLGD trên địa bàn huyện/xã anh/chị hiện nay đang diễn ra như thế nào? (số vụ việc bạo lực gia đình so với vài năm trước đây có chiều hướng tăng hay giảm? tần suất và mức độ nghiêm trọng của các vụ việc? Ai là nạn nhân phổ biến của bạo lực gia đình? Ai là thủ phạm? Nguyên nhân, hậu quả của BLGD....)

Câu 3. Địa phương có những mô hình hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình nào? Do ai thực hiện? Mức độ? Hiệu quả các hoạt động như thế nào?

Câu 4. Anh/chị có thường xuyên tham gia giải quyết các vụ việc BLGD không? Tham gia với vai trò gì? tư cách gì? anh/chị được giao nhiệm vụ hay tự nguyện tham gia?

Câu 5. Khi bạo lực gia đình xảy ra, những đối tượng nào được anh/chị hỗ trợ ? nạn nhân hay trẻ em là con của nạn nhân hay cả hai? Anh/chị làm gì để hỗ trợ nạn nhân, trẻ em trong gia đình có bạo lực và người có hành vi bạo lực ?

Câu 6: Anh/chị đã từng tham gia lớp tập huấn/đào tạo nào về công tác xã hội chưa? Anh chị thấy cần bổ sung kiến thức, kỹ năng gì để thực hiện tốt các vai trò của nhân viên CTXH trong phòng, chống BLGD?

Câu 7. Theo anh/chị, chính quyền địa phương cần làm gì để anh/chị thực hiện tốt hơn các vai trò của nhân viên công tác xã hội?

Phụ lục 3:

MẪU PHÒNG VẤN SÂU
(Nạn nhân của bạo lực gia đình)

Câu 1: Xin anh/chị vui lòng giới thiệu đôi nét về bản thân? (Họ tên, tuổi, trình độ văn hóa, nghề nghiệp? Tình trạng hôn nhân? Số con? ...)

Câu 2. Theo anh/chị, những hành vi nào được coi là hành vi BLGD? Những hành vi nào có thể chấp nhận được và những hành vi nào không thể chấp nhận trong xã hội chúng ta? Nguyên nhân, Hậu quả của Bạo lực gia đình đối với bản thân anh/chị; đối với gia đình anh/chị và đối với trẻ em ?

Câu 3. Anh/chị bị bạo lực gia đình trong bối cảnh nào? (Ai là người gây bạo lực? Lý do dẫn đến bị bạo lực ? Anh/chị có thường xuyên bị bạo lực không?...) lần bị BLGD gần đây nhất diễn ra cách đây bao lâu? Loại bạo lực gì? Mức độ nghiêm trọng?

Câu 4. Khi bị bạo lực, anh/chị có phản ứng như thế nào? Có hiệu quả không?

Câu 5. Khi bạo lực gia đình xảy ra, anh/chị có nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ nào không? Nhận được từ ai? Hỗ trợ như thế nào? Hiệu quả của sự hỗ trợ?

Câu 6. Khi BLGD xảy ra, anh/chị có tìm đến các địa chỉ tin cậy để được giúp đỡ không? Anh/chị đã được hỗ trợ những gì ? hỗ trợ như thế nào?... Ở địa phương có nhân viên CTXH không? Nếu có, anh/chị nhận được sự trợ giúp gì từ họ? Hiệu quả của sự trợ giúp?

Câu 8: Địa phương đang có những hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình nào? Ai thực hiện? Mức độ thực hiện như thế nào?